NatStrat

Centre for Research on Strategic and Security Issues

# India's Strategic Autonomy:

## A Special Feature

**Editors: Pankaj Saran & Raj Kumar Sharma**

**GEOPOLITICS** | **SECURITY** | **TECHNOLOGY & ECONOMY**

**Bản dịch bởi Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Dịch, hiệu đính, trình bày: Nguyễn Phương Uyên, Vũ Thùy Dương, Phạm Anh Thư, Đỗ Bạch Khôi Nguyên.**

**THÁNG 11/2026**

NatStrat

Centre for Research on Strategic and Security Issues

NatStrat is an independent, not-for-profit centre for research on strategic and security issues under the aegis of the Foundation for Pluralistic Research and Empowerment, a company incorporated and registered under Section 8 of the Companies Act, 2013, India.

## Follow Us On:

NatStrat | natstrat_org | natstrat_official | natstrat.official | natstrat_org | NatStrat

www.natstrat.org

# NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA CHO ẤN ĐỘ: TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC VÀ SỨC MẠNH CỦA SỰ CÂN BẰNG

**M J Akbar**



*Cố Tổng thống Ấn Độ, Pranab Mukherjee (thứ 7 từ trái sang), Nguyên Phó Tổng thống Ấn Độ, Mohammad Hamid Ansari (thứ 6 từ trái sang) và Thủ tướng Ấn Độ, Narendra Modi cùng lãnh đạo các quốc gia thành viên Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC) sau Lễ Tuyên thệ, tại Rashtrapati Bhavan, New Delhi vào ngày 26 tháng 5 năm 2014. | Văn phòng Tổng thống.*

## Ấn Độ, Hoa Kỳ và sự tình cờ của lịch sử

Khoảng cách chiến lược giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ - hai quốc gia chưa từng xảy ra chiến tranh và khó có khả năng đối đầu vũ trang - vẫn là một nghịch lý của địa chính trị đương đại. Vấn đề này càng trở nên phức tạp vì Washington liên tục hậu thuẫn cho Pakistan, một nhà nước thiếu ổn định, có quân đội công khai giương cao ngọn cờ Thánh chiến (*Jihad*) làm phương châm chính thức, lấy chủ nghĩa thượng đẳng tôn giáo làm hệ tư tưởng, đồng thời là nơi cung cấp chỗ dựa và chốn dung thân cho kẻ thù khét tiếng nhất của Hoa Kỳ trong thế kỷ XXI: trùm khủng bố Osama bin Laden; hiếm có điều gì lại đi ngược lại các giá trị mà Hoa Kỳ hằng tuyên xưng đến vậy.

Một phần nguyên nhân của thực trạng này bắt nguồn từ sự tình cờ của lịch sử. Trong giai đoạn 1947 - 1948, một sự trùng hợp đã đưa Ấn Độ và Hoa Kỳ trở thành những đại diện tiêu biểu cho hai thế giới quan song song.

Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ Jawaharlal Nehru tin chắc rằng Ấn Độ, sau khi thoát khỏi ách cai trị của Anh vào tháng 8 năm 1947, cần bảo vệ nền độc lập thông qua một chính sách đối ngoại cảnh giác, duy trì khoảng cách với các khối liên minh quân sự - vốn là mầm mống kéo dài các cuộc xung đột toàn cầu. Chỉ vài tuần sau khi giành độc lập, ông Nehru đã gửi thông điệp tới tạp chí Nền cộng hòa mới (*New Republic*) của Hoa Kỳ, khẳng định dứt khoát rằng, Ấn Độ sẽ tránh vướng mắc vào bất kỳ khối liên minh hoặc nhóm cường quốc nào bởi

các khối liên minh này chỉ châm ngòi cho chiến tranh.

Washington đã gạt bỏ quan điểm này, coi đó là lý tưởng viển vông, không có chỗ đứng trong thực tế khắc nghiệt của cuộc Chiến tranh Lạnh đang nhen nhóm giữa phe dân chủ tự do phương Tây và phe Cộng sản của Liên Xô.

Jefferson coi tự do là một nghĩa vụ, nhưng nghĩa vụ chính trị chuẩn mực đó lại vượt quá năng lực của Hoa Kỳ trong thế kỷ 19: trong khi các đế quốc thực dân châu Âu bóp nghẹt quyền tự do trên toàn cầu, Hoa Kỳ lại ưu tiên tích lũy kinh tế từ công cuộc khai khẩn và định cư trong nội địa. Tư duy của Hoa Kỳ chỉ thay đổi sau hai cuộc Chiến tranh Thế giới. Đứng trên đỉnh cao của vị thế lãnh đạo, một Hoa Kỳ tôn sùng chủ nghĩa tự do đã huy động lực lượng để bước vào cuộc Chiến tranh Lạnh, không chấp nhận nhượng bộ không gian cho lập trường trung lập, và chia thế giới thành thế nhị phân phe ta và phe địch. Sự trung lập bị coi là hành vi nhân nhượng .

Mục tiêu chiến lược của Ấn Độ và Hoa Kỳ bị chi phối bởi những áp lực nội tại, dù không nhất thiết phải xung đột, nhưng cũng không bao giờ có thể dung hòa. Khoảng cách này ngày càng bị nới rộng trong suốt những năm 1950. Khi Chiến tranh Lạnh tiến gần đến bờ vực thảm họa hạt nhân xoay quanh cuộc khủng hoảng Berlin giai đoạn 1958 - 1962, Nehru lập luận rằng, Ấn Độ sẽ không né tránh việc can dự với khối Xô Viết chỉ vì e ngại Hoa Kỳ, và nếu Washington vì thế mà trở nên thiếu thân thiện, Ấn Độ sẽ tìm kiếm sự ủng hộ ở nơi khác.

Vào mùa thu năm 1962, Nehru nhận ra rằng, Ấn Độ chẳng còn nơi nào khác để trông cậy sau cuộc xâm lược của Trung Quốc qua dãy Himalaya. Thất bại thảm khốc này đã làm thức tỉnh giới lãnh đạo tại Delhi. Ấn Độ buộc phải hiệu chỉnh lại tư duy chiến lược. Nền độc lập cần nhiều hơn là những lý tưởng; nó đòi hỏi phải được củng cố vững chắc bằng an ninh
toàn diện, hay tạm gọi bằng một thuật ngữ mới là độc lập gắn liền với tự vệ (defendence): khả năng thiết lập các cơ chế phòng thủ, bao gồm cả khí tài và hiệp ước, dựa trên logic lợi ích quốc gia tự thân mà không phải đánh đổi quyền tự chủ.

Hoa Kỳ từng sẵn sàng giúp đỡ ngay trong giai đoạn hậu quả trực tiếp của năm 1962, bởi lẽ trước khi xảy ra sự chia rẽ với Nga, Trung Quốc vẫn nằm trong trục liên minh Trung - Xô. Tuy nhiên, thái độ lập lờ của liên minh Anh - Hoa Kỳ đối với vấn đề Kashmir (do nỗ lực giành những điều khoản có lợi nhất cho đồng minh Pakistan), cùng việc họ hào phóng cung cấp
vũ khí tối tân cho quân đội Pakistan, lực lượng luôn rắp tâm tiếp tục xâm lược Ấn Độ, đã dựng lại những bức tường ngờ vực.

Năm 1965, Pakistan, với sự hậu thuẫn của dàn xe tăng Patton hiện đại nhất từ Hoa Kỳ, đã phát động một cuộc xâm lược mới vào Jammu và Kashmir. Ấn Độ đã đánh bại đối thủ bằng xe tăng Centurion cũ kỹ, xe tăng M4 Sherman và xe tăng lội nước PT-76 nhập từ Nga như một lực lượng thiết giáp bổ trợ. Sau năm 1965, Ấn Độ xoay trục sang Nga. Hiệp ước phòng thủ Ấn
- Xô được ký kết vào năm 1971, ngay trước thềm cuộc chiến tranh thứ ba và cũng là cuộc chiến mang tính quyết định nhất với Pakistan.

Trớ trêu thay, vào năm 1796, vị cha già lập quốc của Hoa Kỳ, George Washington, từng khuyến các thế hệ kế nhiệm tránh xa các liên
minh vĩnh viễn với bất kỳ thế lực bên ngoài nào để bảo vệ quyền tự chủ của quốc gia, thay vào đó chỉ nên thận trọng tin tưởng vào các liên minh tạm thời cho những trường hợp khẩn cấp đặc biệt. Đây chính xác là chiến lược mà Ấn Độ đã áp dụng.

Pakistan chưa bao giờ mơ hồ trong mối quan
hệ với Lầu Năm Góc. Nước này vẫn trung thành với chiến lược được gọi là Nước cờ Jinnah (Jinnah Gambit, đòi những vùng đất có người Hồi giáo nhập vào Pakistan).

Phong trào đấu tranh của Pakistan chưa bao giờ xuất phát từ khao khát chấm dứt ách cai trị của thực dân Anh. Muhammad Ali Jinnah thực chất muốn tách khỏi người Hindu, đây mới là

cơ sở cốt lõi cho sự chia cắt. Năm 1946, Jinnah phát biểu tại một cuộc họp báo ở Cairo rằng một Ấn Độ của người Hindu sẽ là mối đe dọa lớn hơn cho tương lai so với quyền lực của Đế quốc Anh trước đó. Tư duy này đã chuyển hóa trực tiếp thành một chính sách đối ngoại thiên lệch, trong đó nhu cầu an ninh của Pakistan được đánh đổi bằng sự phục tùng các lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ.

## Nước cờ Jinnah

Luận thuyết an ninh của Jinnah được xây dựng dựa trên một lối suy luận giản đơn: Pakistan không thể tồn tại nếu thiếu một đồng minh hùng mạnh. Liên Xô Cộng sản là nhà nước vô thần, do đó mang tư tưởng chống Hồi giáo; Pháp thì suy yếu; Anh thì rệu rã. Lựa chọn hợp lý duy nhất là Hoa Kỳ. Tháng 11 năm 1946, Jinnah cử người bạn kiêm nhà tài trợ MAH Ispahani đi thăm dò động thái của Hoa Kỳ.
Ispahani về báo cáo rằng, Hoa Kỳ thích những lời nói bùi tai và ấn tượng đầu tiên là vô cùng quan trọng. Cho đến nay, điều này vẫn đúng.

Tháng 9 năm 1947, Jinnah đã chia sẻ với Margaret Bourke-White, một nhà báo Hoa Kỳ có tầm ảnh hưởng của tạp chí *Life* đang đưa tin từ tiểu lục địa: "Hoa Kỳ cần Pakistan nhiều hơn Pakistan cần Hoa Kỳ. Với vị thế địa lý của mình, Pakistan là trục xoay của thế giới - là tương lai quyết định vòng quay của thế giới". Ông nở
một nụ cười mãn nguyện và nói thêm rằng, nước Nga cũng không xa lắm. Pakistan sẵn sàng trở thành căn cứ tiền đồn của phương Tây cho "tuyến phòng thủ Trung Đông" nhằm ngăn chặn sự bành trướng về phía nam của
Liên Xô. Ông khó có thể đưa ra một thông điệp dứt khoát hơn thế để thuyết phục giới tinh hoa Washington, những người luôn coi sự rành mạch trong chiến lược là một phẩm giá cao đẹp.

Nước cờ đầu tiên của Jinnah cực kỳ táo bạo. Tháng 9 năm 1947, tức khoảng một tháng trước khi Jinnah ra lệnh phát động cuộc chiến đầu tiên nhằm giành quyền kiểm soát vùng Jammu và Kashmir, Pakistan đã gửi công hàm chính thức tới Charles Lewis, Đại biện lâm thời của Hoa Kỳ tại thành phố Karachi (Pakistan), xin viện trợ 2 tỷ USD phân bổ trong 5 năm. Giới lãnh đạo Pakistan chưa bao giờ định giá thấp bản thân quốc gia mình.

Khoản tiền viện trợ cần thời gian để giải ngân, nhưng thông điệp thì lan truyền rất nhanh. Mùa hè năm 1950, Tổng thống Hoa Kỳ Harry
Truman đã phái một chuyên cơ đến London để đón người kế nhiệm của Jinnah là Liaquat Ali Khan và đích thân tiếp đón ông tại Washington vào ngày 3 tháng 5, mở đầu cho chuyến thăm cấp nhà nước chính thức đầu tiên của một Thủ tướng Pakistan. Khan cam kết hỗ trợ toàn diện cho Hoa Kỳ trong nỗ lực chống lại chủ nghĩa cộng sản và bỏ phiếu chống lại Triều Tiên tại Liên Hợp Quốc. Truman nổi tiếng với câu nói rằng nếu bạn muốn có một người bạn ở Washington, bạn nên nuôi một chú chó cưng. Tuy nhiên, nếu bạn muốn tìm kiếm một đồng minh, thì luôn có vô số lựa chọn. Những thiện chí chào mời của Khan chẳng khác nào khúc nhạc êm tai đối với Hoa Kỳ, nhất là sau khi họ vừa phải nghe những bài thuyết giảng đạo lý từ Nehru trong chuyến thăm kéo dài một tháng của ông vào tháng 10 năm 1949.

Ngày 5 tháng 1 năm 1954, Tổng thống Eisenhower phê duyệt viện trợ quân sự cho Pakistan. Ngày 19 tháng 5 năm 1954, Hoa Kỳ và Pakistan ký Hiệp định Phòng thủ Tương hỗ tại Karachi, qua đó Hoa Kỳ giành được quyền tiếp cận các cơ sở gần Peshawar để phục vụ cho lực lượng không quân và CIA. Năm 1956, Pakistan ủng hộ cuộc xâm lược của liên quân Anh - Pháp - Israel nhằm giành quyền kiểm soát kênh đào Suez từ Ai Cập. Hai năm sau, Ayub Khan, nhà độc tài quân sự đầu tiên của Pakistan lên nắm quyền sau cuộc đảo chính; sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ được khẳng định qua chuyến thăm của Eisenhower tới Pakistan vào tháng 12 năm 1959. Cho đến tận ngày nay, Hoa Kỳ vẫn sử dụng căn cứ ở Pakistan để triển khai các hành động quân sự tùy ý; Pakistan không can thiệp vì thực chất, họ không có khả năng can thiệp.

Ấn Độ chưa bao giờ từ bỏ quyền tự chủ, ngay cả sau những tổn thất của năm 1962. ***Chẳng có mấy khác biệt giữa việc Tổng thống Truman cử máy bay đón Liaquat Ali Khan năm 1950 và việc Tổng thống Donald Trump mời Thống chế Asim Munir, nhà cai trị thực quyền của Pakistan, dùng bữa trưa vào năm 2025. Cả hai đều là những động thái ngoại giao mang tính biểu tượng nhằm phát đi tín hiệu về một liên minh gắn kết. Washington hiểu rõ sẽ có một số hệ lụy đi kèm với việc Pakistan, vì động cơ ý thức hệ, sẵn sàng dung túng cho các phần tử Hồi giáo cực đoan và khủng bố ẩn náu, nhưng Hoa Kỳ chỉ đơn thuần tìm cách đảm bảo (dù không phải lúc nào cũng thành công) rằng các lực lượng này sẽ không nhắm vào Hoa Kỳ.*** Đó là lý do vì sao Pakistan mang thân phận đồng minh của Hoa Kỳ, trong khi với Ấn Độ, Hoa Kỳ chỉ duy trì một mối quan hệ hữu hảo.

Munir là nhân vật bảo vệ cứng rắn nhất cho chủ nghĩa thượng đẳng tôn giáo và là người dung túng cho khủng bố lớn nhất trong lịch sử Pakistan. Bài phát biểu của ông vào ngày 15 tháng 4 năm 2025 gửi tới kiều bào Pakistan khó có thể cụ thể hơn: Người Pakistan, dù cư trú ở đâu, cũng không bao giờ được quên rằng họ thuộc về một hệ tư tưởng tối cao và nền
văn hóa ưu việt. Hoa Kỳ thậm chí còn chưa yêu cầu trả tự do cho người đã giúp CIA truy tìm Osama bin Laden; bác sĩ Shakil Afridi tiếp tục chết mòn trong nhà tù Pakistan với tội danh phản quốc. Pakistan cũng được châm chước một giới hạn nhất định để có thể đẩy cuộc xung đột với Ấn Độ đi xa nhất có thể.

Tuy nhiên, có một mâu thuẫn nội tại chưa được giải quyết ở cốt lõi của chủ nghĩa Hồi giáo trong kỷ nguyên hiện đại, điều đã được chỉ ra bởi Ayatollah Khomeini, nhà tư tưởng và người dẫn dắt cuộc cách mạng Iran năm 1979.
Khomeini lưu ý vào năm 1979 rằng "Hồi giáo đối lập với chủ nghĩa dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc nghĩa là chúng ta muốn có quốc gia; chúng ta muốn chủ nghĩa dân tộc chứ không phải Hồi giáo". Ông và các môn đệ của mình chưa bao giờ hy sinh lợi ích quốc gia của Iran để chạy theo bất kỳ cuộc Thánh chiến quốc tế nào. Khi cuộc Thánh chiến phục vụ lợi ích của Iran, nó được coi là hữu ích; khi không còn phù hợp, nó có thể bị gạt sang một bên. Iran cũng không từ bỏ di sản tiền Hồi giáo của mình, khác hẳn với Pakistan. Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tờ *The Times* của London đưa tin về một sự kiện quần chúng tại Quảng trường Cách mạng ở Tehran nhằm hả hê phô trương kết cục đang chờ đợi kẻ thù của Iran. Hình ảnh biểu tượng được trưng bày là Hoàng đế La Mã Valerian đang
quỳ gối trước Quốc vương Ba Tư Shapur. Dòng chú thích ghi: "Hãy quỳ gối trước người Iran". Shapur Đệ Nhất [215-270] không phải là tín đồ Hồi giáo. Ông đã đánh bại Valerian vào năm 260 tại Edessa. Một bức tranh khắc khắc họa khung cảnh kinh điển này, hiện trưng bày tại bảo tàng Getty, cho thấy Shapur đang giẫm lên lưng Valerian để lên ngựa.

Pakistan được lãnh đạo bởi các nhà tư tưởng tin rằng, lịch sử của họ chỉ bắt đầu từ cuộc chinh phạt Sindh của người Ả Rập vào năm 711, sự kiện đã tạo ra một chỗ đứng trên tiểu lục
địa này nhưng để lại rất ít di sản lâu dài. Pakistan là một nhà nước mất phương hướng và rối loạn chức năng bởi họ đã chối bỏ di sản của nền văn minh thung lũng Indus, Mohenjo-Daro, Harappa và Gandhara chỉ vì chúng thuộc về thời kỳ tiền Hồi giáo. Pakistan đã đánh đồng Hồi giáo với chủ nghĩa dân tộc. Nếu chỉ Hồi giáo là đủ làm nền tảng cho một quốc gia dân tộc, thì tại sao lại có tới 22 nước Ả Rập? Vào tháng 11 năm 2025, tại các cuộc đàm phán hòa bình ở Istanbul với Afghanistan, Islamabad lập luận rằng một cuộc tấn công của Afghanistan vào Pakistan là vi phạm luật Sharia vì Pakistan là một nhà nước Hồi giáo. Các giáo sĩ mullah của Taliban tại Afghanistan đã cười nhạo lý lẽ này suốt chặng đường trở về Kabul.

Đức tin là mối liên hệ mang tính cá nhân với Thượng đế; trong khi chính trị bị chi phối bởi những toan tính thực dụng hơn nhiều. Trong lịch sử, chưa bao giờ có sự đoàn kết tuyệt đối trong bất kỳ tôn giáo nào, dù là Hồi giáo, Cơ Đốc giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo hay Nho giáo, chỉ đơn thuần nhân danh đức tin. Sự đoàn kết

chỉ thành hình khi có những lợi ích thế tục chung.

Nhiều người đã phải nhíu mày, thậm chí phản ứng gay gắt, trước tin tức về hiệp ước phòng thủ giữa Pakistan và Ả Rập Xê Út. Một vài nhân vật quá khích ở Islamabad đã bắt đầu mơ mộng về một tổ chức NATO phiên bản Hồi giáo, với phiên bản Điều 5 (phòng vệ tập thể) của riêng họ, nhằm buộc thế giới Ả Rập giàu có phải chi tiền hậu thuẫn cho Pakistan chống lại Ấn Độ. Người Ả Rập Xê Út, những người nắm giữ hầu bao, hoàn toàn không coi Ấn Độ là mối đe dọa. Mối đe dọa của họ đến từ Israel hoặc Iran. Người Ả Rập Xê Út không vội vàng phái lực lượng không quân của mình đến tiểu lục địa này; thay vào đó, nếu có bất kỳ động thái quân sự nào, các lữ đoàn Pakistan có thể sẽ bị điều đến sa mạc và hoang mang tự hỏi phiên bản chủ nghĩa Hồi giáo nào mới thực sự là kẻ thù của họ.

Các vương triều cầm quyền trong thế giới Ả Rập nhận thức rõ rằng, các phần tử Hồi giáo cực đoan mong muốn khôi phục Vương quốc Hồi giáo (Caliphate) sẽ không bao giờ công nhận đường biên giới hay vương quyền, và coi các tiểu vương chỉ là công cụ ngoan ngoãn của phương Tây. Ngày 23 tháng 11 năm 2025, tạp chí *Spectator* của Anh đã đăng tải một báo cáo trên trang web với tiêu đề "ISIS đang trỗi dậy một lần nữa". Tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng (ISIS), tổ chức cực đoan quy mô và nguy hiểm nhất, đã bắt đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo để chiêu mộ các phần tử mới; một thập kỷ trước, tổ chức này từng sử dụng Twitter, Facebook và YouTube để phát tán các video hành quyết chặt đầu, trong khi kiểm soát các vùng lãnh thổ rộng ngang nước Anh trải dài qua Iraq và Syria cho đến khi bị liên minh do Hoa Kỳ dẫn đầu đánh bại vào năm 2019. Bị đánh bại không có nghĩa là bị triệt tiêu hoàn toàn.

Tàn dư của tổ chức này vẫn duy trì các kho vũ khí và xây dựng mối quan hệ ngầm với các bộ lạc, gia tộc trên sa mạc, đặc biệt là ở dải núi Karachok của Iraq và khu vực Deir al Zur ở Syria. Chúng tiếp tục triển khai các chương trình tẩy não hệ tư tưởng tại các trại tị nạn nơi gia đình của các cựu thành viên ISIS được tái định cư.

Hayat Tahrir al Shyam, lực lượng vừa chắp vá thành lập một chính phủ ở Damascus sau khi lật đổ chế độ Assad, từng là đồng minh của ISIS. Thủ lĩnh của nhóm, Ahmed al Sharaa, đã thắt cà vạt để tỏ vẻ tôn trọng quy định trang phục của Nhà Trắng dưới thời Trump, đồng thời nhận được sự hậu thuẫn từ vùng Vịnh Ả Rập, song vẫn còn nhiều hoài nghi về việc nhóm này thực sự kiểm soát được bao nhiêu lãnh thổ. Cuộc chiến ở Gaza đã một lần nữa thổi bùng lên sự ủng hộ dành cho ISIS.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi trong chương trình Ngày Quốc tế Abhidhamma (Abhidhamma Divas), tại New Delhi, vào ngày 17 tháng 10 năm 2024. | PTI.*

## Kỷ nguyên của Ấn Độ: Sự trỗi dậy của một cường quốc nhân từ

Thách thức trọng tâm đặt ra cho Ấn Độ là phải chứng minh rằng chủ nghĩa dân tộc của mình có thể đảm bảo an ninh và sự thịnh vượng cho người dân, đồng thời đưa Ấn Độ lên vị thế cường quốc hàng đầu trong thế kỷ XXI. Các số liệu thống kê mới nhất từ Ngân hàng Thế giới cho thấy tình trạng nghèo cùng cực ở Ấn Độ gần như đã được xóa bỏ. Trong thập kỷ qua, Ấn Độ cũng đã triển khai các chương trình phúc lợi quy mô lớn nhất trong lịch sử, đáng chú ý nhất là việc cung cấp đủ lương thực cho 800 triệu người và phổ cập khả năng tiếp cận công nghệ cho hơn 1 tỷ dân - một bước nhảy vọt kỹ thuật số đáng kinh ngạc. Để thể chế chính trị vận hành hiệu quả và đáp ứng được kỳ vọng của người dân trong một nền dân chủ, cả hai cánh tay đắc lực là kinh tế và quân sự đều phải vững mạnh.

Sự thay đổi này hoàn toàn hữu hình, dù không phải lúc nào cũng được thừa nhận. Trong thập kỷ đầu tiên dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, Ấn Độ đã vươn mình trở thành một cường quốc nhân từ nhưng sở hữu xương sống bằng thép. Nước này bác bỏ chiến tranh và coi đó là sự thụt lùi của nhân loại, nhưng cũng thấu hiểu triết lý thực dụng của Nguyên Thủ tướng Đức Otto von Bismarck: một đội quân xâm lược tràn đến biên giới sẽ không bị chặn lại bởi lời lẽ hùng biện.

Vào thứ Tư, ngày 10 tháng 7 năm 2024, Thủ tướng Modi đã phát biểu tại một cuộc gặp gỡ với cộng đồng kiều bào Ấn Độ ở Vienna rằng, Ấn Độ đã mang đến cho thế giới Đức Phật (*Buddha*), chứ không phải *yuddha* (chiến tranh): "Trong hàng ngàn năm, chúng ta đã và đang chia sẻ tri thức và chuyên môn của mình. Chúng ta không gieo rắc *yuddha*, chúng ta mang Đức Phật đến cho thế giới. Ấn Độ luôn kiến tạo hòa bình và thịnh vượng, do đó, Ấn Độ sẽ củng cố vai trò của mình trong thế kỷ XXI." Đúng như Mahatma Gandhi đã nhận xét một cách thâm thúy: "luật mắt đền mắt" (ăn miếng trả miếng) sẽ chỉ khiến cả thế giới chìm trong mù lòa.

Ấn Độ luôn là quốc gia tiên phong ứng phó với mọi cuộc khủng hoảng nhân đạo, đóng vai trò nổi bật trong đại dịch COVID-19 và khẩn trương cứu trợ trong mọi thảm họa thiên nhiên diễn ra trong khu vực lân cận mở rộng của mình. Thủ tướng Modi đã thay đổi định nghĩa về từ "láng giềng", đánh giá điều này dựa trên

thiện chí và tầm ảnh hưởng thay vì khoảng cách địa lý. Vòng cung láng giềng mới trải dài từ Vịnh Ba Tư đến eo biển Malacca; trong đó Pakistan là một sự hiện diện bất đắc dĩ, chứ không phải là một "láng giềng". Ông Modi đã thiết lập chính sách đối ngoại *swadeshi* (tự lực tự cường), kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế, chính trị quốc gia với tinh thần hợp tác vì một thế giới tốt đẹp hơn. Đơn cử, các tập đoàn đa quốc gia hợp tác với Ấn Độ theo các điều khoản do Ấn Độ đặt ra, bởi họ hiểu rằng điều đó mang lại lợi ích chung. Nếu muốn thâm nhập thị trường Ấn Độ, họ phải học cách sản xuất tại Ấn Độ (*Make in India*). Các cường quốc hiện nay đều hiểu rõ một điều: Ấn Độ có thể được thuyết phục, nhưng tuyệt đối không thể bị bắt nạt hay đe dọa.

Ấn Độ đã vượt qua bài toán phát triển kinh tế thông qua quỹ đạo tăng trưởng đầy thăng trầm. Những năm 1970 là giai đoạn trì trệ, chìm trong không khí ảm đạm của một mô hình kinh tế cũ kỹ đã qua thời kỳ đỉnh cao từ lâu. Phải đến giữa những năm 1980, một thế hệ trẻ hơn mới bắt đầu bứt phá và có những bước đi ngập ngừng đầu tiên hướng tới cải cách. Tốc độ lẽ ra đã có thể nhanh hơn nếu không xảy ra sự nổi dậy tàn khốc của các thế lực ly khai và phiến quân thù địch, dẫn đến vụ ám sát hai vị Thủ tướng: bà Indira Gandhi và ông Rajiv Gandhi.
Công cuộc cải cách kinh tế vào những năm 1990 bắt đầu mở đường cho sự sáng tạo của doanh nghiệp, nhưng hành trình tiến tới chân trời mới cần nhiều thời gian để khai thông. Ấn Độ tự tin bước vào thế kỷ XXI, nơi mà thập kỷ 2015 - 2025 đã chứng kiến hàng loạt bước tiến mang tính đột phá về nội lực và sức khỏe chung của cả người dân lẫn quốc gia. Ấn Độ đang vững bước trên hành trình chinh phục thách thức vĩ đại nhất của mình: trở thành một *Viksit Bharat*, quốc gia phát triển, vào năm 2047.

Ấn Độ từng bị châm biếm là quốc gia của những tuyên bố đao to búa lớn nhưng hiệu quả thực thi kém. Đỉnh điểm của sự bế tắc là vào những năm 1960. Điểm trũng nhất trong quan hệ với Pakistan diễn ra trong các cuộc đàm phán song phương năm 1963, khi Ấn Độ đề nghị cắt nhượng vùng Poonch, Uri, Kishanganga và thung lũng Neelam cho Pakistan như một giải pháp dứt điểm. Sự nhượng bộ tùy tiện này nghe có vẻ phi lý vào thời điểm hiện tại, nhưng sự thật vẫn nằm nguyên trong các kho lưu trữ lịch sử. Điều khó tin hơn nữa là giới lãnh đạo Pakistan, bị làm cho mờ mắt bởi sự kiêu ngạo, thứ đã đẩy họ vào cuộc chiến năm 1965, lại gạt bỏ phương án này.

Ngày nay, Pakistan đã chuyển hướng xung đột với Ấn Độ từ các trận đánh dàn trận quy ước sang chiến lược bào mòn dai dẳng bằng chủ nghĩa khủng bố. Ấn Độ đã tuyên bố rõ ràng rằng không thể tồn tại tiêu chuẩn kép: một mặt cho phép Hoa Kỳ hoặc các đồng minh truy quét mục tiêu xuyên biên giới, mặt khác lại khuyên Ấn Độ phải kiềm chế khi bị những kẻ khủng bố tấn công. Ấn Độ đòi hỏi công lý sau mỗi hành động khủng bố tàn bạo do Pakistan
tài trợ, chứ không phải sự trả thù mù quáng. Sự yếu kém, dù là trên phương diện kinh tế, ngoại giao hay quân sự, nay đã trôi vào dĩ vãng.

Thế giới từ lâu đã bị chi phối bởi các học thuyết thực nghiệm như "cân bằng quyền lực". Bằng một phong thái trầm tĩnh nhưng bài bản, Ấn Độ đang phô diễn sức mạnh của sự cân bằng thông qua các chính sách. Những động cơ cốt lõi dẫn đến chiến tranh xâm lược không có nhiều thay đổi trong suốt chiều dài lịch sử:
tham vọng, hệ tư tưởng và sự cám dỗ mãnh liệt của vị thế bá quyền. Thuyết cân bằng quyền lực tìm kiếm sự cân xứng trong sức mạnh tấn công, dựa trên giả định rằng, đó là bản năng tự nhiên của trong hành vi của các quốc gia.

Hành trình tìm kiếm thế quân bình trong quan hệ quốc tế của Thủ tướng Narendra Modi được gắn kết bởi năm nguyên tắc tương hỗ: tôn trọng (*samman*) đối với mọi quốc gia; đối thoại (*samvad*) là nền tảng giải quyết xung đột; an ninh (*suraksha*) là trụ cột của sự ổn định; thịnh vượng (*samriddhi*) thông qua nỗ lực trong

nước và hợp tác quốc tế; và sự hài hòa văn hóa

(*sanskriti*) được coi như một chuẩn mực văn minh.

# TẠI SAO ẤN ĐỘ LỰA CHỌN TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC?

**Suhasini Haidar**




*Bản đồ minh họa. | mapsofworld.com.*

**Hoàng đế Pháp Napoleon được cho là từng nói: "Hiểu được địa lý của một quốc gia là có thể dự đoán được chính sách đối ngoại của quốc gia đó." Tuy nhiên, nền tảng cơ bản nhất này đối với chặng đường mà Ấn Độ đã vạch ra trong suốt tám mươi năm qua lại thường bị phớt lờ, cho dù nó được gọi bằng khái niệm Không liên kết, thế giới đa cực, tinh thần đoàn kết Phương Nam toàn cầu hay tự chủ chiến lược.**

### Địa lý của Ấn Độ định hình Lịch sử quốc gia

Diện tích lãnh thổ và dân số khổng lồ của Ấn Độ đồng nghĩa với việc nước này sẽ luôn là một chủ thể tham gia đáng kể vào các diễn ngôn toàn cầu. Bán đảo Ấn Độ thu hẹp về phía nam và được bao bọc bởi biển ở ba phía, mang lại cho nước này một di sản hàng hải phong phú và sự gắn kết bền bỉ với Đông Nam Á cùng Vùng Vịnh vẫn tiếp diễn cho đến ngày nay. Tuy nhiên, khu vực láng giềng lục địa của nước này lại chứa đựng những thách thức lớn nhất, bởi Ấn Độ bị kìm kẹp bởi Trung Quốc ở phía Bắc và phía Đông, cùng Pakistan ở phía Bắc và phía Tây.

Đổ dồn thêm vào thách thức này là một thực tế: trong khi khu vực láng giềng hàng hải của Ấn Độ hướng về phía đông tới khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, bao gồm một số đồng minh chủ chốt của Hoa Kỳ, thì khu vực láng giềng lục địa của nước này lại không có. Cuối cùng, các đặc điểm địa lý tạo nên ranh giới của Nam Á - dãy Hindukush và dãy Himalaya ở phía Bắc cùng Ấn Độ Dương ở phía Nam - đảm bảo rằng Ấn Độ không thể đưa ra các quyết định một cách cô lập. Quá trình kiên trì tìm kiếm vị thế tại các bàn đàm phán toàn cầu cấp cao của New Delhi thường xuyên phải đối mặt với những bất lợi hoặc đòi hỏi nước

này phải chuyển hướng sự chú ý do các cuộc khủng hoảng ở khu vực láng giềng.

Do đó, ngay từ những ngày đầu, các nhà hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã đề cao tự chủ chiến lược. Đây là sự lựa chọn chủ động của Ấn Độ - không đơn thuần là hệ quả từ sự ra đời của Phong trào Không liên kết (NAM) sau Hội nghị Bandung năm 1955, như một số người lầm tưởng, mà nguyên lý này đã có từ trước khi Ấn Độ giành độc lập, trước khi Chiến tranh Lạnh khởi phát, và trước cả những cuộc chiến tranh thời kỳ đầu hậu độc lập của Ấn Độ với Pakistan và Trung Quốc.

Trong một bài phát biểu trước Quốc hội Lập hiến năm 1946, Thủ tướng lâm thời lúc bấy giờ là ông Jawaharlal Nehru đã lần đầu tiên đề cập đến những nguyên tắc nền tảng sẽ dẫn dắt chính sách đối ngoại của một nước Ấn Độ độc lập. Nhìn chung, thông điệp của Ấn Độ gửi tới phần còn lại của thế giới đang phát triển gồm ba điểm chính: thái độ ác cảm với khối liên minh chính trị (Không liên kết), tinh thần đoàn kết với các dân tộc đang chiến đấu chống lại thực dân, đế quốc và nạn phân biệt chủng tộc, cùng với ý định của Ấn Độ là sẽ lên tiếng để trở thành "tiếng nói của những người thấp cổ bé họng".

"Chúng tôi đề xuất, trong chừng mực có thể, sẽ tránh xa nền chính trị cường quyền của các nhóm liên kết chống lại nhau, điều mà trong quá khứ đã dẫn đến chiến tranh và có thể một lần nữa dẫn đến những thảm họa ở quy mô tàn khốc hơn... Chính vì 'Một Thế giới' này mà nước Ấn Độ tự do sẽ nỗ lực, một thế giới có sự hợp tác tự do giữa những con người tự do, và không có nhóm giai cấp nào bóc lột nhóm giai cấp nào khác," ông Nehru nhấn mạnh trong bài phát biểu được phát trên Đài Phát thanh Toàn Ấn Độ vào tháng 9 năm 1946.

Một thập kỷ sau, Phong trào Không liên kết ra đời, dựa trên mười nguyên tắc của Hội nghị Bandung, trong đó bao gồm tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, không can thiệp, cũng như tuân thủ Hiến chương Liên Hợp Quốc.

Với tư cách là thành viên sáng lập và lực lượng lãnh đạo của Phong trào, Ấn Độ đóng vai trò mạnh mẽ trong việc định hình các nguyên tắc này. Trong những thập kỷ tiếp theo, Ấn Độ đi đầu trong nỗ lực xây dựng các nhóm quốc gia có chung thế giới quan hậu thực dân. Việc thành lập Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) dành cho các quốc gia đang phát triển vào năm 1964, tiếp theo là quyết định của các nước Mỹ Latinh hợp lực cùng các nước châu Phi và châu Á để thành lập Nhóm G-77 (G-77 hiện bao gồm 134 quốc gia, nhưng vẫn giữ nguyên tên gọi ban đầu), cũng như sự hình thành khái niệm "Phương Nam Toàn cầu" và nhu cầu "Hợp tác Nam - Nam" - tất cả đều là những biểu hiện cho tính độc lập, đường lối không liên kết và tự chủ chiến lược của Ấn Độ trong chính sách đối ngoại.

## Từ Chủ nghĩa Lý tưởng đến Chính trị Thực dụng (Realpolitik)

Kể từ thời kỳ đó, Phong trào Không liên kết toàn cầu có thể đã đánh mất đi sự phù hợp với thời cuộc, nhưng chính sách Không liên kết của Ấn Độ thì vẫn tồn tại, chính xác là bởi nó đã liên tục tiến hóa và thích ứng, mang lại cho chính sách đối ngoại của Ấn Độ sự linh hoạt cao hơn khi cần thiết. Năm 1991, sau những cú sốc kép giáng xuống thị trường và nguồn cung năng lượng từ sự sụp đổ của Liên Xô cùng Chiến tranh Vùng Vịnh (cuộc xâm lược Iraq của Hoa Kỳ) đã đẩy nền kinh tế Ấn Độ vào một vòng xoáy suy thoái toàn diện, Thủ tướng P.V. Narasimha Rao đã thực hiện một loạt các bước đi mang lại những thay đổi lớn cho một số khía cạnh ngoại giao - bao gồm cải cách kinh tế, chính sách 'Hướng Đông', tái gắn kết với Hoa Kỳ trong một thế giới đơn cực, và thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Israel, cùng nhiều quyết sách khác. Về cơ bản, những bước đi này được thúc đẩy bởi nhu cầu đa dạng hóa các nhà cung cấp quốc phòng, bảo đảm chuỗi cung ứng năng lượng và củng cố nền kinh tế;

thay vì là sự từ bỏ đường lối Không liên kết, chúng đại diện cho một bước khẳng định vị thế tự chủ chiến lược của Ấn Độ.

Tại Bài giảng Tưởng niệm Mahatma Gandhi năm 1995 với chủ đề 'Gandhi trong Ngôi làng Toàn cầu', cựu Thủ tướng P.V. Narasimha Rao từng nhận định: "Như được định hình một cách kinh điển, Không liên kết có lẽ mang một ý nghĩa khác so với ý nghĩa của nó trong quý thứ ba của thế kỷ chúng ta." "Nhưng với tư cách là một nguyên tắc của sự công bằng và lẽ phải, tạo điều kiện cho các quốc gia đang phát triển cất lên tiếng nói đầy phẩm giá trên các diễn đàn thế giới, Không liên kết ngày nay vẫn vẹn nguyên giá trị như khi nó được khởi xướng.... và nguyên lý này đã có từ trước khi Ấn Độ giành độc lập," ông Rao cho biết thêm.



*Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee hội kiến Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush tại New York vào ngày 24 tháng 9 năm 2003. | Nhà Trắng/Paul Morse.*

## Bước chuyển hướng khỏi Không liên kết

Tuy nhiên, một tuyên bố về sự thay đổi đã xuất hiện vào năm 2014. Trong những tháng đầu tiên của nhiệm kỳ, Thủ tướng Narendra Modi đã phát đi tín hiệu rõ ràng rằng ông sẽ lèo lái một phiên bản chính sách đối ngoại mang tính 'chính trị thực dụng' và cứng rắn hơn, một chính sách sẽ gắn kết sâu sắc hơn với các cường quốc toàn cầu trong bối cảnh Ấn Độ nỗ lực vươn lên thành một "cường quốc hàng đầu". Phát biểu trước Quốc hội Hoa Kỳ vào
năm 2016, Thủ tướng Modi tuyên bố rằng "những ngần ngại của lịch sử" trong mối quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ đã được vượt qua.

Cuối năm đó, ông Modi trở thành Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên vắng mặt tại hội nghị thượng đỉnh NAM được tổ chức tại Venezuela, một quốc gia đang có mâu thuẫn sâu sắc với Hoa Kỳ. Năm 2017, dưới áp lực từ phía Washington, Ấn Độ cũng quyết định đưa lượng dầu nhập khẩu từ Iran và Venezuela về mức 0, đồng thời "Bộ
tứ" (Quad) gồm Hoa Kỳ, Ấn Độ, Úc và Nhật Bản được nối lại, tạo cảm giác rằng Ấn Độ đang tiến gần hơn tới một mối quan hệ mang tính chất đồng minh với Hoa Kỳ. Quyết định của Ấn Độ trong việc ký kết ba "Thỏa thuận Nền tảng" với Hoa Kỳ về hợp tác quân sự - LEMOA (2016), COMCASA (2018) và BECA (2020) -

càng củng cố thêm nhận định này.

Dù duy trì khoảng cách với Không liên kết, Thủ tướng Modi và Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar hiện lại đề cập đến nhu cầu 'đa liên kết' (multi-alignment), hay việc liên kết với

nhiều hơn một cường quốc. Mặc dù vậy, gần đây hơn, New Delhi đã quay trở lại với một lập trường ít tập trung vào sự liên kết và chú trọng nhiều hơn vào tính tự chủ trong bối cảnh một "thế giới đa cực". Dù bỏ qua tất cả các hội nghị thượng đỉnh NAM trong nhiệm kỳ của mình, Thủ tướng Modi đã khởi xướng một nỗ lực gắn kết mới nhằm thúc đẩy "Tiếng nói của Phương Nam Toàn cầu" và tổ chức một số hội nghị thượng đỉnh trực tuyến để thảo luận về các
vấn đề thời sự hiện hành - nơi mà hầu hết các quốc gia đang phát triển tham dự cũng đồng thời là thành viên của NAM.

Tại một hội thảo gần đây, Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar đã đặt câu hỏi: "Thử tưởng tượng nếu ngày nay [Ấn Độ] không áp dụng tự chủ chiến lược. Xin hãy cho tôi biết, bạn muốn gia nhập cùng quốc gia nào trên thế giới và đặt tương lai của chúng ta vào tay họ?" Ông nói thêm: "Tôi không thể nghĩ ra bất kỳ ai. Lợi ích của [Ấn Độ] được đảm bảo tốt nhất bằng cách tối đa hóa các lựa chọn của mình, duy trì sự tự do trong các lựa chọn."

## Năm cú sốc trong giai đoạn 2020 - 2025

Sự xoay trục này đã bị chi phối bởi năm diễn biến làm dấy lên những bất ổn địa chính trị trong giai đoạn 2020 - 2025, qua đó làm thay đổi các toan tính trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ:

- Đại dịch COVID-19 tàn phá an ninh y tế của Ấn Độ, đồng thời phơi bày sự phụ thuộc của nước này vào các chuỗi cung ứng, trong bối cảnh các quốc gia ngày càng có xu hướng bảo hộ hơn.
- Những vi phạm của Trung Quốc tại Đường kiểm soát thực tế (LAC), các cuộc đụng độ ở Galwan và tình trạng đối đầu quân sự kéo dài 4 năm, đã thử thách các ưu tiên phân bổ nguồn lực ứng phó xung đột của Ấn Độ, buộc nước này phải chuyển trọng tâm từ lĩnh vực hàng hải sang các xung đột trên lục địa.
- Cuộc xung đột giữa Ukraine và Nga đã đe dọa an ninh lương thực, nhiên liệu và phân bón của Ấn Độ, đồng thời kéo theo những lệnh trừng phạt khốc liệt. Vốn đã gặp khó khăn bởi quyết định từ bỏ nguồn dầu mỏ giá rẻ của Iran, giờ đây New Delhi đang phải cân nhắc cái giá của việc từ bỏ cả nguồn dầu mỏ được chiết khấu sâu từ Nga.
- Sự tàn phá của Israel tại Gaza sau các cuộc tấn công ngày 7 tháng 10 và tác động tàn khốc của những căng thẳng trong khu vực đối với các kế hoạch kết nối của Ấn Độ thông qua Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - Châu Âu (IMEEC), nhóm I2U2 (Ấn Độ, Israel, UAE và Hoa Kỳ), việc sử dụng Cảng Chabahar và Hành lang Vận tải Quốc tế Bắc - Nam (INSTC) chạy qua khu vực này.
- Cú sốc từ Trump - một loạt các bước đi của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai, bao gồm áp dụng mức thuế quan 50% và sự ép về thương mại, thắt chặt quan hệ với Pakistan và các kế hoạch thiết lập "G-2" với Trung Quốc. Đáng chú ý nhất, khi Ấn Độ triển khai Chiến dịch Sindoor sau cuộc tấn công khủng bố ở Pahalgam, Hoa Kỳ tuyên bố rằng Washington mới là bên làm trung gian cho lệnh ngừng bắn.

## Kết luận

Mỗi cú sốc nói trên đều củng cố thêm thông điệp rằng Ấn Độ phải tiếp tục vững bước trên con đường ban đầu, dẫu có phần đơn độc, mà các nhà lập quốc của nền Cộng hòa đã định hình. Chính sách đối ngoại có thể xoay quanh yếu tố địa lý và các yếu tố bất di bất dịch khác, nhưng chiến lược trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ phải làm sao mở rộng được các lựa chọn mà không làm thu hẹp tầm nhìn của quốc gia về tương lai của chính mình. Trong một thế giới nơi chính quyền các cường quốc toàn cầu đang phá vỡ trật tự dựa trên luật lệ, đồng thời thử thách ma trận an ninh và con đường hướng tới sự thịnh vượng cho người dân của Ấn Độ, tự chủ chiến lược không còn đơn thuần là một lựa chọn mà đã trở thành một điều tất yếu - gần

như là một giải pháp duy nhất không thể thoái thác.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ - HƯ CẤU HAY THỰC TẾ?

**Shyam Saran**



*Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh cùng Tổng thống Hoa Kỳ George Bush tại New Delhi vào ngày 2 tháng 3 năm 2006. | Nhà Trắng/Paul Morse.*

### Nguồn gốc của thuật ngữ "tự chủ chiến lược"

Vào tháng 7 năm 2005, Ấn Độ và Hoa Kỳ tuyên bố sẽ đàm phán Hiệp định Hợp tác Hạt nhân Dân sự, cho phép Ấn Độ tiếp cận thị trường năng lượng hạt nhân dân sự quốc tế mà không phải hạn chế năng lực răn đe hạt nhân của mình dưới bất kỳ hình thức nào. Điều quan trọng cần nhận thức rõ là bước tiến mang tính bước ngoặt này diễn ra trong bối cảnh sự hội
tụ chiến lược giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ ngày càng được củng cố.

Sự hội tụ này bao gồm lợi ích chung trong việc ứng phó với thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc với tư cách là một cường quốc kinh tế và quân sự hàng đầu. Điều quan trọng đối với Ấn Độ là phải truyền tải rõ ràng thông điệp rằng điều này không đồng nghĩa với việc Ấn Độ sẽ liên kết với Hoa Kỳ trong mọi vấn đề. Sẽ có những vấn đề hai nước có thể làm đối tác, và cũng có những vấn đề hai bên có góc nhìn khác biệt và theo đuổi các lập trường khác nhau.

Chẳng hạn, vào thời điểm đó, Ấn Độ đang can dự mang tính xây dựng với chính quyền quân sự tại Myanmar, trong khi chính sách của Hoa Kỳ là cô lập và trừng phạt chính quyền này. Hai nước cũng có quan điểm khác biệt về vai trò của Pakistan và cục diện tại Afghanistan. Tại Nepal, Ấn Độ đang thúc đẩy một thỏa thuận chính trị giữa các chính đảng chủ lưu của nước này và lực lượng theo chủ nghĩa Mao, trong khi Hoa Kỳ coi lực lượng này là một nhóm khủng bố. Đối với các vấn đề liên quan đến tiểu lục địa, Ấn Độ kiên quyết giữ vai trò chủ đạo.

**Chính trong bối cảnh đó, khái niệm "tự chủ chiến lược" đã được đưa ra nhằm truyền tải thông điệp rằng thỏa thuận hạt nhân được đề xuất - một bước ngoặt lớn trong quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ - hoàn toàn không làm hạn chế các lựa chọn chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trên cương vị Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Ấn Độ nhiệm kì 2004 - 2006, tôi đã sử dụng thuật ngữ này lần đầu tiên khi phát biểu trước một phái đoàn viện tư vấn chính sách của Hoa Kỳ tại Quỹ Nghiên cứu Quan sát viên (Observer Research Foundation), có lẽ vào khoảng cuối năm 2005 hoặc đầu năm 2006.**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi gặp Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Lễ đón chính thức các nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu chính phủ trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) ở Thiên Tân, Trung Quốc vào ngày 31 tháng 8 năm 2025. | Cục Thông tin Báo chí Ấn Độ - PIB.*

Tôi đã nhận được câu hỏi rằng phải chăng tôi đang hàm ý Ấn Độ vẫn kiên trì với chính sách không liên kết. Tôi đã giải thích rằng, trong một giai đoạn lịch sử nhất định, không liên kết là công cụ để Ấn Độ theo đuổi mục tiêu tự chủ chiến lược. Trong giai đoạn lịch sử hiện nay, Ấn Độ đã liên kết với nhiều đối tác trong các vấn đề có lợi ích tương đồng, và do đó, không liên kết có thể trở thành một khái niệm mang tính bó buộc hơn.

Tự chủ chiến lược là nền tảng căn bản và nhất quán hơn trong đường lối chính sách đối ngoại

của Ấn Độ kể từ khi quốc gia này giành độc lập vào năm 1947. Chính nguyên tắc nền tảng này đã lý giải cho các lựa chọn chính sách đối ngoại đa dạng mà Ấn Độ đã đưa ra trong từng giai đoạn và với từng vấn đề khác nhau. Kể từ lần đầu tiên được định hình rõ trong nhiệm kỳ Thứ trưởng Thường trực của tôi, thuật ngữ này đã dần trở thành một phần trong hệ thống thuật ngữ chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Năm 2012, chuyên gia Harsh Pant thuộc Quỹ Nghiên cứu Quan sát viên đã ghi nhận nguồn gốc này của thuật ngữ:

"Thuật ngữ tự chủ chiến lược lần đầu tiên được giới hoạch định chính sách đối ngoại Ấn Độ đưa ra chính thức trong nhiệm kỳ của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Shyam Saran từ năm 2004 đến năm 2006. Nó đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo cho phía Ấn Độ trong suốt quá trình đàm phán Hiệp định Hợp tác Hạt nhân Dân sự Ấn Độ - Hoa Kỳ và được sử dụng để mô tả năng lực ra quyết định độc lập của Ấn Độ bất chấp việc đang thắt chặt quan hệ với Hoa Kỳ".

Nhận định này hoàn toàn chính xác.

## Định nghĩa tự chủ chiến lược

Cần định nghĩa thuật ngữ "tự chủ chiến lược" như thế nào? Cách hiểu chuẩn xác nhất về thuật ngữ này là năng lực của một quốc gia trong việc đưa ra các quyết định tương đối độc lập đối với những vấn đề liên quan đến lợi ích sống còn của quốc gia đó. Yếu tố tương đối ở đây rất quan trọng. Không phải mọi lợi ích đều mang tính chất sống còn, và trong một cục diện đa quốc gia, không thể gán giá trị tuyệt đối cho mọi lợi ích. Nếu làm như vậy, sẽ không còn không gian cho ngoại giao. Trong các vấn đề khác nhau, ở những giai đoạn và tình huống khác nhau, các tính toán sẽ có sự khác biệt.

Trong các cuộc đàm phán về thỏa thuận hạt nhân với Hoa Kỳ, có những lằn ranh đỏ mà Ấn Độ nhất quyết không vượt qua. Ấn Độ không chấp nhận bất kỳ sự hạn chế nào đối với quyền tiếp tục phát triển kho vũ khí hạt nhân hoặc việc áp đặt mức trần đối với quy mô kho vũ khí của mình. Đây rõ ràng là một lợi ích sống còn. Tuy nhiên, Ấn Độ đã chấp nhận sự cần thiết phải tách biệt các cơ sở hạt nhân chuyên phục vụ lĩnh vực vũ khí hạt nhân khỏi các cơ sở mang tính chất dân sự thuần túy. Chỉ những cơ sở dân sự mới được hưởng lợi từ hoạt động hợp tác hạt nhân dân sự quốc tế theo cơ chế thanh sát quốc tế dành riêng cho Ấn Độ.

Tự chủ chiến lược đã được theo đuổi hiệu quả nhất thông qua chính sách không liên kết trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh và cuộc đối đầu Đông - Tây. Sau khi giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống lại ách thống trị thực dân, một nước Ấn Độ mới giành độc lập không chấp nhận rơi vào một hình thức phụ thuộc chính trị mới với tư cách là một đồng minh thứ yếu trong hệ thống liên minh quân sự do siêu cường này hay siêu cường kia đứng đầu. Luôn tồn tại một sự đồng thuận rộng rãi và xuyên suốt trong nhân dân rằng vận mệnh của dân tộc Ấn Độ không bao giờ được phép bị định đoạt tại thủ đô của một quốc gia ngoại bang thêm một lần nào nữa.

Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, việc theo đuổi tự chủ chiến lược không hề mất đi giá trị. Tình hình địa chính trị quốc tế thay đổi cùng với sự chuyển mình của Ấn Độ thành một cường quốc kinh tế và quân sự có thực lực lớn hơn đã khiến việc thể hiện tự chủ chiến lược theo một cách thức khác trở nên vừa khả thi vừa cấp thiết.
Chính sách không liên kết trước đây từng mang những yếu tố phòng thủ do những hạn chế về sức mạnh mà nước Ấn Độ non trẻ mới giành độc lập phải đối mặt.

Ngày nay, sự trỗi dậy của Ấn Độ với tư cách là một cường quốc kinh tế, công nghệ và quân sự hàng đầu đã mang lại sự tự tin lớn hơn trong việc theo đuổi tự chủ chiến lược. Ấn Độ hiện có tính chủ thể cao hơn và khả năng đóng vai trò lớn hơn trong tiến trình định hình một trật tự quốc tế mới.

**Chính sách đối ngoại của Ấn Độ ngày nay có thể được mô tả là độc lập, đa liên kết, hoặc vận hành thông qua các liên minh theo từng vấn đề. Tuy nhiên, kim chỉ nam xuyên suốt vẫn là việc duy trì tự chủ chiến lược. Chẳng hạn, cả Ấn Độ và Trung Quốc đều bày tỏ sự ưu tiên đối với một trật tự thế giới đa cực. Dù vậy, Ấn Độ đã tiến xa hơn khi kiên quyết rằng một trật tự thế giới đa cực phải bao gồm một châu Á đa cực. Nói cách khác, Ấn Độ không chấp nhận một trật tự phân tầng tại châu Á do Trung Quốc chi phối, nơi Ấn Độ chỉ đóng vai trò thứ yếu. Đây là một ví dụ rõ nét về nguyên tắc tự chủ chiến lược của Ấn Độ. Tự chủ chiến lược đã mang lại tính nhất quán vượt trội cho đường lối đối ngoại của Ấn Độ.**

## Kết luận

Mỗi chính phủ mới lên nắm quyền đều tìm cách truyền tải thông điệp rằng họ đã tạo ra những bước ngoặt lớn trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự khác biệt với những chính quyền tiền nhiệm. Mặc dù cách thức diễn đạt có thể thay đổi, bản chất của tự chủ chiến lược vẫn luôn bất biến. Nguyên tắc này lấy cảm hứng từ bản sắc văn minh của đất nước, vị trí địa lý, lịch sử và văn hóa, và trên hết là tâm thức của người dân Ấn Độ.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC LÀ MỘT THUẬT NGỮ MANG TÍNH PHÒNG THỦ

**Kanwal Sibal**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng Tổng thống Cộng hòa Pháp Emmanuel Macron tại Marseille, Pháp vào ngày 12 tháng 02 năm 2025. | Bộ Ngoại giao Ấn Độ.*

### Lời mở đầu

Pháp và Ấn Độ là hai quốc gia lên tiếng mạnh mẽ và kiên định nhất trong việc theo đuổi khái niệm tự chủ chiến lược. Dẫu vậy, tiến trình lịch sử cũng như bối cảnh gắn kết của mỗi nước đối với khái niệm này lại hoàn toàn khác biệt. Pháp là thành viên của một liên minh quân sự, trong khi Ấn Độ coi việc không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào là một nguyên tắc chính sách bất di bất dịch. Những thách thức mà hai quốc gia phải đối diện khi khẳng định quyền tự chủ chiến lược cũng mang tính chất và cấp độ hoàn toàn khác nhau.

### Trường hợp của nước Pháp

Khái niệm tự chủ chiến lược bắt nguồn từ học thuyết quân sự của Pháp vào thập niên 1990, cho dù trên thực tế, Paris đã tìm cách vạch ra một lộ trình đối ngoại tự chủ hơn từ rất lâu trước đó. Nước Pháp vẫn luôn gắn bó với khái niệm này ngay cả khi đã trở thành thành viên của liên minh NATO từ năm 1949. Xét về hình thức, việc là thành viên của một liên minh quân sự dường như mâu thuẫn với việc duy trì quyền tự chủ chiến lược. Nền tảng cốt lõi của một liên minh quân sự vốn dựa trên việc cùng chia sẻ một nhãn quan chiến lược chung và chấp
thuận các nghĩa vụ chính trị, an ninh cơ bản phát sinh từ khối liên minh đó.

Nhiều căn nguyên lịch sử giải thích vì sao Pháp lại là quốc gia đề xướng mạnh mẽ nhất cho quyền tự chủ chiến lược tại châu Âu. Cội nguồn sâu xa bắt nguồn từ nỗ lực kháng cự của Pháp trước sự áp đảo của khối Anglo-Saxon ở phương Tây - một mối cạnh tranh ngầm chưa từng phai nhạt hoàn toàn bất chấp muôn vàn mối ràng buộc gắn kết Paris với các cường quốc Anglo-Saxon. Vốn là một đế quốc thuộc địa và cường quốc châu Âu lừng lẫy trong lịch sử, nước Pháp đã từng bị phát xít Đức đánh bại và chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới thứ

hai. Được giải phóng nhờ các cường quốc Anglo-Saxon, vị thế nước lớn của Pháp khó tránh khỏi sự suy giảm tất yếu.

Pháp đã phải nỗ lực rất lớn mới có thể giành được chiếc ghế Ủy viên Thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Nước này từng chịu sức ép nặng nề từ phía Hoa Kỳ nhằm ngăn cản việc phát triển vũ khí hạt nhân; chính vì vậy, Paris coi Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hạt nhân (NPT) là mang tính phân biệt đối xử và trì hoãn ký kết cho tới tận tháng 8 năm 1992. Tuyên bố nổi tiếng của Tổng thống Charles de Gaulle rằng năng lực răn đe hạt nhân của Pháp hướng về mọi phương vị (đồng nghĩa với việc tính đến cả đồng minh lẫn đối thủ) chính là một minh chứng đanh thép cho quyền tự chủ chiến lược. Pháp là thành viên sáng lập NATO nhưng đã rút khỏi cấu trúc chỉ huy quân sự tích hợp của tổ chức này vào năm 1966 nhằm đứng ngoài công tác hoạch định quân sự của NATO như một động thái khẳng định quyền tự chủ chiến lược của mình; dù vậy, nước này đã tái gia nhập vào năm 2009 để hàn gắn quan hệ với Hoa Kỳ sau thời kỳ kịch liệt phản đối cuộc chiến của Hoa Kỳ tại Iraq năm 2003 - sự kiện từng gây rạn nứt nghiêm trọng trong quan hệ Hoa Kỳ - Pháp.

Dù vậy, Pháp vẫn tiếp tục kiên định với quyền tự chủ chiến lược, nhưng khái niệm này vốn bị coi là một tham vọng mang tính đặc thù riêng của Pháp và không được các quốc gia châu Âu khác chia sẻ trong suốt nhiều năm qua, bởi họ nhìn nhận quan niệm này làm xói mòn liên minh NATO và làm suy yếu chiếc ô an ninh mà Hoa Kỳ dành cho châu Âu. Pháp, với tư cách là một cường quốc hạt nhân và là Ủy viên Thường
trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc - thành viên duy nhất còn lại trong Liên minh châu Âu sau Brexit - có thể nuôi dưỡng những tham vọng chiến lược của riêng mình. Song các quốc gia EU khác vốn là nơi đặt các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ, mua sắm khí tài Hoa Kỳ và phụ thuộc vào Hoa Kỳ về mặt an ninh, đã phản đối việc biến nền an ninh châu Âu thành con tin cho những tham vọng cường quốc của nước Pháp.

## Bước chuyển của châu Âu hướng tới Tự chủ Chiến lược

Tư duy của châu Âu về quyền tự chủ chiến lược đã bắt đầu đổi thay sau khi Tổng thống Donald Trump đặt dấu hỏi về tính hợp lý cho sự tồn tại của NATO trong nhiệm kỳ đầu tiên của mình, và đến nhiệm kỳ thứ hai, ông tiếp tục
gây sức ép buộc châu Âu phải gánh vác trách nhiệm lớn hơn đối với nền quốc phòng của chính họ, giảm bớt gánh nặng tài chính bảo vệ châu Âu cho Hoa Kỳ, nâng ngân sách quốc phòng của các nước châu Âu lên 5% GDP và mua thêm nhiều vũ khí của Hoa Kỳ. Giới lãnh đạo châu Âu đã cảm thấy ông Trump qua mặt họ để đàm phán trực tiếp với Tổng thống Putin nhằm giải quyết cuộc xung đột tại Ukraine. Liên minh xuyên Đại Tây Dương vì thế đã bị rung chuyển dữ dội.

EU hiện nay đã bắt đầu thảo luận về việc châu Âu cần phát triển năng lực tự đưa ra các quyết định độc lập vì lợi ích của chính mình, giảm bớt sự phụ thuộc an ninh vào Hoa Kỳ, và có một kế hoạch tái vũ trang toàn châu Âu để khi cần thiết có thể hành động độc lập nhằm bảo vệ các lợi ích sống còn. Đã có những lập luận cho rằng tham vọng này không nhất thiết phải là xóa bỏ NATO, mà là bổ sung sức mạnh quân sự độc lập của chính châu Âu vào liên minh. Nói cách khác, châu Âu cần phải có khả năng thực thi quyền tự chủ chiến lược.

Những động thái của châu Âu nhằm viện trợ tài chính và cung cấp vũ khí cho Ukraine để nước này tiếp tục kháng cự Nga, cùng với nỗ lực rõ rệt nhằm cản trở các kế hoạch hòa bình của Tổng thống Trump vốn loại trừ châu Âu khỏi các cuộc thương lượng với Nga, đều nhằm mục đích tạo dựng một mức độ tự chủ chiến lược nhất định cho chính họ.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi chào đón Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump và Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ Melania Trump tại Sân vận động Motera ở Ahmedabad vào ngày 24 tháng 02 năm 2020. | MEA (Bộ Ngoại giao Ấn Độ).*

## Sự tiến hóa của Ấn Độ

Khái niệm tự chủ chiến lược của Ấn Độ xuất phát từ những cội rễ hoàn toàn khác biệt.
Nước này đã thực thi quyền tự chủ chiến lược ngay từ thời điểm vừa giành được độc lập thông qua việc không tham gia bất kỳ khối quân sự nào dù chịu sức ép từ Hoa Kỳ, đồng thời kiên quyết từ chối chọn bên trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh - điều từng gây ra nhiều căng thẳng trong quan hệ giữa Ấn Độ với phương Tây. Ấn Độ đã lựa chọn chính sách Không liên kết như một chiến lược quốc gia với niềm tin rằng điều này sẽ bảo vệ tốt nhất các lợi ích quốc gia của mình. Ấn Độ từng tham gia đàm phán NPT nhưng từ chối gia nhập vì hiệp ước này mang tính phân biệt đối xử. Ấn Độ không muốn vĩnh viễn tự khép lại các lựa chọn chiến lược của mình trong một trật tự hạt nhân bất bình đẳng. Ngay từ sớm, Ấn Độ đã bắt đầu đặt nền móng xây dựng năng lực trong các lĩnh vực hạt nhân, tên lửa và không gian vũ trụ nhằm trang bị phương tiện để thực thi "tự chủ chiến lược" khi thời cơ chín muồi.

Khi Phong trào Không liên kết suy giảm vai trò thực tiễn, Ấn Độ đã tái định hình đặc trưng đường lối đối ngoại của mình theo nhiều cách thức khác nhau - dưới hình thức đa liên kết hoặc duy trì quyền tự chủ chiến lược.

> **"Cách tiếp cận của Ấn Độ trong một trật tự quốc tế thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, hay trong một trật tự được định hình lại dựa trên toàn cầu hóa suốt vài thập kỷ qua và nay đang chao đảo trước các xu hướng bài trừ toàn cầu hóa - là chủ động can dự với tất cả các quốc gia và liên kết theo từng vấn đề cụ thể với các nước có cùng chí hướng. Đó là việc tham gia vào các cơ chế tiểu đa phương đa dạng nhằm phục vụ lợi ích của mình, mở rộng các phương án lựa chọn và hỗ trợ phòng ngừa rủi ro trước sức ép từ bất kỳ phía nào, điển hình như BRICS, SCO hay Bộ Tứ (Quad)."**

Chúng tôi đã tăng cường đáng kể mối quan hệ với Hoa Kỳ - quốc gia từng gây tổn hại lớn nhất cho chúng tôi về mặt chiến lược cho đến khi đạt được thỏa thuận hạt nhân; đồng thời, chúng tôi vẫn duy trì quan hệ gắn bó với Nga - đối tác đã hỗ trợ chiến lược cho chúng tôi trong những vấn đề sống còn từ cuối thập niên

1950. Chúng tôi đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với hàng loạt quốc gia, điều này cũng phản ánh "tự chủ chiến lược" của chúng tôi ở khía cạnh không có tính bài trừ hay độc quyền trong các mối quan hệ đối ngoại. Chúng tôi đã tìm cách mở rộng nền tảng ủng hộ cho nền kinh tế chiến lược của mình bằng cách trở thành tiếng nói của phương Nam Toàn cầu.
Trên thực tế, chúng tôi đã đóng một vai trò lớn trong việc đưa các lợi ích và ưu tiên của phương Nam Toàn cầu vào chương trình nghị sự của G20.

## Những giới hạn của Tự chủ Chiến lược

Tự chủ chiến lược không đồng nghĩa với việc các quốc gia hoàn toàn không vấp phải bất kỳ sự ràng buộc nào khi đưa ra các lựa chọn chính sách đối ngoại, hay việc thực thi tự chủ chiến lược là tuyệt đối không bị kiềm tỏa. Xét trên bình diện rộng lớn hơn, Hiến chương Liên Hợp Quốc, luật pháp quốc tế, các nghĩa vụ bắt buộc phát sinh từ các liên minh quân sự, nhu cầu tuân thủ các điều ước quốc tế đã được đàm phán về những vấn đề cộng đồng quốc tế quan tâm chung, hay tư cách thành viên trong các khối thương mại, tất cả đều đặt ra giới hạn cho việc thực thi quyền tự chủ chiến lược - nếu thuật ngữ này được diễn giải theo nghĩa một quốc gia không bao giờ phải thỏa hiệp về năng lực tự đưa ra các quyết định độc lập trên mọi vấn đề có tầm quan trọng chiến lược.

Chính vì lý do này, có thể lập luận rằng phạm vi tự chủ chiến lược của bất kỳ quốc gia nào cũng được quyết định bởi sức mạnh quân sự, kinh tế và chính trị mà quốc gia đó nắm giữ trong hệ thống quốc tế. Nói cách khác, một quốc gia càng hùng mạnh thì quyền tự chủ chiến lược mà nước này có thể thực thi càng lớn. Hoa Kỳ luôn là quốc gia được hưởng mức độ tự chủ chiến lược cao nhất, dù trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh họ vẫn phải tính đến sức mạnh đối trọng từ Liên Xô. Sau khi Liên Xô sụp đổ, giai đoạn chủ nghĩa đơn phương của Hoa Kỳ bắt đầu, với sự mở rộng của NATO và các chiến dịch thay đổi chế độ. Chính sức mạnh vượt trội của Hoa Kỳ giải thích tại sao Trump có thể làm đảo lộn trật tự toàn cầu hiện hữu - một trật tự mà phần lớn do chính Hoa Kỳ kiến tạo nên - chỉ vì nó bị xem là không còn phục vụ cho các lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ nữa. Dẫu vậy, Hoa Kỳ cũng không thể đẩy mức độ đối đầu với các đối thủ hùng mạnh lên đến mức có nguy cơ bùng nổ chiến tranh. Thời kỳ mà Hoa Kỳ có thể đơn phương vẽ lại bản đồ thế giới về cơ bản đã khép lại.

Sự trỗi dậy kinh tế phi thường của Trung Quốc trong ba thập kỷ qua đã nâng cao năng lực thực thi quyền tự chủ chiến lược của nước này. Cùng với sức mạnh quân sự ngày càng gia tăng, Trung Quốc hiện đang kiểm soát các công nghệ then chốt và các nguồn nguyên liệu thô mang ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn phải đối mặt với các liên minh quân sự của Hoa Kỳ trong khu vực cũng như những sức ép mới tại các địa bàn địa chính trị mà Hoa Kỳ coi là nhạy cảm về mặt chiến lược. Nga, với sức mạnh quân sự, kho vũ khí hạt nhân và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, cũng sở hữu một mức độ tự chủ chiến lược nhất định, song quyền tự chủ đó vẫn bị kiềm tỏa bởi sức mạnh của Hoa Kỳ.

> **"Một điều đáng lưu ý là về cơ bản chỉ có những quốc gia như Ấn Độ và Pháp mới định nghĩa chính sách đối ngoại của mình dưới lăng kính duy trì quyền tự chủ chiến lược. Các cường quốc khác như Hoa Kỳ, Nga và Trung Quốc không cảm thấy cần phải mô tả định hướng quan hệ đối ngoại của họ với phần còn lại của thế giới bằng các thuật ngữ này. Điều này gợi mở rằng, 'tự chủ chiến lược' mang bản chất của một thuật ngữ mang tính phòng thủ: đó là nhu cầu phô diễn sức mạnh và khẳng định sự kháng cự trước các sức ép từ bên ngoài."**

# TÌM KIẾM MỘT ĐỊNH DANH CHO CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ẤN ĐỘ

**Krishnan Srinivasan**



*Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru (giữa), Tổng thống Nam Tư Josip Broz Tito (phải) và Tổng thống Ai Cập Gamal Abdel Nasser (trái) gặp gỡ vào năm 1956. Ba nhà lãnh đạo này được coi là những người cha đẻ của Phong trào Không liên kết. | AFP/rferl.org.*

**Thách thức trong việc Định nghĩa Chính sách Đối ngoại của Ấn Độ**

> **Sự khó khăn trong việc định nghĩa chính sách đối ngoại của Ấn Độ không phải là một vấn đề mới mẻ. Kể từ khi giành độc lập, cả giới quan sát trong và ngoài nước đều đã sa đà vào những trò chơi câu chữ nói về chủ đề này. Nền tảng tư tưởng của chính sách không liên kết đã bắt nguồn, tồn tại và lụi tàn cùng với chủ nghĩa lý tưởng của Jawaharlal Nehru, để rồi được nối tiếp bởi chủ nghĩa hiện thực và tính thực dụng - những yếu tố vẫn tiếp diễn dưới nhiều hình thức khác nhau cho đến tận ngày nay. Điều này có thể được mô tả như một "chủ nghĩa cơ hội ứng biến", hiểu theo nghĩa là sự điều chỉnh và tìm kiếm cơ hội trong một bối cảnh địa chính trị biến động không ngừng, nơi Ấn Độ nỗ lực tìm kiếm sự công nhận như một cường quốc mới nổi cùng với ý thức về chủ nghĩa ngoại lệ dựa trên 'dharma' (đạo pháp) hay hành xử ngay thẳng của Ấn Độ giáo, 'Trung đạo' và 'Trung dung' của Phật giáo, cùng triết lý bất bạo động của Gandhi.**

Sự trung lập đã được Nehru manh nha từ năm 1938 trở đi, và được trình bày rõ ràng thành đường lối "không liên kết" vào năm 1950, với bản chất là chủ quyền quốc gia gắn liền với quyền tự quyết, không chịu khuất phục trước bất kỳ áp lực hay thẩm quyền bên ngoài nào. Tuy nhiên, vốn không phải là một người nặng về ý thức hệ, chỉ thị của Nehru vào năm 1948 dành cho các đại biểu Ấn Độ tại các diễn đàn quốc tế là phải đặt lợi ích của Ấn Độ lên hàng đầu, thậm chí trước cả giá trị thực chất của vấn đề đang xét. Về cơ bản, đây chính là nền chính trị thực dụng, điều vẫn duy trì cho đến ngày nay, bất chấp vô vàn định nghĩa khác nhau.

Trong khi đó, dưới thời Nehru, đất nước này đã giành được uy tín lớn khi đóng vai trò lãnh đạo các quốc gia mới thoát khỏi ách thuộc địa, sau những sáng kiến ngoại giao thành công của Ấn Độ trong Chiến tranh Triều Tiên (1953), Hội nghị Geneva về Đông Dương (1954), Xung đột Suez (1956) và hoạt động gìn giữ hòa bình tại Congo (1960). Nam Tư và Ai Cập theo đuổi sự không liên kết thông qua thái độ thách thức các cường quốc, nhưng Ấn Độ không mang tư tưởng đối đầu và cảm thấy không cần thiết phải tìm kiếm sự hỗ trợ của nước ngoài để bảo vệ chủ quyền của mình. Mối quan hệ với phương Tây do Hoa Kỳ dẫn dắt vẫn tiếp diễn nhưng khá nhạt nhòa và thường xuyên trải qua những giai đoạn suy thoái, tiệm cận với sự thù địch.



*Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi và nhà lãnh đạo Liên Xô Leonid Brezhnev (thứ tư từ trái sang, đội mũ và đeo cà vạt) tại Moscow vào ngày 8 tháng 6 năm 1976. Hai quốc gia đã ký Hiệp ước Hữu nghị dưới sự lãnh đạo của họ vào năm 1971. | AP/Boris Yurchenko/fox59.com.*

## Không liên kết

"Không liên kết" là một cách mô tả khác thường về chính sách trong quan hệ quốc tế; nó hàm ý sự bất khả tri và dễ định nghĩa hơn thông qua các thuộc tính phủ định - không lý tưởng, không độc quyền, không mang tính ý thức hệ, không thụ động, không vô tư, không thờ ơ. Chính phủ Janata (1977 - 1979) cũng thất bại trong việc đưa ra bất kỳ định nghĩa nào cho chính sách mới mẻ của họ về nền không liên kết 'đích thực'. Rajiv Gandhi đã sử dụng thuật ngữ 'không liên kết' mà không có dấu gạch nối nhằm giảm bớt sắc thái phủ định cố hữu của nó, nhưng đã không thể vượt qua được các quy tắc ngữ pháp thông thường. Nhà ngoại giao kỳ cựu T.N. Kaul khẳng định không liên kết không phải là một chính sách mà là một tư thế hay thái độ, và đồng nghiệp của ông là R. Jaipal đã đưa ra kết luận khá kỳ lạ rằng việc không liên kết "không mang đạo đức hay giá trị gì hơn so với việc liên kết."

Phong trào Không liên kết với các hội nghị thượng đỉnh định kỳ đã trở thành một công cụ cho những khẩu hiệu chống phương Tây, chống Hoa Kỳ và xét theo logic thì đáng lẽ ra nó nên bị chấm dứt sau sự sụp đổ của Liên Xô; bởi lẽ đường lối không liên kết tất yếu phải giả định sự tồn tại của hai hay nhiều phe đối lập, do đó, nó hiển nhiên bị coi là lỗi thời sau khi Liên Xô sụp đổ, nhưng không có quốc gia nào muốn giáng đòn ân huệ (coup de grâce) để kết thúc nó. Tuy nhiên, sức ỳ là một hiện tượng phổ biến trong quan hệ quốc tế. Lấy ví dụ, Hội Quốc Liên dù đã thoi thóp từ lâu nhưng cũng chỉ chính thức bị giải tán vào năm 1946 sau Chiến tranh Thế giới thứ hai.

Lúc bấy giờ, khi đã rũ bỏ những tư tưởng ý thức hệ hậu thuộc địa của Ấn Độ, hành trình tìm kiếm những định nghĩa mang tính đổi mới cho chính sách đối ngoại của nước này bắt đầu, ngay cả khi các nhóm quốc tế mới của thế giới 'đơn cực' sau năm 1990 cũng đã nỗ lực thể hiện rằng họ không hề chống Hoa Kỳ. Từ năm 1990 đến năm 2014, dưới thời các Thủ tướng Narasimha Rao, Atal Bihari Vajpayee và Manmohan Singh, chính sách đối ngoại của Ấn Độ hướng tới tăng trưởng kinh tế, quan hệ đối tác chiến lược và hội nhập toàn cầu, nổi bật là thỏa thuận hạt nhân Hoa Kỳ - Ấn năm 2008.

Các hành động khác bao gồm việc đưa ra "Chính sách Hướng Đông" để thúc đẩy quan hệ với Đông Nam Á, làm sâu sắc thêm quan hệ với Nga và Nhật Bản, cùng những nỗ lực nhằm đảm bảo sự ủng hộ cho chiếc ghế thường trực của Ấn Độ tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Cách tiếp cận của Ấn Độ bắt nguồn từ niềm tin rằng phát triển kinh tế trong nước và hội nhập ngoại giao toàn cầu có mối liên hệ mật thiết với nhau.

## Giai đoạn Sau 2014

Năm 2014, với chiến thắng trong cuộc bầu cử của Đảng BJP dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi, một điều nhanh chóng trở nên rõ ràng là hệ thống tri thức và từ vựng, kế thừa từ thời kỳ Nehru/Đảng Quốc đại, được coi là không còn áp dụng được nữa hay không phù hợp nữa. Cần phải thiết kế những thuật ngữ thay thế để trình bày trước công chúng Ấn Độ về định hướng của chính phủ hiện tại, rằng đang có một động lực mới mẻ và mạnh mẽ hơn trong chính sách đối ngoại của quốc gia.

Do đó, công chúng đã lần lượt được làm quen với các khái niệm như tự chủ chiến lược, đa liên kết và thế giới đa cực, những khái niệm có thể mang ý nghĩa bao trùm đối với tất cả mọi người, đặc biệt là khi Ấn Độ có hơn 30 cái gọi là 'đối tác chiến lược' với các thực thể nước ngoài, khiến thuật ngữ này trở nên trống rỗng về mặt ý nghĩa - đúng như cựu Chủ tịch Hội đồng Châu Âu Herman van Rompuy đã từng nhận định đầy ẩn ý: "cho đến nay chúng ta đã có các đối tác chiến lược; bây giờ chúng ta cũng cần một chiến lược.". Đối với thuật ngữ "đa" (multi), bất kỳ chính sách đối ngoại nào, ngay cả đối với các quốc gia rất nhỏ, tất yếu cũng có nghĩa là phải giao thiệp với nhiều đối tác.

**Có vẻ hiển nhiên là Chính phủ hiện tại vẫn đang tìm kiếm một công thức ngôn từ phù hợp để đóng gói và truyền tải chính sách đối ngoại của mình tới quần chúng Ấn Độ. Nhiệm vụ này càng trở nên phức tạp do nhịp độ thất thường của quan hệ Ấn - Hoa Kỳ dưới Chính quyền Trump nhiệm kỳ hai, trong đó Nhà Trắng dường như chao đảo giữa các thái cực từ tuyên bố quý mến cho đến sự miệt thị đối với chính phủ Ấn Độ.**

Khi New Delhi chèo lái qua những thách thức mới do Washington gây ra - nơi dường như nắm giữ rất nhiều khát vọng của Ấn Độ, chuyên gia Sanjaya Baru đã giải thích rằng Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar từng làm rõ: "chính sách đa liên kết của Ấn Độ sẽ yêu cầu nước này 'gắn kết với Hoa Kỳ, quản trị Trung Quốc, vun đắp Châu Âu, trấn an Nga, đưa Nhật Bản vào cuộc, lôi kéo các nước láng giềng, mở rộng khu vực láng giềng và mở rộng các khu vực ủng hộ truyền thống."

Sẽ là công bằng khi nói rằng ngày nay, nhờ Donald Trump, Ấn Độ trên thực tế đang bị yêu cầu phải 'quản trị' Hoa Kỳ và 'gắn kết' với Trung Quốc, trong khi vẫn phải tiếp tục 'trấn an' Nga. Một phần tư thế kỷ trước, việc 'gắn kết' với Hoa Kỳ được New Delhi xem như một phương tiện để 'quản trị' Trung Quốc. Ngày nay, việc gắn kết với Trung Quốc dường như đã trở thành một công cụ để quản trị Hoa Kỳ. Tình thế này đòi hỏi một tư duy mới ở New Delhi vì nó đặt thêm một vài quân bài mới vào tay Bắc Kinh. Chính phủ Modi cho đến nay đã thích ứng tốt với môi trường chiến lược toàn cầu mới, từ chối luồn cúi trước Trump nhưng thể hiện sự kiên nhẫn to lớn trong việc 'quản trị' ông. Bất kỳ sự quay trở lại 'gắn kết' nào cũng sẽ phụ thuộc vào sự thành công của các nỗ lực 'quản trị'.

Tuy nhiên, lập luận này dường như ưu tiên mối quan hệ của Ấn Độ với Hoa Kỳ và làm suy giảm

mối liên kết của chúng ta với các đối tác có ảnh hưởng khác trong quá trình theo đuổi đa liên kết. Việc đây có phải là một cách tiếp cận khôn ngoan đối với một siêu cường đã từng khiến Ấn Độ thất vọng thường xuyên hơn bất kỳ đối tác nước ngoài nào khác trong lịch sử 80 năm tồn tại của mình hay không, sẽ cần thời gian để kiểm chứng.

Trong khi đó, Ấn Độ lại nhìn thấy lợi ích trong việc thực thi chính sách đu dây chiến lược (vừa bắt tay với phe này, vừa đi đêm với phe kia), điều này được thể hiện rõ nhất qua việc gia

hạn Thỏa thuận Khung về Quốc phòng Hoa Kỳ

- Ấn kéo dài 10 năm bên lề một hội nghị quốc

tế mà Thủ tướng đã không tham dự. Theo nhận định của Manoj Joshi, thỏa thuận này tái khẳng định "một hiệp ước được ký kết lần đầu tiên vào năm 2005 và gia hạn vào năm 2015, mà cả hai lần đều không tạo ra kết quả nào mang ý nghĩa lâu dài. Thỏa thuận này đã cam kết về việc hợp tác phát triển mang tính bước ngoặt và chuyển giao công nghệ nhưng lại mang tới rất ít kết quả thực chất ngoài những lời sáo rỗng (có nguy cơ) trở thành một thỏa thuận mua - bán khác đã mang về cho Hoa Kỳ hơn 22 tỷ USD doanh số bán vật tư cho Ấn Độ trong hai thập kỷ qua."

## Kết luận

Do đó, về mặt định nghĩa, chúng ta lại quay vòng trở về xuất phát điểm ban đầu. Khi chính phủ Modi vật lộn với các thách thức kinh tế và chính trị do chính phủ Hoa Kỳ và Trung Quốc đặt ra, họ sẽ tiếp tục phải tìm kiếm một cụm từ thật sự đắc địa để khoác lên chính sách đối ngoại đang không ngừng tiến hóa của mình.
Khái niệm "Không liên kết" rõ ràng sẽ không đáp ứng được yêu cầu, và "trung lập" thì lại quá thụ động. Cần lưu ý rằng Nehru hiếm khi sử dụng các thuật ngữ này, thay vào đó ông chuộng khái niệm 'chính sách đối ngoại độc lập' hơn - và cho đến nay, đây vẫn là cách mô tả xác đáng nhất về lý luận và thực tiễn của chính sách đối ngoại Ấn Độ.

# QUYỀN TỰ DO CAN DỰ CỦA ẤN ĐỘ: TÁI ĐỊNH NGHĨA TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC

**Syed Akbaruddin**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh Tương lai vào ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại New York. | Ảnh Liên hợp quốc/Loey Felipe.*

### Lời mở đầu

Trật tự toàn cầu đang chuyển biến với tốc độ nhanh hơn các chuẩn mực điều chỉnh nó. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, vốn từng được thúc đẩy như một nỗ lực hợp tác, nay đã bị vũ khí hóa. Thương mại bị sàng lọc thông qua thuế quan và trợ cấp. Sự lan tỏa của đổi mới công nghệ bị kiểm soát bởi các biện pháp hạn chế xuất khẩu. Địa lý, vốn trước đây xoay quanh các đường biên giới, nay còn bao hàm các tuyến đường xuyên biên giới, hành lang năng lượng và các chùm vệ tinh. Một số người thậm chí còn coi cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn hiện nay là khúc dạo đầu cho một cơ chế hòa hợp quyền lực giữa các nước lớn. Phản ứng của Ấn Độ trước môi trường đầy biến động này là tái định hình tự chủ chiến lược từ một lập trường mang tính đạo lý thành một phương thức vận hành thực tiễn.

**Chiến lược này không phải là thái độ đứng ngoài cuộc. Đây là một phương thức có chủ đích nhằm điều hướng qua các mặt trận đầy tính cạnh tranh. Nó không phải là việc giữ khoảng cách với thế giới, mà là quyền tự do định hình các hoạt động can dự theo những điều kiện riêng của Ấn Độ thông qua các lựa chọn có chủ quyền. Đó là việc hiện diện trên nhiều diễn đàn, xây dựng quan hệ đối tác vượt qua các ranh giới chia rẽ, định hình kết quả mà không bị rơi vào thế kẹt, và duy trì sự linh hoạt để chuyển hướng khi cần thiết.**

### Từ không liên kết đến cường quốc mạng lưới

Tự chủ chiến lược của Ấn Độ bắt nguồn từ bản sắc không liên kết của quốc gia này. Trong thời

kỳ Chiến tranh Lạnh, từng tồn tại không gian giữa các khối đối địch cho một chính sách đối ngoại độc lập, cho đến khi Hiệp ước Ấn - Xô năm 1971 phát đi tín hiệu rằng sự tự chủ cần phải được hậu thuẫn bởi thực lực. Sau đó, dù có tốc độ tăng trưởng chậm, động lực chính vẫn là hướng tới sự tự lực về lương thực và an ninh hạt nhân.

Công cuộc tự do hóa kinh tế năm 1991 đã chuyển hóa cơ hội thành năng lực thực tế. Khi Ấn Độ hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, các lựa chọn của nước này đã được mở rộng. Sau các vụ thử hạt nhân năm 1998, Ấn Độ đã lựa chọn can dự thay vì cô lập, và Hiệp định hợp tác hạt nhân dân sự năm 2008 với Hoa Kỳ đã làm nổi bật năng lực đàm phán để bảo vệ chủ quyền chứ không chỉ đơn thuần là khẳng định chủ quyền.

Ba giai đoạn đã khái quát tiến trình này: tự do thoát khỏi sự kiểm soát giúp bảo vệ chủ quyền trong những thập kỷ đầu; tự do hội nhập sau năm 1991 giúp xây dựng năng lực; và ngày nay, tự do can dự cho phép hiện diện cùng quyền lựa chọn chủ động.

Ngày nay, Ấn Độ hợp tác với Hoa Kỳ về nhận thức hàng hải và chất bán dẫn, với Pháp về đồng phát triển các hệ thống vũ khí, với Nga về nhu cầu năng lượng và quốc phòng, cũng như với châu Phi, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và khu vực Mỹ Latinh về hàng hóa công kỹ thuật số. Việc can dự không đồng nghĩa với sự tán thành tuyệt đối. Chúng phản ánh tính chủ thể cho phép hợp tác mà không bị ràng buộc.

Theo nguyên tắc chỉ đạo, không một đối tác bên ngoài đơn lẻ nào được phép chi phối bất kỳ lĩnh vực trọng yếu nào. Trong một môi trường toàn cầu đầy biến động, sự phụ thuộc có thể bị vũ khí hóa. Những tình huống như vậy đòi hỏi sự rà soát và tái cân bằng kịp thời. Mặc dù có thể phát sinh những trường hợp ngoại lệ, chúng phải được giới hạn, chỉ mang tính tạm thời và có lý do chính đáng rõ ràng.

## Tự chủ trong một thế giới phân mảnh

Kể từ năm 2020, đại dịch, các lệnh trừng phạt và các cú sốc nguồn cung đã khiến sự phụ thuộc lẫn nhau trở nên khắc nghiệt và cứng nhắc hơn. Hoa Kỳ và Trung Quốc đang phân tách trong các công nghệ trọng yếu. Châu Âu đang gia tăng chi tiêu quốc phòng để phản ứng trước những diễn biến tại Ukraine. Các nước phương Nam toàn cầu có tiếng nói mạnh mẽ hơn nhưng đòn bẩy ảnh hưởng vẫn còn hạn chế. Phản ứng của Ấn Độ là đa dạng hóa có kỷ luật.

Ấn Độ đã tăng cường hợp tác công nghệ với Hoa Kỳ thông qua Sáng kiến về công nghệ trọng yếu và mới nổi (iCET), hiện được đổi tên thành sáng kiến Chuyển đổi quan hệ sử dụng công nghệ chiến lược (TRUST). Các doanh nghiệp Hoa Kỳ đang cam kết đầu tư hàng tỷ đô la vào lĩnh vực lắp ráp, thử nghiệm và thiết kế chất bán dẫn tại Ấn Độ, bên cạnh các chương trình đào tạo hàng chục nghìn kỹ sư Ấn Độ.



*Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ S. Jaishankar gặp Tổng thống Pháp Emmanuel Macron tại Paris vào ngày 12 tháng 6 năm 2025. | @DrSJaishankar/X.*

Song song với đó, Ấn Độ và Nga vẫn duy trì quan hệ quốc phòng và tăng cường hợp tác năng lượng. Sau cuộc chiến tại Ukraine, dầu thô giảm giá của Nga có thời điểm chiếm gần hai phần năm lượng dầu nhập khẩu của Ấn Độ, trước khi giảm dần do các lệnh trừng phạt, thuế quan và các biện pháp hạn chế đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ Nga bị thắt chặt.

Ấn Độ cũng hoạt động tích cực trong nhóm các nền kinh tế mới nổi (BRICS) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), qua đó duy trì sự linh hoạt đa phương. Trong nhiệm kỳ Chủ tịch Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20), Ấn Độ đã thúc đẩy một chương trình nghị sự thực tế về hạ tầng kỹ thuật số phục vụ phát triển. Quốc gia này đã giúp đưa hàng hóa công kỹ thuật số vào dòng chảy chính thông qua bộ công cụ cho các hệ thống nền tảng chi phí thấp và có khả năng tương tác. Điều này đã dẫn đến sự phát triển xuyên biên giới từng bước của Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI). Tính đến cuối năm 2025, hệ thống UPI đã được triển khai cho các khoản thanh toán thương mại hoặc giao dịch cá nhân tại ít nhất chín quốc gia, cho phép người dân Ấn Độ có các kênh thanh toán khả dụng ở nước ngoài.

Tổng hợp lại, những hành động này không chỉ minh chứng cho khả năng thích ứng của Ấn Độ, mà còn thể hiện một chiến lược đang phát triển, không biệt lập mà cũng không liên kết cứng nhắc. Trọng tâm của chiến lược là can dự rộng rãi, phụ thuộc ở mức hẹp và liên tục tái cân bằng để bảo đảm quyền tự chủ lâu dài.

## Giá trị chiến lược và sự đánh đổi

Việc theo đuổi nhiều quan hệ đối tác và giảm thiểu sự phụ thuộc cứng nhắc mang lại cho Ấn Độ không gian xoay xở. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra các áp lực, đòi hỏi phải cân nhắc kỹ lưỡng những gì quyền tự do can dự này mang lại trên thực tế và những gì phải đánh đổi.

Việc phổ cập hóa sâu rộng các lĩnh vực như năng lượng, công nghệ và tài chính đã nâng cao khả năng chống chịu của thị trường, đồng thời giúp bảo vệ các hộ gia đình và doanh nghiệp trước những cú sốc bất ngờ. Việc tiếp cận bí quyết công nghệ đẳng cấp thế giới đã cải thiện việc làm, cơ sở hạ tầng và tiêu chuẩn dịch vụ trong nước. Sự tham gia vào các diễn

đàn toàn cầu và hỗ trợ tài chính phát triển đã mở rộng tầm ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực phương Nam toàn cầu. Lợi thế lớn nhất của cách tiếp cận này nằm ở giá trị của sự lựa chọn - khả năng đồng ý hoặc từ chối với đầy đủ sự tín nhiệm, từ đó cải thiện kết quả về giá cả, khả năng tiếp cận và quyền sở hữu trí tuệ. Trong những thời điểm bất định, việc có nhiều lựa chọn sẽ biến những bất ngờ thành các chi phí có thể kiểm soát được thay vì trở thành các cuộc khủng hoảng chiến lược.

Những cái giá phải trả là có thật, nhưng có thể kiểm soát được. Chiến lược phòng ngừa rủi ro có thể bị diễn giải thành sự nước đôi và làm giảm đòn bẩy trong các mối quan hệ đối tác. Việc không liên kết với các khối có thể làm suy giảm vai trò của Ấn Độ khi các quy tắc quốc tế được định hình. Một mạng lưới quan hệ đối tác rộng lớn sẽ làm chậm quá trình ra quyết định, bởi cần phải cân nhắc nhiều yếu tố hơn khi xảy ra khủng hoảng. Đa dạng hóa làm tăng chi phí và làm phức tạp hóa khả năng tương tác. Các cường quốc, chẳng hạn như Hoa Kỳ và Trung Quốc, thường thử thách quyết tâm của những quốc gia đứng ngoài phe cánh của họ thông qua thuế quan, trừng phạt và hạn chế tiếp cận. Những áp lực này có thể được kiềm chế khi được neo giữ vào các lằn ranh đỏ rõ ràng, được xác định theo từng vấn đề cụ thể - không thỏa hiệp về toàn vẹn lãnh thổ, không để bên ngoài có quyền phủ quyết đối với các lựa chọn kinh tế và kỹ thuật số cốt lõi, và không tham gia vào các cơ chế cưỡng ép làm suy yếu khu vực phương Nam toàn cầu. Với những hàng rào bảo vệ như vậy, cùng các kịch bản ứng phó khẩn cấp và sự hiện diện thường trực trên các diễn đàn toàn cầu, lợi ích của sự tự chủ có thể được duy trì rộng khắp trong khi chi phí vẫn nằm trong tầm kiểm soát.

## Những phép thử đối với quyền tự chủ trong tương lai

Ngày nay, cục diện an ninh đang đặt ra nhiều vấn đề sống còn. Trong bối cảnh các thách thức mới nổi, các lĩnh vực từ biên giới và tuyến đường hàng hải, khí hậu và y tế, thông tin liên lạc mạng và vệ tinh, cho đến thị trường tài chính và hệ thống thanh toán đều tương tác lẫn nhau và định hình những gì có thể thực hiện được dưới danh nghĩa tự chủ chiến lược.

Trong lĩnh vực quốc phòng, mục tiêu là năng lực răn đe đáng tin cậy mà không cần các liên minh chính thức, được xây dựng dựa trên khả năng nhận thức tình huống tốt hơn, khả năng vươn xa nhanh hơn và trạng thái sẵn sàng chiến đấu ổn định dọc theo biên giới trên bộ và đường bờ biển của Ấn Độ. Dọc theo biên giới trên bộ, điều đó có nghĩa là quản lý các áp lực đồng thời mà không bị cuốn vào cuộc cạnh tranh của các bên khác. Trên biển, điều đó có nghĩa là giữ vai trò không thể thiếu đối với an ninh của Ấn Độ Dương.

Trong quá trình chuyển đổi năng lượng và tài nguyên, an ninh hiện nay bao gồm cả lithium, coban, niken và phốt phát bên cạnh dầu mỏ và khí đốt. Nó cũng giải quyết vấn đề khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng trọng yếu và y tế công cộng. Mục tiêu là bảo đảm nguồn cung nhiên liệu, khoáng sản thiết yếu cùng các yếu tố đầu vào quan trọng về y tế và lương thực, với hệ thống cảng biển, đường ống và mạng lưới linh hoạt để hỗ trợ ngành công nghiệp và các lĩnh vực trong nước khi xảy ra các cú sốc.

Sự tự chủ trong không gian mạng và không gian vũ trụ bao gồm điện toán an toàn, cơ sở hạ tầng được gia cố vững chắc, khả năng kháng cự trước các mối đe dọa mạng và thông tin sai lệch, cùng khả năng kết nối được bảo đảm tới các tài nguyên đặt trong không gian. Chính những vệ tinh đang được sử dụng cho các giao dịch thông thường hiện đang đứng trước rủi ro, khiến việc bảo vệ chúng trở thành yêu cầu cấp bách, song hành với việc bảo vệ biên giới quốc gia.

Quyền tự do trong các vấn đề kinh tế cũng sẽ phụ thuộc vào việc bảng cân đối kế toán của Ấn Độ ra sao trong tương quan với thế giới. Ai đang nợ tiền Ấn Độ? Các hợp đồng của Ấn Độ được định giá bằng đồng tiền nào? Các doanh nghiệp Ấn Độ dễ bị tổn thương đến mức nào

trước các lệnh trừng phạt thứ cấp? Hệ thống thanh toán của Ấn Độ vững mạnh ra sao? Những yếu tố này sẽ định hình phạm vi tự do lựa chọn của Ấn Độ. Một rổ thương mại đa dạng nhưng thiếu đi các đối tác tài chính đa dạng thì cùng lắm cũng chỉ là một biện pháp phòng ngừa rủi ro một phần.

Tuy nhiên, tự chủ chiến lược không thể chỉ giới hạn ở việc cân bằng đối ngoại. Nó phải được nâng đỡ bởi một trật tự xã hội gắn kết ở bên trong. Điều này đòi hỏi các cơ quan thực thi pháp luật có năng lực, có thể giải quyết các thách thức xuyên biên giới, bao gồm khủng bố quốc tế, tội phạm mạng và tội phạm có tổ chức, đồng thời bảo đảm tính chính danh của nhà nước không bị xói mòn.

## Từ các lựa chọn đến kết quả thực chất

Sự thành công của bất kỳ chiến lược nào cũng được đánh giá bằng kết quả thực tế chứ không phải những tuyên bố. Một bảng điểm đơn giản có thể cho thấy sự tiến bộ thực chất.

Ba sự chuyển dịch, từ nhà máy sản xuất đến chính sách đối ngoại, sẽ quyết định liệu giá trị của sự lựa chọn có trở thành năng lực bền vững hay không. Thứ nhất là năng lực sản xuất, nghĩa là thiết kế và sản xuất nhiều hơn những gì Ấn Độ sử dụng, trong đó mỗi thỏa thuận nước ngoài đều được đánh giá qua những gì nó đóng góp thêm cho kỹ năng, quy mô và quyền sở hữu trí tuệ. Thứ hai là tính chủ thể về công nghệ, được xây dựng dựa trên hạ tầng điện toán đáng tin cậy và tiếng nói trong việc định hình các tiêu chuẩn, để hợp tác kỹ thuật số trở thành một nguồn vốn ngoại giao.

Thứ ba là sự rõ ràng trong thông điệp, giúp bảo đảm các đối tác biết rõ Ấn Độ sẽ làm gì, tại sao làm và khi nào hoàn thành, qua đó chuyển hóa sự mơ hồ thành tính chính danh. Kết hợp lại, những sự chuyển dịch này sẽ biến các lựa chọn mang tính thời điểm thành kết quả thực thi có thể dự đoán được.

> **Trong một thế giới của những lựa chọn khó khăn, sức mạnh thực sự nằm ở việc có trong tay các phương án và sử dụng chúng một cách hiệu quả. Trước đây, chủ quyền được bảo đảm bằng việc tự do thoát khỏi sự kiểm soát của bên khác. Tiếp đó, chủ quyền được bảo đảm bằng quyền tự do xây dựng và tích hợp năng lực. Giờ đây, chủ quyền được bảo đảm bằng quyền tự do can dự và định hình các kết quả bên ngoài. Tự chủ không phải là một học thuyết giáo điều. Đó là một nguyên tắc kỷ luật.**

Sức mạnh của Ấn Độ sẽ được đo lường không chỉ bằng số lượng xe tăng triển khai trên biên giới, mà còn bằng những con chip trong các trung tâm dữ liệu; bằng sự vững mạnh của ngân khố quốc gia; bằng tầm vươn trong không gian mạng và không gian vũ trụ; và bằng mức độ tín nhiệm trong các lựa chọn của mình. Khi Ấn Độ có thể đồng ý hoặc từ chối theo các điều kiện của riêng mình, hậu thuẫn những lời nói đó bằng năng lực thực tế, và hiện thực hóa chúng bằng kết quả cụ thể, đó chính là tự chủ chiến lược.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC & TÍNH ĐA CỰC: NHỮNG ĐƯỜNG ĐỨT GÃY TRONG KHUÔN KHỔ AN NINH ĐANG ĐỊNH HÌNH

**M K Narayanan**



*Tổng thống Nga Vladimir Putin (trái), Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Thiên Tân vào ngày 01 tháng 09 năm 2025. Ảnh: AP/PTI.*

### Lời mở đầu

Một thực tế được thừa nhận rộng rãi hiện nay là hệ thống quản trị toàn cầu đang phải chịu những sức ép hết sức nặng nề. Sự xáo trộn về địa chính trị và công nghệ, bên cạnh các rủi ro khí hậu, đại dịch cùng tình trạng bất bình đẳng ngày càng nới rộng, là một trong số nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Những yếu tố này sẽ định hình các diễn biến tương lai ra sao hiện vẫn là điều chưa thể khẳng định chắc chắn, song việc chúng chắc chắn sẽ tác động là điều hoàn toàn không thể hoài nghi.

Trước thềm năm 2026, một cái nhìn bao quát về tình hình thế giới sẽ củng cố thêm tiền đề cho thấy hiếm khi nào xuất hiện một thời kỳ biến động lớn hơn trong môi trường toàn cầu, đặc biệt là môi trường an ninh toàn cầu. Danh mục các cuộc xung đột và căng thẳng trên khắp thế giới là minh chứng rõ nét xác nhận giả thuyết này. Năm 2026 hoàn toàn có thể thiết lập một kỷ lục mới về số lượng thương vong trong các cuộc chiến tranh. Cuộc xung đột Nga – Ukraine kéo dài cùng cuộc chiến Israel – Hamas vẫn chưa hề suy giảm mà tiếp tục tiếp diễn. Ẩn hiện ở phía sau là cả những cuộc xung đột đang diễn ra lẫn các điểm nóng tiềm tàng tại vùng Sừng châu Phi, ở Sudan, Ethiopia, Congo, Myanmar, khu vực biên giới Thái Lan – Campuchia, eo biển Đài Loan và nhiều nơi khác. Do đó, thế giới rất có thể cần phải nhìn vượt ra ngoài hiện tại trước mắt nhằm nỗ lực xác định xem tương lai sẽ mang diện mạo như thế nào. Các khái niệm như trật tự đa cực và tự chủ chiến lược đều sẵn sàng đóng một vai trò riêng biệt trong tiến trình này.

> **"Giai đoạn hiện nay đánh dấu một sự chuyển dịch sâu sắc so với thế giới ngay sau năm 1945 - thời kỳ từng làm nảy sinh trật tự thường được mô tả là 'phong trào đơn cực tự do' do Hoa Kỳ chủ trì. Trong suốt tám thập kỷ kể từ thời điểm đó, thế giới đơn cực này đã phải nhường chỗ cho một môi trường đa cực phức tạp hơn, cạnh tranh gay gắt hơn và biến động khôn lường hơn. Những khái niệm như tự chủ chiến lược - năng lực đưa ra các quyết sách mà không chịu ảnh hưởng thái quá từ bên ngoài - và tính đa cực kể từ đó đã ngày càng gia tăng mức độ phổ biến cũng như ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh đầy biến động này."**

### Tự chủ Chiến lược & Tính Đa cực

Tự chủ chiến lược và tính đa cực là hai khái niệm hết sức khác biệt, dù chúng có thể chia sẻ một số đặc tính chung và dung nạp cùng một số quan điểm. Tự chủ chiến lược bắt nguồn từ các nguyên tắc của Phong trào
Không liên kết nguyên bản, đồng thời phản ánh một học thuyết thực dụng tân hiện đại nhằm định hướng hành động trong một thế giới đa cực. Ngược lại, tính đa cực lại thiếu đi sự rõ ràng tương tự về mặt hệ tư tưởng. Mặc dù cả tự chủ chiến lược lẫn tính đa cực đều bắt nguồn từ những niềm tin và khái niệm mang tính văn minh chung, song giữa hai khái niệm này tồn tại những điểm khác biệt mang tính bản chất. Đây không đơn thuần chỉ là những khác biệt về mức độ, mà là những khác biệt căn bản hơn nhiều.

Tự chủ chiến lược là một khái niệm đầy sức sống có chức năng định hướng chính sách và định vị các quyết định theo những phương thức phù hợp hơn với một thế giới phân hóa như thực trạng hiện nay. Tính đa cực lại thiếu đi tính nhất quán về hệ tư tưởng và luôn phụ thuộc vào những biến động của tình thế đương thời. Vì vậy, khái niệm này hoàn toàn không giống với tự chủ chiến lược. Ở một số khía cạnh, tính đa cực dường như tương tự hành động "đánh cỗ xay gió" khi đối diện với các bước chuyển dịch và biến đổi trên vũ đài quốc tế.

Điểm yếu nội tại của một khái niệm như tự chủ chiến lược ngày càng bộc lộ rõ nét trong bối cảnh hiện nay. Rất ít quốc gia có thể thực thi quyền tự chủ chiến lược trên thực tế, cụ thể là việc độc lập hoạch định và thực thi các chính sách hoàn toàn phù hợp với lợi ích quốc gia của chính mình. Dù đây vẫn là một mục tiêu
hàng đầu, song phần lớn các quốc gia đều cảm thấy khó khăn trong việc tránh né việc phải quay lại dựa vào các phương án dễ dàng hơn như việc dựa vào trật tự đa cực. Điều này đặc biệt đúng đối với các lĩnh vực và phạm trù như an ninh và quốc phòng; công nghệ và các hệ thống số; chính sách đối ngoại; cũng như năng lượng và các chuỗi cung ứng thiết yếu. Những bất định về địa chính trị càng làm trầm trọng thêm tình trạng này.



*Thủ tướng Ấn Độ, Tiến sĩ Manmohan Singh được Quốc vương Ả Rập Xê-út Abdullah bin Abdul Aziz Al Saud vinh danh tại Riyadh vào ngày 28 tháng 02 năm 2010. | Wikimedia Commons.*

Hiện nay, khía cạnh nổi bật nhất của các vấn đề thế giới là sự vắng bóng của một khuôn khổ hệ tư tưởng thống nhất, tương tự như khuôn khổ từng tồn tại trước đây dưới danh xưng "Trật tự Thế giới Tự do", vốn sau đó được tái định danh thành "Trật tự Tự do Dựa trên Luật lệ". Hoa Kỳ từng đóng vai trò lãnh đạo trong khuôn khổ này, và phần lớn các quy tắc đều do phương Tây soạn thảo và định hình. Tuy nhiên,
sự tồn tại trong "Trật tự Tự do Dựa trên Luật lệ" lại phụ thuộc vào việc chấp nhận quyền bá quyền của Hoa Kỳ trong các vấn đề thế giới.
Khi quyền bá quyền của Hoa Kỳ suy yếu và các cường quốc khác trỗi dậy, bản chất của trật tự thế giới tự do đã trải qua những thay đổi căn bản.

Thực tế này càng trở nên rõ ràng hơn khi thời gian gần đây, Hoa Kỳ theo đuổi một chính sách đối ngoại mang nặng tính giao dịch và song phương hóa cao độ - về thực chất là từ bỏ khuôn khổ hệ tư tưởng thống nhất mà nước này đã dựa vào suốt nhiều thập kỷ. Song hành cùng tiến trình đó, và nối tiếp sự chấm dứt của cái gọi là quyền bá quyền của Hoa Kỳ trong
các vấn đề toàn cầu, một số quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc và Nga, đã nổi lên nắm giữ vai trò lãnh đạo.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc - đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, quá trình hiện đại hóa quân sự, các bước tiến công nghệ trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo (AI) cùng Không gian mạng, và một số sáng kiến toàn cầu của nước này - đã nâng tầm Trung Quốc lên vị thế cường quốc gần như ngang hàng với Hoa Kỳ.
Nga, bất chấp những hạn chế về kinh tế, gần đây đã tái khẳng định tầm ảnh hưởng của mình thông qua năng lực quân sự và chính sách ngoại giao năng lượng; và dẫu cho cuộc xung đột kéo dài tại Ukraine, Nga vẫn là một cường quốc không thể xem nhẹ, ít nhất là trong phạm vi bối cảnh khu vực.
Trong khi đó, sự suy giảm của châu Âu và của các quốc gia như Vương quốc Anh đã trở thành những dấu hiệu rõ rệt cho thấy vị thế bá quyền cùng tầm ảnh hưởng đang đi xuống của phương Tây. Sự trỗi dậy của các cường quốc tầm trung như Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ càng làm sâu sắc thêm tiến trình suy thoái này của quyền bá quyền phương Tây. Sự lan tỏa công nghệ, các công nghệ kỹ thuật số mới hơn, năng lực không gian mạng và các công cụ AI cũng đã hạ thấp các rào cản gia nhập đối với việc phô diễn sức mạnh của thêm nhiều quốc gia trên khắp thế giới.

Ấn Độ và Trung Quốc đại diện cho hai cực hoàn toàn khác nhau về phương diện này. Ấn Độ nhấn mạnh vào sự phân tán quyền lực rộng rãi hơn, ưu tiên lựa chọn tự chủ chiến lược hơn là trật tự đa cực trong khía cạnh này, nhằm hỗ trợ việc quản trị và đưa ra các lựa chọn chiến lược của mình. Trung Quốc lại theo đuổi điều có thể gọi là nỗ lực xác lập sức mạnh tổng hợp
quốc gia, độc lập khỏi các hệ thống do phương Tây kiểm soát. Các quốc gia tầm trung hiện đang tìm cách khai thác khuôn khổ này hoặc khuôn khổ kia, từ đó mở ra không gian rộng lớn hơn cho trật tự đa cực, trái ngược với nguyên tắc tự chủ chiến lược.

## Kết luận

Tóm lại, chúng ta đang sống trong một thế giới lai ghép, nơi một bức tranh toàn cầu mang tính đa nguyên đang định hình, hoặc đã định hình, và cùng tồn tại song song với các thể chế cũ hơn. Tuy nhiên, không bên nào có khả năng áp đặt mệnh lệnh của mình lên bên còn lại. Khi
các thể chế toàn cầu tiền nhiệm ngày càng suy giảm về tầm ảnh hưởng cũng như năng lực,
một tiến trình tái lập trật tự toàn cầu đang được thúc đẩy. Trung Quốc ngày nay là một chủ thể hành động tích cực và là nhà cung cấp hàng hóa công toàn cầu, hưởng lợi từ sự suy yếu của Hoa Kỳ.

Các chủ thể khác, bao gồm cả một số chủ thể khu vực mới nổi, đã xuất hiện, nhưng năng lực định hình một trật tự toàn cầu ổn định hơn và hợp tác hơn của họ vẫn là điều chưa thể khẳng định. Tự chủ chiến lược và tính đa cực là những thuật ngữ liên tục được sử dụng để biểu đạt các lựa chọn chính sách; tuy nhiên, điều thấy
rõ là trong khi các quốc gia trên thế giới đang tìm kiếm những phương thức hợp tác mới, thì các thể chế toàn cầu vẫn tiếp tục suy thoái, và việc tái định hình trật tự thế giới đã trở thành một yêu cầu mang tính tất yếu.

Trong nỗ lực định hình một trật tự thế giới ổn định và hợp tác hơn, các quốc gia do đó phải khám phá nhiều phương án lựa chọn hơn và thể hiện sự linh hoạt cao hơn. Tiến trình này hiện vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Những thuật ngữ như tự chủ chiến lược và tính đa cực vốn được sử dụng để giải thích hay biện minh cho các quyết sách, không thể che giấu một thực tế rằng thế giới ngày nay đang
trở nên bất định và bất an hơn bất kỳ thời điểm nào kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc vào giữa thế kỷ 20.

# DỊCH CHUYỂN QUYỀN LỰC, CÁC LIÊN MINH VÀ TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ

**Sanjay Pulipaka**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng các nhà lãnh đạo nhóm Bộ Tứ (Quad) tại hội nghị thượng đỉnh ở Claymont, Delaware, Hoa Kỳ vào ngày 21 tháng 9 năm 2024. | Hindustan Times.*

## Lời mở đầu

Trong nền chính trị quốc tế, tự chủ chiến lược đề cập đến năng lực hành động độc lập. Trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau với các chuỗi cung ứng được tích hợp chặt chẽ, khả năng hành động độc lập không bao giờ là tuyệt đối. Các quốc gia có chủ quyền khi hướng tới tự chủ chiến lược sẽ nỗ lực củng cố các năng lực quốc nội và cân bằng các thế lực cạnh tranh, từ đó tạo ra nhiều không gian tương đối hơn cho các hành động độc lập. Một quốc gia có chủ quyền khi theo đuổi tự chủ chiến lược sẽ đánh giá một chính sách hoặc hành động cụ thể để xác định xem liệu điều đó sẽ nâng cao hay cản trở khả năng hành động độc lập của mình trên trường quốc tế.

Tự chủ chiến lược là hệ quả từ vị trí của một quốc gia trong hệ thống phân cấp các quan hệ quyền lực của nền chính trị quốc tế. Các cường quốc ý thức được rằng họ có đủ năng lực để hành động tự chủ. Do đó, họ không quá bận tâm đến việc duy trì sự tự chủ của mình; thay vào đó, họ xác định sự can dự đối ngoại của mình dựa trên việc thiết lập và duy trì các phạm vi ảnh hưởng.

Mặt khác, chính các cường quốc tầm trung và mới nổi (nếu không phải tất cả thì ít nhất là một số) lại định hình sự can dự quốc tế của họ thông qua lăng kính tự chủ chiến lược. Một số cường quốc mới nổi tin rằng họ sẽ vươn lên thành các cường quốc lớn trong tương lai và chống lại áp lực phải liên kết với lợi ích của các cường quốc lớn bằng cách chủ động đa dạng hóa các mối quan hệ của mình.

Do đó, tự chủ chiến lược không phải là một cách tiếp cận biệt lập đối với chính trị quốc tế. Trái lại, các quốc gia theo đuổi tự chủ chiến lược luôn tìm cách vun đắp các mối quan hệ đa dạng. Như Thủ tướng Narendra Modi đã lưu ý, chính sách của Ấn Độ đã chuyển dịch từ việc

"duy trì khoảng cách đều với tất cả các quốc gia, .. [sang].. cách tiếp cận hiện tại.. [là].. gần gũi như nhau với tất cả mọi người - một chính sách 'Cân bằng sự “Gần gũi”. Tuy nhiên, chính sách cân bằng sự gần gũi (equi - proximity) không tự động chuyển hóa thành việc phát triển các mối quan hệ liên minh.

## Sự cự tuyệt của Ấn Độ đối với các Liên minh

Các quốc gia như Ấn Độ nhận thức rằng một mối quan hệ liên minh sẽ gò bó các lựa chọn của họ. Thực tế cho thấy, có những trường hợp các quốc gia nằm trong một khuôn khổ liên minh, chẳng hạn như Pháp, vẫn luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hành động độc lập trên trường quốc tế. Đáng chú ý là, Liên minh Châu Âu, bất chấp mối quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ, trong những năm gần đây cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc
áp dụng cách tiếp cận tự chủ chiến lược. Đã có những lập luận cho rằng Ấn Độ nên liên minh với Hoa Kỳ để trỗi dậy thành một cường quốc hàng đầu. Tuy nhiên, những lời thúc giục này đã bỏ qua những thách thức quan trọng đang cản trở việc hình thành một liên minh giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ.

Một liên minh được coi là hiện hữu nếu hai hay nhiều quốc gia thành lập một nhóm với cam kết rằng họ sẽ hỗ trợ giải cứu lẫn nhau để chống lại sự xâm lược từ một/các quốc gia khác bên ngoài nhóm. Điều kiện tiên quyết cơ bản của một liên minh là các quốc gia thành viên phải công nhận ranh giới lãnh thổ của nhau. Việc không công nhận đường biên giới lãnh thổ của nhau sẽ gây khó khăn cho việc xác định xem liệu một quốc gia thành viên có đang phải hứng chịu sự xâm lược hay không.

Trớ trêu thay, không có quốc gia nào trong nhóm Bộ Tứ (Quad) công nhận ranh giới lãnh thổ của Ấn Độ theo bản đồ mà New Delhi xác định. Đơn cử, cho đến nay Hoa Kỳ vẫn tránh tuyên bố rằng Trung Quốc và Pakistan đang chiếm đóng bất hợp pháp khu vực Ladakh cùng Jammu và Kashmir. Vì các quốc gia Quad không công nhận biên giới lãnh thổ của Ấn Độ theo định nghĩa của Delhi, viễn cảnh khuôn khổ này tiến triển thành một liên minh là rất xa vời.

Một động thái tương tự cũng diễn ra rõ nét trong trường hợp của các quốc gia BRICS. Với việc Trung Quốc liên tục can dự vào các hành vi vi phạm lãnh thổ vùng xám chống lại Ấn Độ, triển vọng BRICS tiến hóa thành một liên minh cũng khó có khả năng xảy ra. Ấn Độ không thể tham gia vào một liên minh với bất kỳ cường quốc nào, bởi lẽ họ không công nhận toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ khi đề cập đến Jammu, Kashmir và Ladakh. Do đó, tự chủ chiến lược của Ấn Độ cũng là một hệ quả từ cách thế giới đối xử với Ấn Độ.



*Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee cùng người đồng cấp Pakistan Nawaz Sharif tại Lahore vào năm 1999. | National Herald.*

Một số ý kiến đã bóng gió rằng Pakistan, dù là một đồng minh của Hoa Kỳ, vẫn có thể giao thiệp với Trung Quốc, và Ấn Độ có lẽ cũng có thể duy trì các mối quan hệ đa dạng trong khi làm đồng minh của Hoa Kỳ. Tất cả các cường quốc đều hiểu rằng các mục tiêu chiến lược của Pakistan chỉ nhằm vào Ấn Độ, và nước này không hề mưu cầu vươn lên thành một cường quốc ở Châu Á cũng như không mơ ước sở hữu một nền kinh tế có sức cạnh tranh toàn cầu.

Các lựa chọn chiến lược của Pakistan chỉ có tác động đến tiểu lục địa Ấn Độ chứ không mang lại hệ lụy ở cấp độ lục địa hay toàn cầu. Trái lại, Ấn Độ là nền kinh tế lớn thứ tư thế giới và luôn tìm kiếm vai trò lãnh đạo trong chính trị quốc tế; những lựa chọn chiến lược của nước này sẽ tạo ra những phản ứng mạnh mẽ từ các cường quốc toàn cầu - điều mà Ấn Độ bắt buộc phải tính đến.

## Tác động của Lịch sử và Tương tác Kinh tế

Hành trình theo đuổi tự chủ chiến lược của Ấn Độ cũng được định hình bởi yếu tố lịch sử và các tương tác kinh tế. Trong phần lớn thời kỳ Chiến tranh Lạnh, phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã cung cấp cho Pakistan các trang thiết bị quân sự tiên tiến. Sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh đã không mang lại những thay đổi căn bản trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Ấn Độ. Ấn Độ, vì chương trình hạt nhân của mình, đã phải hứng chịu các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ, và những lệnh này chỉ được dỡ bỏ sau khi thỏa thuận hạt nhân Ấn - Hoa Kỳ chính thức đi vào hoạt động năm 2008. Hệ quả là, trong nhiều thập kỷ, hoạt động mua sắm quân sự của Ấn Độ đã nghiêng hẳn về phía Nga. Quả thực, quan hệ đối tác quốc phòng Ấn - Hoa Kỳ đã tiến triển đáng kể trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, vẫn chưa có gì chắc chắn liệu Hoa Kỳ, giống như Nga, có sẵn sàng cung cấp cho Ấn Độ các loại vũ khí chiến lược tiên tiến, chẳng hạn như tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân, mà không kèm theo bất kỳ điều kiện ràng buộc nào hay không. Trên phương diện kinh tế, Hoa Kỳ đang là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ. Trong số 10 quốc gia giao thương hàng đầu của Ấn Độ, Hoa Kỳ (với GDP đạt 29 nghìn tỷ USD vào năm 2024) là nền kinh tế duy nhất mà Ấn Độ có thặng dư thương mại. Nền kinh tế Nga, với mức GDP 2 nghìn tỷ USD, không phải là một thị trường xuất khẩu đáng kể đối với Ấn Độ.

Trung Quốc cũng là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ. Tuy nhiên, Ấn Độ lại đang gánh chịu khoản thâm hụt thương mại khổng lồ với Trung Quốc. Do tình trạng dư thừa năng lực sản xuất công nghiệp trong nước, Trung Quốc đã nổi lên như một quốc gia xuất khẩu lớn; vì thế, rất khó có khả năng hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ sẽ tìm được chỗ đứng tại Trung Quốc trong tương lai gần. Do đó, Ấn Độ sẽ ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Đông Nam Á và các thị trường mới nổi khác. Tóm lại, trong khi Ấn Độ đang tận hưởng một mối quan hệ quốc phòng vững chắc với Nga, thì trong lĩnh vực kinh tế, tương lai của nước này lại gắn chặt với Châu Âu và thị trường Hoa Kỳ. Đứng trước sự phân đôi như vậy, sẽ luôn là một bài toán khó để Ấn Độ có thể thiết lập mối quan hệ liên minh với bất kỳ cường quốc nào.

## Giai đoạn Hậu Liên minh

Hơn nữa, xu hướng đa cực trong chính trị quốc tế đang gia tăng, và quyền lực ngày càng bị phân tán, điều này đang tác động sâu sắc đến chính sách đối ngoại của các quốc gia có chủ quyền. Có lẽ điều quan trọng cần nhận thức là nền chính trị quốc tế đã bước vào giai đoạn hậu liên minh vì những lý do sau:

Thứ nhất, liên minh xuyên Đại Tây Dương và mạng lưới liên minh "trục và nan hoa" của Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương đang trải qua những căng thẳng đáng kể. Giới lãnh đạo Hoa Kỳ đã kêu gọi các đồng minh Châu Âu phải tự làm chủ về mặt an ninh trên Lục địa này, và Tổng thống Trump cũng từng đề xuất một quan hệ đối tác G2 với Trung Quốc. Những tuyên bố
chính sách này đã làm dấy lên những lo ngại về việc liệu Hoa Kỳ có bỏ rơi các đồng minh của mình trong trường hợp xảy ra xung đột hay không. Quan trọng hơn, dường như giới lãnh đạo Hoa Kỳ đã nhượng bộ trước phiên bản về các phạm vi ảnh hưởng của Trung Quốc (Mô hình Quan hệ Nước lớn Kiểu mới).

Thứ hai, giới lãnh đạo Châu Âu, bất chấp sự lo âu sâu sắc về các ý đồ của Nga, cũng chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ vật chất cho Ukraine và kiềm chế không đưa quân đội trực tiếp tham chiến. Sự miễn cưỡng này bắt nguồn từ những lo ngại về sự leo thang chiến tranh và nỗi ám ảnh về những chiếc túi đựng thi thể được đưa về quê nhà, kéo theo đó là sự phản ứng dữ dội về mặt chính trị.

Thứ ba, nhiều xã hội phương Tây ngày nay đang bị phân cực sâu sắc, với các nhóm chính trị đối địch luôn nghi ngờ và cáo buộc lẫn nhau là phá hoại lợi ích quốc gia. Những diễn biến này cho thấy các nền dân chủ phương Tây ngày nay không còn thiết tha trong việc đáp ứng các nghĩa vụ liên minh kinh điển là đưa quân tham chiến và phải gánh chịu một cuộc chiến tranh kéo dài. Vì nền chính trị toàn cầu đang trôi dạt vào một giai đoạn hậu liên minh, Ấn Độ cần phải đầu tư nhiều hơn nữa vào việc theo đuổi tự chủ chiến lược.

## Kết luận

Tóm lại, vị thế của Ấn Độ trong hệ thống phân cấp quyền lực của nền chính trị toàn cầu, sự chần chừ của các cường quốc trong việc công nhận toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ theo định nghĩa của Delhi, cùng với sự rạn nứt của các mối quan hệ liên minh trong một trật tự thế giới đa cực sẽ thúc đẩy Ấn Độ thực thi tự chủ chiến lược trong nền chính trị quốc tế. Ngoài ra, Ấn Độ ngày nay có những nhu cầu đa dạng về
kinh tế, công nghệ và quốc phòng, bao gồm nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn hơn để củng cố cơ sở hạ tầng kết nối, nguồn cung năng lượng ổn định và có thể dự báo trước, các công nghệ thân thiện với môi trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và tinh chế kim loại đất hiếm, sự gắn kết chặt chẽ hơn với các viện công nghệ hàng đầu, hợp tác trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và công nghệ lượng tử, cùng với các công nghệ máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm. Không một quốc gia đơn lẻ nào có thể hỗ trợ Ấn Độ đáp ứng tất cả những nhu cầu này với một mức chi phí phải chăng. Do đó, điều quan trọng đối với
Ấn Độ là phải đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác chiến lược, và điều này chỉ có thể thành

hiện thực nếu New Delhi theo đuổi tự chủ chiến lược với một quyết tâm mạnh mẽ hơn.

# ĐẠI CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐA CỰC

**Zorawar Daulet Singh**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng Tổng thống Nga Vladimir Putin tại Dinh Hyderabad vào ngày 5 tháng 12 năm 2025. | Bộ Ngoại giao Ấn Độ.*

## Lịch sử chuyển giao quyền lực giữa các nước lớn

Lịch sử lâu dài của địa chính trị và quan hệ quốc tế xét trên nhiều phương diện là câu chuyện về những bước ngoặt lớn. Một trật tự thế giới hoặc nguyên trạng tưởng chừng đã định hình ổn định lại bị gián đoạn và sau đó tan rã. Nguyên nhân sâu xa của sự dịch chuyển quyền lực là tốc độ tăng trưởng không đồng đều về sức mạnh tổng hợp quốc gia trong hệ thống quốc tế. Cán cân quyền lực biến đổi này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu là những thay đổi mang tính cấu trúc về nền tảng nhân khẩu học, kinh tế và công nghệ của các cường quốc đang trỗi dậy, đi kèm với một giai đoạn ổn định chính trị kéo dài giúp họ giành được thị phần lớn hơn trong sản xuất và của cải toàn cầu.

Sự dịch chuyển quyền lực cũng có thể bắt nguồn từ các cuộc can thiệp quân sự tốn kém, sự dàn trải đế chế quá mức, sự sụp đổ chính trị từ bên trong, hoặc sự thất bại trong đổi mới và thích ứng, dẫn đến sự suy giảm tương đối của các cường quốc thống trị. Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến sự kết hợp của cả hai quá trình này diễn ra ở các cường quốc thống trị lẫn các cường quốc đang trỗi dậy. Chẳng hạn, thời kỳ hoàng kim của sự thịnh vượng châu Á - khi Trung Quốc và Ấn Độ ở đỉnh cao của hệ thống kinh tế thế giới trong hơn một thiên niên kỷ cho đến thế kỷ 18 - từng có vẻ rất ổn định và bền vững.

Thế nhưng, khu vực Đại Tây Dương, hay cái mà chúng ta gọi là phương Tây hàng hải, đã dần vượt qua và sau đó khuất phục các đế chế và thực thể chính trị hùng mạnh ở châu Á này bằng pháo hạm, công nghệ và thuật trị quốc thực dụng. Đây là một cú sốc lớn để lại những hệ quả lâu dài cho nền chính trị thế giới.

Một bước ngoặt khác là sự xuất hiện của hệ thống đa cực tại châu Âu thế kỷ 19 với một vùng ngoại vi toàn cầu bao quanh. Cân bằng quyền lực, với tư cách là một khái niệm chính danh nhằm điều tiết trật tự địa chính trị chật chội gồm nhiều cường quốc đang trỗi dậy này, đã được xác lập như một khái niệm chuẩn mực tại các bộ ngoại giao khắp châu Âu.

Nhưng điều đó đã không ngăn cản được tham vọng bá quyền của một số cường quốc, những nước đã mắc sai lầm chí mạng khi dùng bạo lực để viết lại nguyên trạng. Các cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc trong thế kỷ 20 cho chúng ta thấy khái niệm cân bằng quyền lực đã trở nên khắc nghiệt đến mức nào trên thực tế khi nó bị thách thức và sau đó được khôi phục với cái giá khổng lồ bởi một cơ chế hòa hợp quyền lực giữa các nước lớn.

Và cứ thế, chu kỳ lịch sử lặp lại - sự dịch chuyển quyền lực diễn ra thông qua một quá trình thay đổi phức tạp ở nhiều cấp độ của hệ thống quốc tế, làm xáo trộn một trật tự đã được thiết lập; trật tự này sau đó lại được khôi phục bởi các cường quốc có năng lực nhất thông qua việc cải tổ hoặc kiến tạo các chuẩn mực, thể chế và cấu trúc an ninh cho nguyên trạng mới.

Chúng ta một lần nữa đang đứng trước một trong những thời khắc trọng đại đó của lịch sử thế giới. Quá trình chuyển giao quyền lực không diễn ra thông qua bạo lực không giới hạn như trong thời đại tiền hạt nhân, khi một cuộc chiến tranh toàn diện giữa các nước lớn là phương thức chủ yếu để thay đổi trật tự quốc tế. Đúng là cuộc chiến đang diễn ra tại Ukraine xét trên nhiều phương diện là một phiên bản hiện đại của chiến tranh giữa các nước lớn, vốn vẫn được giới hạn phần lớn nhờ vào các đặc điểm đương đại của môi trường công nghệ - quân sự. Nhưng nhìn rộng ra, có thể nói rằng đời sống quốc tế đã trở nên tinh vi hơn với sự ra đời của vũ khí hạt nhân, cùng với sự sụt giảm động cơ và chi phí khổng lồ nếu trực tiếp chinh phục lãnh thổ và con người.

**Tuy nhiên, bản chất vẫn không thay đổi. Một trật tự không được nâng đỡ bởi các trụ cột vật chất và chuẩn mực để nuôi dưỡng, duy trì và hợp thức hóa nó sẽ trở nên thiếu bền vững, và những kẻ thách thức - tức là những cường quốc từng bị loại trừ hoặc bị đẩy ra bên lề của nguyên trạng đang rạn nứt trước đó - sẽ tìm kiếm phần lợi ích và vị thế lớn hơn cho quốc gia của mình.**

Quá trình cạnh tranh và giành giật ảnh hưởng này diễn ra như thế nào thường được định hình bởi văn hóa chiến lược của các chủ thể chính trong vở kịch này, cũng như cách mỗi bên hoạch định lợi ích quốc gia, tầm nhìn về trật tự thế giới, và mức độ hiệu quả trong việc cung cấp hàng hóa công quốc tế. Cần phải nhấn mạnh rằng: kết quả chính xác của các cuộc dịch chuyển quyền lực hiếm khi có thể dự đoán trước vì chúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó mỗi bên tham gia chính đều nắm giữ một lá phiếu trong động lực này và tự quyết định cách thức theo đuổi sự thay đổi trong trật tự quốc tế.

### Lá phiếu của Ấn Độ trong động lực này sẽ là gì?

### Thuật trị quốc của Ấn Độ trước thời kỳ đa cực

Vì chúng ta có khả năng sẽ chứng kiến một mức độ kế thừa nhất định nhưng đồng thời cũng có cả sự thay đổi sâu sắc trong chính sách đối ngoại và địa chiến lược của Ấn Độ, việc nhìn lại các môi trường quốc tế và trật tự thế giới trước đây để hiểu cách Ấn Độ điều hướng trong các bối cảnh cũ sẽ rất hữu ích. Tương lai nhiều khả năng sẽ rút ra từ những giai đoạn này các bài học, khái niệm và cả những thực tiễn đã được xác lập trong thuật trị quốc. Trước khi cục diện đa cực trỗi dậy mạnh mẽ gần đây, đã có ba thời kỳ định hình nên văn hóa chiến lược của Ấn Độ.

Điều quan trọng là phải bắt đầu từ thời kỳ Ấn Độ thuộc Anh. Mặc dù giai đoạn này chủ yếu được nhớ đến vì sự bóc lột thuộc địa và tàn phá văn hóa - mà từ đó Ấn Độ vẫn đang trong quá trình khôi phục lại vị thế vật chất và văn minh trước đây của mình trong hệ thống thế giới - nhưng tác động về mặt tư tưởng đối với thế giới quan của Ấn Độ liên quan đến bàn cờ địa chính trị khu vực đã để lại dấu ấn sâu sắc trong văn hóa chiến lược của nước này.

Cụ thể, phần lớn giai đoạn từ giữa thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20 được định hình bởi cái gọi là Ván cờ lớn - cuộc cạnh tranh và đối đầu giữa Anh và Nga nhằm giành ảnh hưởng tại các khu vực khác nhau của lục địa Á - Âu. Cuộc cạnh tranh này, cùng với thực tế là Ấn Độ không có chủ quyền, đồng nghĩa với việc tiểu lục địa này đã trở thành mũi nhọn và căn cứ của cường quốc nhằm duy trì cuộc cạnh tranh lục địa đó. Điều này đã dẫn đến việc hình thành các quốc gia vùng đệm và hệ thống phòng thủ vành đai bao quanh Ấn Độ, bề ngoài là để ngăn chặn Nga và giữ cho người Anh luôn ở vị thế ưu việt vĩnh viễn tại khu vực này, cùng với khả năng phóng chiếu sức mạnh xa hơn về phía đông tại khu vực Tây Thái Bình Dương.

Ngay cả trong chính sách của Anh đối với Trung Quốc, Ấn Độ cũng mang lại đòn bẩy to lớn trong địa chính trị châu Á, không chỉ để thúc đẩy việc cưỡng bức mở cửa Trung Quốc trong thế kỷ 19 mà còn tạo điều kiện cho một hệ thống kiểm soát tiền phương vững chắc ở vùng ngoại vi phía tây nam của Trung Quốc, một lần nữa với mục tiêu tiếp cận lục địa Á - Âu. Nói cách khác, Ấn Độ từng là một tiền đồn canh gác của phương Tây và là một công cụ không thể thiếu trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn của thời đại đó.

Việc để mất Ấn Độ sau năm 1947 chỉ được bù đắp một phần thông qua sự ra đời của Pakistan, quốc gia ngay từ đầu đã được địa chiến lược Anh - Hoa Kỳ định hình để tiếp quản một số vai trò mà Ấn Độ thuộc Anh từng đảm nhiệm trước đây. Tuy nhiên, một số nhà chiến lược phương Tây - và cả ở Ấn Độ - vẫn luôn hình dung rằng cuối cùng Ấn Độ sẽ đảm nhận lại vai trò tiền đồn canh gác của phương Tây tại châu Á.

Vào giữa những năm 1940, bán đảo Ấn Độ một lần nữa được nhìn nhận trong đại chiến lược của phương Tây như một quốc gia Vành đai điển hình theo học thuyết của học giả Hoa Kỳ Nicholas Spykman, nằm ở vùng ngoại vi của lục địa Á - Âu và là một trong những chìa khóa để thâm nhập vào Vùng lõi Á - Âu cũng như thực thi chiến lược ngăn chặn sau năm 1945 - vốn về bản chất là sự nối lại và mở rộng Ván cờ lớn của thế kỷ 19.

Sự bùng nổ của Chiến tranh Lạnh là cơ hội đầu tiên để các nhà lãnh đạo Ấn Độ định hình một thế giới quan cho giai đoạn mới. Ấn Độ đã bác bỏ ý tưởng trở thành một mắt xích khu vực cho phương Tây, bởi giờ đây quốc gia này đã có vận mệnh có chủ quyền của riêng mình và phải đối mặt với nhiệm vụ vô cùng khó khăn là phục hồi sau những tổn thất vật chất chưa từng có của thời kỳ thuộc địa.

Điều này đã dẫn đến lập trường và chính sách không liên kết vào những năm 1950, vốn bắt nguồn sâu xa từ niềm tin rằng Ấn Độ đang tách mình ra khỏi cuộc cạnh tranh nước lớn đang leo thang giữa phương Tây tập thể và các cường quốc lục địa Á - Âu, một cuộc cạnh tranh đã mang hình thái quyết liệt hơn nhiều với các cuộc xung đột Chiến tranh Lạnh tại châu Á.

Các nhà lãnh đạo Ấn Độ cũng nhanh chóng nhận ra rằng các quốc gia độc lập có rất ít không gian - thực tế là chủ quyền của Ấn Độ cần phải bị thu hẹp đáng kể thì chiến lược ngăn chặn tại lục địa Á - Âu mới có thể được triển khai toàn diện ở châu Á. Do đó, Ấn Độ từ chối định nghĩa nền chính trị thế giới theo lối tư duy tổng bằng không khắc nghiệt, vốn sẽ xóa bỏ mọi bản sắc và lợi ích quốc gia khác để bắt chúng phục tùng các ưu tiên của một trong những khối do siêu cường đứng đầu.

Mặc dù ngày nay được xem là lẽ thường và mang tính thực tế, chính sách không liên kết

vào thời điểm đó là một điều mới mẻ và đã vấp phải áp lực dữ dội từ cả hai phía, đặc biệt là từ phương Tây hàng hải - những nước coi các quốc gia độc lập là rào cản đối với việc tiếp cận cánh cửa vào khu vực Đại Á - Âu.

Một đặc điểm then chốt của chính sách không liên kết bao gồm sự trung lập về quân sự - nghĩa là các cuộc xung đột địa chính trị của một cường quốc không nghiễm nhiên trở thành trách nhiệm mà Ấn Độ phải giải quyết hoặc tham gia vào. Dưới thời Ấn Độ thuộc Anh,
người ta mặc định rằng các cuộc đối đầu của Anh sẽ được áp đặt lên Ấn Độ, buộc nước này phải đứng ra làm bên cung cấp an ninh cho bất kỳ mục tiêu nào của phe đồng minh.

Một nước Ấn Độ độc lập đã bác bỏ khái niệm này cả về mặt nguyên tắc lẫn thực tiễn. Khi nhìn từ góc độ ngày nay, có thể thấy chính sách không liên kết về bản chất là sự ủng hộ cho mục tiêu về một thế giới đa cực đa dạng, nơi các hệ tư tưởng, nền văn minh và hệ thống kinh tế - xã hội khác nhau có thể cùng tồn tại.

Chính sách không liên kết từ chối công nhận sự ưu việt về đạo lý của bất kỳ mô hình cụ thể nào và thay vào đó đi theo con đường tự nhiên là để trăm hoa đua nở, với những ý tưởng bền vững nhất sẽ chiến thắng theo thời gian. Cách tiếp cận này cũng mang lại lợi ích to lớn trong việc thu hút viện trợ kinh tế và quân sự từ các cường quốc vốn đang cạnh tranh với nhau, qua đó đóng góp vào an ninh và sự phát triển kinh tế của Ấn Độ trong những thập kỷ dễ bị tổn thương nhất.

Chính sách không liên kết đủ linh hoạt và thực tế để thậm chí tận dụng một siêu cường trong thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng khu vực nghiêm trọng vào năm 1971 và trong hai thập kỷ sau đó, cho đến khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Nhưng đây không phải là sự ngẫu nhiên: đó là việc Ấn Độ định hình lại vị trí của chính mình trong địa lý chiến lược của lục địa Á - Âu và theo đuổi chính sách cân bằng quyền lực nhằm đối phó với thách thức kép vào thời điểm đó từ một cường quốc lục địa (Trung Quốc) và một siêu cường hàng hải (Hoa Kỳ) - một thách thức mang tính chất liên kết hai siêu cường

(G-2) ở mức độ điển hình nhất.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng các nhà lãnh đạo Tổ chức Hợp tác Thượng Hải khác tại Hội nghị thượng đỉnh Tổ chức Hợp tác Thượng Hải ở Thiên Tân vào ngày 31 tháng 8 năm 2025. | Thời báo Ấn Độ.*

Cán cân quyền lực một lần nữa biến đổi vào những năm 1990. Thời khắc đơn cực đã thách thức quan điểm cho rằng Ấn Độ có thể đứng ngoài các cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn trong khi vẫn nỗ lực tìm kiếm không gian để thiết lập mô hình phát triển và địa chính trị của riêng mình. Thực tế, trong suốt những năm 1990 và một vài năm sau đó, chỉ có duy nhất một siêu cường trong hệ thống mà không có các lựa chọn đối trọng nào để giảm nhẹ sự mất cân bằng quyền lực.

Ấn Độ đã phản ứng bằng sự kết hợp giữa can dự - việc nối lại quan hệ và bình thường hóa với Hoa Kỳ cùng các nước nhóm G-7 là bước phát triển chính sách đối ngoại lớn của thập kỷ đó - và sự kháng cự có chủ quyền trong những lĩnh vực chọn lọc nhưng mang tính sống còn đối với tương lai của mình.

Ấn Độ cũng đã nhận thức lại lợi ích quốc gia của mình với việc đặt tăng trưởng kinh tế làm mục tiêu cốt lõi của chính sách đối ngoại. Điều này tương tự như chính sách cải cách và mở cửa của Trung Quốc, theo đó việc hội nhập nhanh chóng vào nền kinh tế toàn cầu trở thành ưu tiên hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ. Chúng ta thường gọi giai đoạn này là kỷ nguyên tân tự do, nơi địa chính trị được lùi lại phía sau để nhường chỗ cho sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế phát triển mạnh mẽ. Giai đoạn này đạt đỉnh điểm vào năm 2008, với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đánh dấu sự khởi đầu cho sự kết thúc của thời khắc đơn cực.

Xét trên nhiều phương diện, chính sách đối ngoại và an ninh của Ấn Độ trong thế kỷ qua là một chuỗi các sự định hướng lại và điều chỉnh bên trong một diễn ngôn và khuôn khổ địa chính trị do phương Tây hàng hải khởi xướng, vốn nhìn nhận giá trị chiến lược của khu vực này từ bên ngoài và phục vụ cho mục đích riêng của họ.

**Một bối cảnh thế giới đa cực, với trọng tâm quyền lực đang dịch chuyển về lục địa Á - Âu, sẽ đòi hỏi Ấn Độ phải phát triển một khuôn khổ địa chính trị thay thế - nhìn nhận khu vực rộng lớn hơn từ bên trong, thay vì thông qua lăng kính của một cường quốc ngoài khu vực vốn có những mệnh lệnh an ninh tất yếu sẽ khác biệt và khó lường.**

## Cục diện đa cực và những hàm ý đối với Ấn Độ

Có ba đặc điểm mới mẻ về thế giới đa cực ngày nay, mỗi đặc điểm đều mang những hàm ý quan trọng đối với thuật trị quốc của Ấn Độ trong những năm tới.

Thứ nhất, chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi về địa văn hóa từ trật tự do nền văn minh phương Tây dẫn dắt sang một trật tự đa văn minh. Điều làm cho các cuộc dịch chuyển quyền lực hiện nay thực sự độc nhất vô nhị là chúng đang diễn ra bên ngoài không gian giới hạn của phương Tây về mặt địa văn hóa và địa chính trị. Trong suốt nửa thiên niên kỷ qua, sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc hoàn toàn là chuyện nội bộ của phương Tây, trong đó mỗi cường quốc lại bị thay thế bởi một cường quốc lớn hơn và hùng mạnh hơn ngay trong cùng một không gian địa chính trị và địa văn minh chung.

Từ các thành bang Ý, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, Pháp, và sau đó là Anh, rồi Đức và cuối cùng là Hoa Kỳ, mỗi chủ thể này đều lần lượt tiếp nhận vai trò lãnh đạo đối với trật tự quốc tế. Nhưng trong suốt 500 năm qua, các giá trị văn minh cơ bản và văn hóa chiến lược giữa các cường quốc phương Tây khác nhau này có sự tương đồng nhiều hơn là khác biệt, cho phép duy trì một nền bá quyền gắn kết sau mỗi cuộc chuyển giao lớn. Chu kỳ trao gậy tiếp sức từ cường quốc phương Tây này

sang cường quốc phương Tây khác nay đã bị phá vỡ vĩnh viễn.

Sự trỗi dậy hoặc sự quay trở lại của các cường quốc tại khu vực Đại Á - Âu (Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Iran, Indonesia, cùng một số quốc gia khác) là một sự thoát ly khỏi khuôn mẫu lâu đời này. Điều này mở ra khả năng trật tự thế giới sẽ được xây dựng xoay quanh những ý tưởng phi phương Tây vốn vẫn đang trong quá trình định hình. Điều chúng ta có thể khẳng định là trật tự thế giới sẽ không được xây dựng dựa trên một ý tưởng đồng nhất, xét đến sự đa dạng về kinh nghiệm chiến lược và hệ tư tưởng giữa các chủ thể tại lục địa Á - Âu. Trật tự đa cực đang nổi lên về bản chất là đa nguyên và không thể lấy một hệ tư tưởng phổ quát làm nền tảng chuẩn mực.

> **Đối với Ấn Độ, việc trở thành một phần của trật tự thế giới nơi các nền văn minh phi phương Tây được nhìn nhận là những thành viên bình đẳng của cộng đồng quốc tế - chứ không phải là những bản sắc và văn hóa cần bị chỉnh sửa, cải tạo hay xóa bỏ - rõ ràng là một tín hiệu tốt lành cho sự phát triển của bản sắc quốc gia Ấn Độ. Thực vậy, một trong những giá trị cốt lõi của sự dịch chuyển quyền lực ngày nay liên quan đến không gian nội trị của các cường quốc đang trỗi dậy, những nước giờ đây có được một bối cảnh quốc tế thuận lợi để phát triển hệ thống xã hội và văn hóa của riêng mình mà không phải đối mặt với mối đe dọa hiện sinh từ một hệ tư tưởng phổ quát thù địch.**

Đặc điểm thứ hai của thế giới đa cực ngày nay nằm ở lĩnh vực địa kinh tế và công nghệ. Trong lịch sử, tốc độ thay đổi trong một cuộc dịch chuyển quyền lực gắn liền trực tiếp với tốc độ mà các lợi thế công nghệ của cường quốc hoặc khối thống trị lan tỏa sang các đối thủ cạnh tranh và các cường quốc đang trỗi dậy.

Một trong những nét mới của quá trình chuyển giao quyền lực đương đại là sự phát triển tương đối nhanh chóng của sức mạnh tổng hợp quốc gia, bao gồm cả sức mạnh kinh tế, bên ngoài khối do Hoa Kỳ dẫn dắt trong những thập kỷ gần đây. Có rất ít tiền lệ lịch sử cho hiện tượng này, và nó lý giải phần lớn những tuyên bố và hành vi chính sách thất thường từ phía phương Tây tập thể - bởi điều đó đã diễn
ra ngay dưới sự giám sát của họ và một phần là hệ quả từ chính các chính sách cụ thể của họ đối với toàn cầu hóa trong ba thập kỷ qua.
Nhưng tiến trình khuếch tán quyền lực này đã vượt khỏi tầm kiểm soát và không thể đảo ngược!

Ngược lại, trong thời kỳ đỉnh cao của bá quyền Anh vào giữa đến cuối thế kỷ 19, có sự tập trung rất cao về công nghệ kinh tế và quân sự, trong khi tốc độ lan tỏa quyền lực ra vùng ngoại vi lại diễn ra chậm chạp, bất chấp quá trình toàn cầu hóa và thương mại diễn ra mạnh mẽ trong kỷ nguyên đó. Sự sụp đổ của quyền lực chính trị tại châu Á tất nhiên là nguyên
nhân chính. Ngày nay, hầu như không thể đóng băng sự lan tỏa của tri thức và đổi mới sáng tạo bởi nhiều cường quốc đang trỗi dậy có năng lực hiện đã sở hữu các điều kiện trong nước và cơ sở hạ tầng khoa học để hấp thụ, thích ứng, sáng tạo và triển khai các công nghệ mới trong cả lĩnh vực dân sự lẫn quân sự.

Bức tranh hiện tại về tám nền kinh tế hàng đầu (xét theo tổng sản phẩm quốc nội tính theo sức mua tương đương - GDP PPP) là điều không thể tưởng tượng nổi cách đây một thế hệ: danh sách này bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Brazil và Indonesia. Chỉ có Hoa Kỳ, Đức và Nhật Bản là đại diện cho khối do Hoa
Kỳ dẫn dắt. Sự thay đổi trong cấu trúc năng lực công nghiệp toàn cầu cũng rõ rệt không kém: vào năm 2000, nhóm G-7 chiếm hơn 70% sản lượng toàn cầu; đến năm 2030, khu vực phi

phương Tây được dự báo sẽ chiếm gần 70% sản lượng toàn cầu.

Xét về các mặt hàng chiến lược, tài nguyên năng lượng, công nghệ công nghiệp và nguồn nhân lực có khả năng mở rộng quy mô, khu vực Đại Á - Âu đã trở thành trung tâm của nền kinh tế thế giới, dù sự phân bổ vẫn chưa đồng đều giữa các nước lớn và các cường quốc khu vực. Ở cấp độ tổng thể, vị thế áp đảo của nhóm G-7 đã bị phá vỡ vĩnh viễn, và điều này hàm ý về những chuỗi sản xuất và cung ứng rất khác biệt so với những gì từng tồn tại trong kỷ nguyên tiền đa cực. Viễn cảnh các nước phi phương Tây trở thành đối tác bình đẳng với phương Tây trong sự phụ thuộc lẫn nhau về
kinh tế - nếu không muốn nói là dẫn dắt một số chuỗi cung ứng nhất định - giờ đây đã trở nên hết sức thực tế.

Thách thức của Ấn Độ là điều chỉnh lại la bàn địa kinh tế của mình từ một nền kinh tế lấy phương Tây làm trung tâm sang một nền kinh tế định hướng Á - Âu với dấu ấn toàn cầu. Ở một số lĩnh vực, sự điều chỉnh sẽ dễ dàng hơn, và ở một số mảng khác, việc tái cấu trúc chuỗi sản xuất, mạng lưới tài chính và thậm chí toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế trong nước sẽ đòi hỏi cải cách chính sách lớn. Từ góc độ kết nối, Ấn Độ cũng đang triển khai nhiều dự án và sáng kiến nhằm .phát triển các tuyến giao thông huyết mạch dưới dạng mạng lưới vận tải và hành lang kết nối với khu vực Đại Á - Âu từ nhiều hướng khác nhau.

Cuối cùng, chúng ta đề cập đến khía cạnh địa chính trị. Các khu vực địa lý diễn ra cuộc cạnh tranh mang tính cấu trúc trên bàn cờ toàn cầu đang dịch chuyển khỏi khu vực Âu - Đại Tây Dương để hướng tới khu vực Đại Á - Âu và Tây Thái Bình Dương.

**Trong cuộc đấu tranh lịch sử giữa các cường quốc hàng hải phương Tây và các cường quốc lục địa Á - Âu, vị trí địa lý của Ấn Độ nằm trên Vành đai của khu vực Đại Á - Âu, có chung đường biên giới trực tiếp với một trong những nước lớn là Trung Quốc, đã tạo nên bối cảnh đương đại cho thuật trị quốc của Ấn Độ. Trước đây, trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, tiểu lục địa này nhìn chung được coi là nằm ở vùng ngoại vi của cuộc cạnh tranh giữa hai siêu cường, vốn có vùng lõi đặt tại châu Âu. Điều này từng mang lại cho Ấn Độ một không gian xoay xở nhất định để mở rộng ảnh hưởng địa chính trị của riêng mình trong khu vực cũng như định hình một mô hình phát triển trong nước.**

### Điều này ngày nay đã thay đổi chưa?

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã làm biến đổi cục diện địa chính trị khắp châu Á và xung quanh tiểu lục địa, cả về mặt an ninh quân sự lẫn địa kinh tế. Việc một cường quốc tiếp giáp trở thành láng giềng lớn nhất của Ấn Độ, cùng với lịch sử tranh chấp lãnh thổ phức tạp và những tầm nhìn khác biệt về trật tự khu vực, đồng nghĩa với việc thuật trị quốc của Ấn Độ không thể áp dụng lại các khái niệm cân bằng quyền lực trước đây theo cách cũ.

Thực tế quyền lực đã thay đổi, khiến ý tưởng coi Ấn Độ là một tiền đồn canh gác của phương Tây và là mắt xích an ninh tại khu vực Ấn Độ Dương và Tây Thái Bình Dương trở nên lỗi thời và tiềm ẩn rủi ro cao trong bối cảnh đa cực đang nổi lên - đặc biệt khi nhìn từ cấu trúc đặc thù của hệ thống an ninh tại tiểu lục địa.
Các cuộc khủng hoảng khu vực trong những năm gần đây đã chứng minh cho điểm này, nơi

các lựa chọn cân bằng đối ngoại của Ấn Độ đã bộc lộ những giới hạn.

Dù vậy, nếu cuộc cạnh tranh sắp tới diễn ra giữa một liên kết Đại Á - Âu và một khối Thái Bình Dương hàng hải do Hoa Kỳ dẫn dắt, cuộc cạnh tranh về địa kinh tế và an ninh đó sẽ diễn ra chủ yếu tại vùng lõi Tây Thái Bình Dương và với cường độ thấp hơn tại các tiểu vùng khác của lục địa Á - Âu. Thất bại chiến lược của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) tại Ukraine cho thấy trục đấu tranh sẽ dịch chuyển sang phía đông. Nếu đây là Ván cờ lớn của tương lai, thì Ấn Độ có thể giành lại không gian chiến lược và kéo dài thời cơ thuận lợi để theo đuổi công cuộc chuyển đổi trong nước bằng cách lựa chọn tập trung vào việc ổn định khu vực trọng yếu của mình là tiểu lục địa thông qua sự kết hợp giữa hòa dịu và tái can dự với Trung Quốc, đồng thời vun đắp một số quan hệ đối tác chiến lược khác.

Nhìn rộng hơn, có hai cấp độ thay đổi trong quá trình chuyển đổi sang cục diện đa cực này. Một là cuộc cạnh tranh toàn cầu giữa lục địa Á
- Âu và phương Tây hàng hải nhằm thiết lập diện mạo tương lai và các quy tắc nền tảng của trật tự thế giới mới. Hai là quá trình xây dựng trật tự nội khối Á - Âu nhằm thúc đẩy ổn định địa chính trị và sự phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc hơn về kinh tế, đồng thời duy trì thế cân bằng quyền lực nhằm ngăn chặn bất kỳ con đường dễ dàng nào tiến tới bá quyền của một cường quốc đơn lẻ - mà đối tượng ám chỉ rõ ràng ở đây là Trung Quốc.

Ấn Độ có lợi ích sâu sắc trong cả hai tiến trình địa chính trị đang diễn ra đồng thời này. Chúng ta nhiều khả năng sẽ thấy điều này thể hiện trong thuật trị quốc của Ấn Độ thông qua sự can dự và đầu tư bền bỉ vào nhiều lĩnh vực, nhưng đồng thời giữ thái độ trung lập về quân sự đối với một số vùng xung đột và các điểm nóng tiềm tàng. Mục tiêu đại chiến lược của Ấn Độ là thúc đẩy đa cực toàn cầu và đồng kiến tạo các chuẩn mực quản trị bao trùm, nhạy
bén hơn thông qua các thể chế như BRICS, đồng thời thúc đẩy đa cực tại lục địa Á - Âu, sự phụ thuộc lẫn nhau và đồng phát triển các thể chế khu vực để quản lý các vấn đề an ninh phức tạp.

Suy cho cùng, cục diện đa cực đồng nghĩa với việc Ấn Độ phải tái định hình tư duy về địa chính trị của khu vực rộng lớn hơn và thực hiện những điều chỉnh chính sách khôn ngoan với tất cả các nước lớn. Mặc dù nhiều nhà chiến lược vẫn khăng khăng rằng Trung Quốc là thách thức hiện sinh duy nhất đối với Ấn Độ, điều này chỉ trở nên tất yếu một khi Ấn Độ can dự sâu vào Ván cờ lớn mới. Trớ trêu thay, vấn đề Trung Quốc của Ấn Độ lại dễ quản lý hơn
khi Ấn Độ theo đuổi một chính sách đối ngoại độc lập so với khi nước này gánh vác vai trò chia sẻ gánh nặng để quản lý các điểm nóng an ninh xa xôi trong sự phối hợp với phương Tây hàng hải.

Cách tiếp cận thực tế này đối với thuật trị quốc nghe có vẻ rất giống với kỷ nguyên Chiến tranh Lạnh, ngoại trừ việc những lợi ích sát sườn đối với Ấn Độ hiện nay thực tế hơn rất nhiều do sự biến đổi của bối cảnh công nghệ - quân sự tại tiểu lục địa và xa hơn thế nữa.

Sự chuyển dịch tư tưởng lớn trong đại chiến lược của Ấn Độ sẽ diễn ra khi Ấn Độ bắt đầu nhìn nhận bản thân ít mang tính chất là một mảnh đất địa chiến lược trong khuôn khổ của Spykman nhằm bao vây khu vực Đại Á - Âu, mà trở thành một trụ cột sống còn trong trật tự đa cực Á - Âu - Thái Bình Dương. Do đó, vai trò tương lai của Ấn Độ nên bớt đi tính chất của một kẻ phá bĩnh mà hướng nhiều hơn tới vị thế của một bên có lợi ích liên quan và là người thụ hưởng trong bối cảnh đa cực. Khi nhìn từ tầm nhìn như vậy, luận điệu thường nghe thấy rằng Ấn Độ phải đưa ra lựa chọn chiến lược để ngả hẳn về một bên hầu như không có ý nghĩa về mặt địa chính trị, bởi Ấn Độ có những lợi ích vật chất và văn minh sống còn trong việc định hình toàn bộ các cuộc dịch chuyển quyền lực lịch

sử đang diễn ra.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐA CỰC

**Shashi Tharoor**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi phát biểu trong một phiên tranh luận tại Hạ viện Ấn Độ về vụ tấn công khủng bố ở Pahalgam và Chiến dịch Sindoor, ngày 29 tháng 07 năm 2025. | Sansad TV qua PTI.*

### Lời mở đầu

Trong hệ thống khái niệm của quan hệ quốc tế, hiếm có phạm trù nào biến chuyển sống động và mạnh mẽ như "tự chủ chiến lược".
Từng chỉ là một thuật ngữ đóng khung trong các cuộc tranh luận học thuật thuần túy, khái niệm này giờ đây đã vươn lên chiếm vị trí trung tâm trong nghị trình chính sách đối ngoại của Ấn Độ, trực tiếp định hình các quyết sách sống còn giữa một thế giới ngày càng đa cực và

biến động khôn lường.

**"Khi các bước chuyển dịch quyền lực toàn cầu tăng tốc và những liên minh truyền thống rạn nứt, Ấn Độ nhận thấy mình đang phải điều hướng trên một lộ trình đầy nhạy cảm giữa các khối cường quyền cạnh tranh: Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nga. Việc theo đuổi quyền tự chủ chiến lược không còn là một nguyện vọng mang tính lý thuyết. Đó là một thực tiễn ngoại giao diễn ra hằng ngày, chứa đựng nhiều sự phức tạp và hệ quả sâu sắc."**

Tự chủ chiến lược là khả năng của một quốc gia trong việc đưa ra các quyết sách độc lập, có chủ quyền về đối ngoại và an ninh quốc phòng mà không bị câu thúc bởi sức ép từ bên ngoài hay các nghĩa vụ liên minh mang tính ràng buộc. Khái niệm này hoàn toàn không đồng nghĩa với chủ nghĩa biệt lập hay sự trung

lập thụ động. Đúng hơn, nó hàm ý sự linh hoạt, tính độc lập tự chủ và năng lực can dự với nhiều cường quốc dựa trên những điều kiện và nguyên tắc do chính mình xác lập.

Đối với Ấn Độ, khái niệm này mang cội nguồn lịch sử sâu xa, bắt nguồn từ ký ức bị áp bức dưới ách đô hộ của thực dân và ý chí sắt đá của một quốc gia độc lập: quyết không bao giờ để bất kỳ thế lực ngoại bang nào định đoạt vị thế của mình trên trường quốc tế. Từ chính sách không liên kết dưới thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru trong Chiến tranh Lạnh cho đến chủ trương "đa liên kết" của chính quyền Thủ tướng Narendra Modi trong kỷ nguyên đương đại, các thế hệ chính phủ kế tiếp đều kiên trì bảo tồn quyền tự do hành động chiến lược của Ấn Độ, đồng thời chủ động thích ứng trước những thực tế địa chính trị luôn chuyển biến.

Về mặt lý thuyết, tự chủ chiến lược mở ra một con đường trung dung giữa chính trị chia khối cứng nhắc và sự đứng ngoài thụ động. Trên thực tế, chính sách này đòi hỏi nghệ thuật ngoại giao hết sức khéo léo, khả năng thích ứng vững vàng của các thể chế và một sự nhận thức tỉnh táo, chuẩn xác về lợi ích quốc gia tối thượng. Đây là một thế cân bằng - đôi khi bấp bênh, thường khiếm khuyết, song lại mang tính sống còn đối với một quốc gia như Ấn Độ vốn hướng tới vị thế lãnh đạo toàn cầu mà dứt khoát không cam chịu trở thành một quốc gia chư hầu.

## Những Lộ trình và Rào cản đối với Ấn Độ

Bức tranh địa chính trị toàn cầu đương đại mở ra đồng thời cả vận hội lẫn thách thức đối với quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ. "Khoảnh khắc đơn cực" gắn liền với vị thế thống trị của Hoa Kỳ đã phải nhường chỗ cho một trật tự thế giới phân mảnh, nơi sự quyết đoán của Trung Quốc, chủ nghĩa xét lại của Nga cùng những rạn nứt nội bộ của phương Tây - vốn càng thêm sâu sắc bởi tính khó dự đoán từ Washington - đang tạo nên một môi trường vô cùng bất định và phức tạp. Đối với Ấn Độ, thực tế này đòi hỏi phải tái cân chỉnh một cách linh hoạt mối quan hệ với các nước lớn, đồng thời kiên quyết bảo vệ các lợi ích cốt lõi, toàn vẹn lãnh thổ, tăng trưởng kinh tế, đột phá công nghệ và ổn định khu vực.

Mối quan hệ giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ đã phát triển sâu sắc một cách vượt bậc trong hai thập kỷ qua. Từ hợp tác quốc phòng, chia sẻ dữ liệu tình báo cho đến các cuộc diễn tập quân sự chung và chuyển giao công nghệ, khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược giữa hai bên đã đạt độ chín muồi thực chất. Cơ chế nhóm Bộ Tứ (Quad, gồm Australia, Nhật Bản, Ấn Độ và Hoa Kỳ), các khuôn khổ đối thoại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, sự hình thành của cơ chế non trẻ I2U2 (Ấn Độ, Israel, UAE và Hoa Kỳ) cùng Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - Châu Âu (IMEEC), cũng như những quan ngại chung về sự trỗi dậy của Trung Quốc đã góp phần củng cố chặt chẽ thêm các mối liên kết này.

Tuy nhiên, mối bang giao này không phải là không có những lực cản ma sát. Những chính sách thương mại thất thường của chính quyền Trump, tiếp nối bởi các biện pháp áp thuế quan và trừng phạt gay gắt trong nhiệm kỳ thứ hai của ông, đã tạo sức ép nặng nề lên các mối quan hệ hợp tác kinh tế. Áp lực từ Washington buộc New Delhi phải thu hẹp các thỏa thuận năng lượng và quốc phòng với Nga, đồng thời yêu cầu Ấn Độ phải liên kết chặt chẽ hơn với lập trường của phương Tây, đã đặt bản lĩnh chiến lược của New Delhi trước những thử thách gay gắt.

Phản ứng của Ấn Độ hết sức chừng mực và kiên định. Nước này tiếp tục can dự sâu rộng với Hoa Kỳ, giữ vững lập trường độc lập đối với các cuộc xung đột toàn cầu, và kiên quyết đặt tính tối thượng của lợi ích quốc gia lên trên các ràng buộc về mặt ý thức hệ. Đây chính là quyền tự chủ chiến lược trong hành động thực tiễn - đó hoàn toàn không phải là chủ nghĩa bài Hoa Kỳ, mà là sự khước từ dứt khoát việc để bản thân bị hòa tan hay chi phối bởi các ưu tiên chiến lược của Washington.

## Mối quan hệ với Bắc Kinh và Moskva

Trung Quốc đặt ra một thách thức chiến lược phức tạp hơn nhiều. Các cuộc đụng độ dọc biên giới với Ấn Độ vào năm 2020 đã phá vỡ hoàn toàn những ảo tưởng về sự cùng tồn tại hòa bình hữu nghị, và căng thẳng song phương vẫn ở mức cao bất chấp các nỗ lực tiếp xúc ngoại giao.

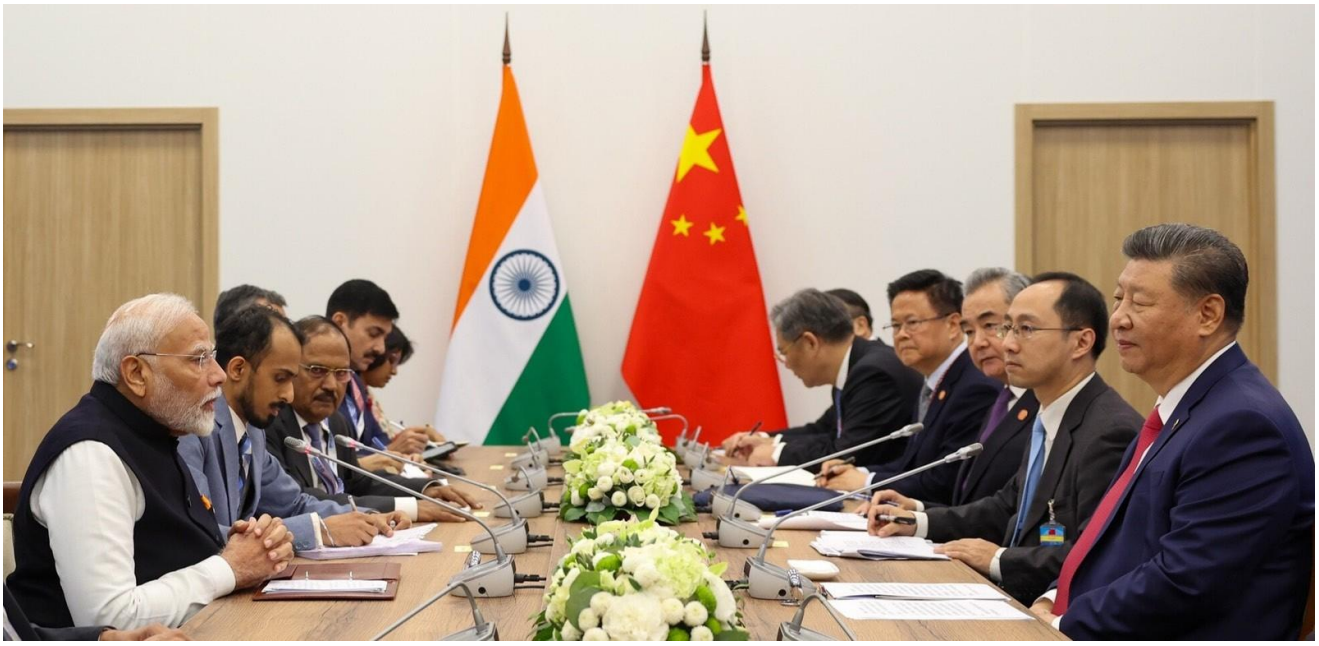

*Phái đoàn Ấn Độ do Thủ tướng Narendra Modi dẫn đầu và phái đoàn Trung Quốc do Chủ tịch Tập Cận Bình dẫn đầu hội đàm bên lề Hội nghị Thượng đỉnh BRICS tại Kazan, Nga vào ngày 23 tháng 10 năm 2024. | @Narendra Modi/X.*

Dù vậy, Trung Quốc vẫn là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ, một chủ thể chủ chốt trong các thể chế khu vực, và là một đối thủ cạnh tranh có những động thái trực tiếp định hình môi trường an ninh chiến lược. Cách tiếp cận của Ấn Độ là kết hợp giữa can dự thận trọng với răn đe kiên quyết. Ấn Độ tích cực củng cố hạ tầng an ninh biên giới, làm sâu sắc thêm quan hệ với các đối tác khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, đồng thời tập trung đầu tư vào các năng lực quốc phòng tự cường nội địa. Song song với đó, New Delhi vẫn duy trì sự tham gia trong các cơ chế đa phương như BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), nơi Trung Quốc nắm giữ vai trò chi phối - đây là một thế cân bằng đầy chông gai nhưng mang tính thiết yếu.

Tự chủ chiến lược trong bối cảnh này đồng nghĩa với việc kiên quyết chống lại nguy cơ đối đầu vũ trang, nhưng cũng dứt khoát không thỏa hiệp hay nhượng bộ chủ quyền. Điều đó hàm nghĩa là phải khẳng định chủ quyền và từ chối biến mình thành "đòn bẩy đối trọng" cho bất kỳ quốc gia nào trước một Trung Quốc đang trỗi dậy; đồng thời chủ động kiểm soát việc Trung Quốc tiếp cận nền kinh tế Ấn Độ, song vẫn giữ mở các kênh liên lạc đối thoại.
Điều đó cũng có nghĩa là phải tỉnh táo nhìn nhận rằng sự cạnh tranh chiến lược không triệt tiêu con đường ngoại giao, và việc phân tách kinh tế hoàn toàn không phải lúc nào cũng là điều mong muốn hay có tính khả thi.

Mối quan hệ giữa Ấn Độ và Nga bắt nguồn từ tình đoàn kết gắn bó thời kỳ Chiến tranh Lạnh, hợp tác quốc phòng thực chất và các lợi ích chiến lược tương đồng. Bất chấp sự xích lại gần nhau ngày càng sâu sắc giữa Moskva và Bắc Kinh, cùng với tình trạng cô lập toàn cầu mà Nga phải đối mặt sau cuộc xung đột Ukraine, Ấn Độ vẫn nhất quán duy trì các mối quan hệ song phương - tiếp tục mua dầu mỏ, nhập khẩu vũ khí và duy trì can dự ngoại giao

chủ động. Động thái này dù vấp phải nhiều lời chỉ trích gay gắt từ các thủ đô phương Tây, song New Delhi vẫn kiên định với lập trường của mình.

Quan hệ của Ấn Độ với Nga mang tính lịch sử, đa diện và tuyệt đối không chịu sự phủ quyết từ bất kỳ thế lực bên ngoài nào. Ấn Độ tiếp tục đa dạng hóa nguồn nhập khẩu vũ khí, đẩy mạnh đầu tư vào công nghiệp quốc phòng nội địa và chủ động khai phá các quan hệ đối tác mới, nhưng dứt khoát không từ bỏ các đối tác truyền thống. Tự chủ chiến lược ở đây chính là việc khước từ đứng về một bên trong một cuộc đối đầu nhị nguyên, thay vào đó là xây dựng một chính sách đối ngoại phản ánh trọn vẹn vị thế địa chính trị, chiều sâu lịch sử và những khát vọng riêng biệt của Ấn Độ.

Trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20 của Ấn Độ năm 2023, Thủ tướng Narendra Modi đã tuyên bố rằng Ấn Độ hiện là tiếng nói của phương Nam Toàn cầu, tiếng nói bất khuất, đa nguyên và tràn đầy thực lực. Ông nhấn mạnh, nền dân
chủ của Ấn Độ không đơn thuần là một thể chế chính trị mà còn là một "bó hoa hy vọng", được nuôi dưỡng bởi sức mạnh bền bỉ của một kết cấu đa văn hóa, đa ngôn ngữ. Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar khẳng định rằng các quan hệ đối tác chiến lược phải được định hình bởi lợi ích quốc gia cốt lõi, chứ không thể dựa vào cảm tính nhất thời hay những định kiến thừa kế từ quá khứ.

Đây là một nền ngoại giao có bản lĩnh vững vàng - quyết đoán, thực dụng và mang đậm cốt cách tự tôn của Ấn Độ; kiên định định vị mình là một thực thể "phi phương Tây" (non-West) nhưng dứt khoát không rơi vào tâm thế "bài phương Tây" (anti-West). Lập trường này tạo được sự đồng thuận và cộng hưởng sâu rộng trên khắp phương Nam Toàn cầu, nơi nhiều cường quốc đang lên và các quốc gia tầm trung - vốn ưu tiên bảo vệ nền hòa bình và ổn định nội vùng - đang lựa chọn bảo vệ các
lợi ích địa chính trị và phát triển kinh tế thực chất của chính họ thay vì bị cuốn vào vòng xoáy tranh giành ảnh hưởng của các đại cường quốc. Họ tìm kiếm quyền năng tự quyết hành động (agency) chứ không phải sự chọn bên liên minh; họ tìm kiếm tiếng nói có trọng lượng chứ không chấp nhận thân phận chư hầu phụ thuộc.

Những gì hiện rõ chính là tầm nhìn về một nước Ấn Độ với tư cách là một cực có chủ quyền độc lập trong một thế giới đang tái lập cân bằng - một quốc gia không liên kết một cách mù quáng, nhưng cũng tuyệt đối không tự cô lập mình. Do đó, sự trỗi dậy của Ấn Độ mang chiều sâu văn minh, tính đa nguyên và tính chính trị sâu sắc. Dù việc Ấn Độ kiên trì theo đuổi quyền tự chủ chiến lược là một chủ trương có tính nguyên tắc, nước này vẫn phải đối mặt với nhiều cơn gió ngược khi bước đi trên sợi dây thăng bằng giữa các đại cường quốc. Nền kinh tế toàn cầu ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, trong khi các hệ sinh thái công nghệ trọng yếu lại bị chi phối bởi một số ít chủ thể áp đảo. Quá trình hiện đại hóa quốc phòng đòi hỏi các mối liên kết đối tác, và ngoại giao khí hậu toàn cầu bắt buộc phải có sự phối hợp hành động chặt chẽ. Trong một thế giới như vậy, quyền tự chủ phải được tái định nghĩa: đó không phải là sự biệt lập khép kín, mà là năng lực thích ứng và khả năng chống chịu phục hồi dẻo dai.

Các nhân tố đối nội cũng đóng một vai trò hết sức then chốt. Sự phân cực chính trị, những điểm yếu nội tại của nền kinh tế và các rào cản thể chế có thể làm hạn chế hiệu lực của các quyết sách mang tính tự chủ. Tự chủ chiến
lược không chỉ đòi hỏi sự tinh tế về nghệ thuật ngoại giao, mà bắt buộc phải dựa trên sức mạnh kinh tế vững chắc, năng lực công nghệ tự chủ và sự thống nhất, gắn kết chặt chẽ về chính trị. Một quốc gia không thể có được quyền tự chủ thực chất nếu chỉ đứng từ một vị thế suy yếu.

Hơn thế nữa, trong một thế giới đầy rẫy các mối đe dọa không gian mạng, chiến tranh bằng Trí tuệ nhân tạo (AI) và cuộc cạnh tranh giành giật không gian vũ trụ, quyền tự chủ chiến lược buộc phải vượt ra khỏi các phạm trù an ninh truyền thống. Khái niệm này phải bao hàm cả

chủ quyền dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật số và an ninh chuỗi cung ứng. Những nỗ lực quyết liệt gần đây của Ấn Độ nhằm xây dựng các nền tảng công nghệ nội sinh, bảo đảm nguồn cung khoáng sản thiết yếu và khẳng định tiếng nói trong việc quản trị công nghệ toàn cầu đều là những bước đi chiến lược chuẩn xác theo định hướng này.

**Lớn hơn một Khẩu hiệu**

> **"Tự chủ chiến lược không chỉ đơn thuần là một khẩu hiệu. Đó là một chiến lược. Đó là nghệ thuật điều hướng vượt qua một thế giới đầy biến động mà không bao giờ đánh mất phương hướng của chính mình. Khi trật tự toàn cầu chuyển dịch, Ấn Độ phải tiếp tục bước đi vững vàng trên sợi dây thăng bằng - hợp tác với Hoa Kỳ mà không biến mình thành chư hầu, răn đe Trung Quốc mà không kích động chiến tranh, và đồng hành với Nga mà không thừa kế sự cô lập của nước này. Ấn Độ phải đầu tư mạnh mẽ vào các năng lực thực chất, vun đắp các mối quan hệ đối tác, và khẳng định lợi ích của mình với sự rõ ràng và tự tin cao độ."**

Khi làm như vậy, Ấn Độ không hề chối bỏ thế giới - mà đang khẳng định lại quyền năng tự quyết chiến lược của chính mình trong lòng thế giới đó. Tự chủ chiến lược không phải là đứng đơn độc một mình; đó là tư thế đứng thẳng, và đứng vững vàng ở tầm cao.

***(Xuất bản lần đầu trên nhật báo Hindu ngày 06 tháng 09 năm 2025)***

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ: VAI TRÒ VÀ CÁC CHIỀU KÍCH

**T S Tirumurti**



*Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ S. Jaishankar chào mừng khóa họp thứ 80 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại New York. | Bharat Express.*

### Sự tiến hóa về mặt lịch sử

Hiểu một cách đơn giản, tự chủ chiến lược là việc các quốc gia kiến tạo không gian cho quá trình ra quyết định độc lập, phù hợp với lợi ích quốc gia của họ. Ấn Độ từ trước đến nay luôn là một quốc gia bảo vệ quyết liệt không gian chiến lược của mình. Đây không phải là điều quá bất ngờ.

Không nhằm mục đích tôn vinh quá mức quá khứ, chúng ta cần thừa nhận rằng, với tư cách là một cường quốc văn minh, Ấn Độ trong suốt nhiều thế kỷ đã sở hữu một hệ thống văn bản đồ sộ - như Arthashastra, Nitisara, Shukra Neeti, Tirukkural, v.v. - những tác phẩm đã thiết lập các chuẩn mực quy phạm cho nghệ thuật trị quốc và địa chính trị. Điều này càng được củng cố thông qua cuộc đấu tranh giành độc lập của chúng ta, trong đó Mahatma Gandhi đã kế thừa các văn bản và triết lý truyền thống để nhào nặn nên những công cụ độc đáo nhưng đầy tính thực tiễn - Satyagraha (Kiên trì chân lý) và Ahimsa (Bất bạo động) - nhằm đánh đuổi thực dân Anh.

Một tầng lớp lịch sử khác đan xen là sự đóng góp của tư tưởng và triết lý Phật giáo vào tư duy tập thể của chúng ta. Không quay lưng lại với phương Tây, Ấn Độ dưới thời kỳ thuộc địa cũng đã tiếp thu các khái niệm của phương Tây về quốc gia - dân tộc và các chuẩn mực ứng xử quốc tế. Hậu quả là, lịch sử đã để lại một dấu ấn không thể phai mờ trong tư duy của chúng ta về nghệ thuật trị quốc và quan hệ quốc tế, qua đó định hình lập trường tự chủ chiến lược thời kỳ hậu độc lập.

Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi ngay thời điểm giành được độc lập, Thủ tướng Nehru đã hình dung ra một sự can dự tích cực vào các vấn đề thế giới mà không gia nhập vào bất kỳ phe nào trong Chiến tranh Lạnh, đồng thời duy trì một lập trường độc lập. Đây không

gì khác chính là việc mở rộng không gian chiến lược cho Ấn Độ mà không cần phải gọi tên nó. Các quốc gia mới giành độc lập luôn tìm kiếm các lựa chọn khác ngoài việc trở thành những kẻ bám đuôi phe phái của các siêu cường, và Ấn Độ đã mang đến một lối thoát. Đường lối Không liên kết đã định hình tư duy của phần lớn thế giới đang phát triển trong nhiều thập kỷ.

Theo nhiều cách, tự chủ chiến lược là một lẽ đương nhiên đối với Ấn Độ vì nó đã ăn sâu vào tâm thức của chúng ta. Ấn Độ không trở thành đối tác liên minh theo hiệp ước của bất kỳ cường quốc nào. Dù với tư cách là quốc gia lãnh đạo Phong trào Không liên kết, hay một cường quốc hạt nhân, nền kinh tế lớn thứ tư thế giới, hay một quốc gia đóng góp cho lợi ích
chung và tài sản chung toàn cầu, Ấn Độ luôn tự vạch ra con đường riêng của mình. Và con đường đó đã phục vụ tốt cho lợi ích của chúng ta.

## Tự chủ chiến lược & Vai trò lãnh đạo

Hơn thế nữa, tự chủ chiến lược còn gắn liền với vai trò lãnh đạo. Đường lối Không liên kết không chỉ mang lại cho chúng ta không gian chiến lược để đưa ra các quyết định độc lập
mà còn thúc đẩy chúng ta vươn lên vị trí lãnh đạo của thế giới đang phát triển. Thế giới đang phát triển nhìn thấy ở Ấn Độ một quốc gia có khả năng mang lại một lựa chọn thứ ba và không luồn cúi trước mệnh lệnh của các siêu cường. Do đó, nhiều người trong số những ai đang đặt câu hỏi về chính sách tự chủ chiến lược của Ấn Độ đã không đánh giá đúng thực tế rằng: nó vừa là con đường hướng tới vai trò lãnh đạo, vừa là phương tiện để tự chủ trong việc ra quyết định.

Chỉ một quốc gia tự đưa ra quyết định độc lập mới có thể mang đến những giải pháp thay thế cho các quốc gia khác. Hoài nghi về nỗ lực tìm kiếm tự chủ chiến lược của Ấn Độ cũng đồng nghĩa với việc hoài nghi về nỗ lực tìm kiếm vai trò lãnh đạo của Ấn Độ và tiềm năng tái trỗi dậy của một nước Ấn Độ đương đại với tư cách là một lực lượng văn minh.

Chính sách đa liên kết gần đây của Ấn Độ tập trung vào phần lớn cùng một mục tiêu đó - đạt được tự chủ chiến lược trong một thế giới toàn cầu hóa, nơi ngay cả các đối thủ cũng kết nối chặt chẽ và tiến hành các hoạt động kinh doanh cường độ cao với nhau. Đây là một chính sách mang tính thực dụng và cần thiết - một sự tiến hóa để thích ứng với các thực tế đương đại. Đa liên kết giúp Ấn Độ điều hướng các mâu thuẫn nội bộ (inter se) giữa các đồng minh của mình và đảm bảo rằng lợi ích quốc gia luôn được đáp ứng.

Trong khi chính sách này tiếp tục phục vụ tốt cho mục tiêu bảo vệ không gian chiến lược của Ấn Độ, thì đa liên kết, không giống như Không liên kết, tự bản thân nó không phải là một công thức cho vai trò lãnh đạo (leadership per se).
Đây là một vấn đề cần được giải quyết một cách đặc biệt. Và tại sao vai trò lãnh đạo lại cần thiết cho tự chủ chiến lược?.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi chào đón Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu tại Dinh Tổng thống ở New Delhi vào ngày 15 tháng 1 năm 2018. | The Hindu.*

Khi Ấn Độ ấp ủ những tham vọng toàn cầu của riêng mình, bản thân sự đa liên kết là không đủ, đặc biệt là khi thế giới đang trải qua sự xáo trộn địa chính trị. Trong một trật tự thế giới đang phân mảnh, các yếu tố địa chính trị, các mối đe dọa và chủ nghĩa bảo hộ đang quyết định các kết quả về kinh tế và công nghệ, chứ không phải Quy chế Tối huệ quốc (MFN), thương mại tự do hay các chuẩn mực thương mại do Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) dẫn dắt. Do đó, để đi đúng quỹ đạo kinh tế và công nghệ, đồng thời bảo vệ không gian chiến lược của mình, Ấn Độ cần phải xử lý đúng đắn vấn đề địa chính trị.

## Địa kinh tế & Địa chính trị

Trong hai thập kỷ qua, Ấn Độ đã rất đúng đắn khi ưu tiên tăng trưởng kinh tế, cả dưới thời chính phủ Liên minh Tiến bộ Tối cao (UPA) và chính phủ Liên minh Dân chủ Quốc gia (NDA) trước đó. Nỗ lực này đã đưa Ấn Độ vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới. Đã đạt được vị thế đó, một số ý kiến lập luận rằng Ấn Độ nên tiếp tục làm những điều tương tự, tức là cúi đầu làm việc và tập trung vào mục tiêu trở thành nền kinh tế lớn thứ ba, v.v..

Lập luận được đưa ra là việc đảm nhận một vai trò địa chính trị lớn hơn có thể làm tổn hại đến tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ. Khuôn mẫu đó nay đã bị phá vỡ. Trên thực tế, điều ngược lại mới đúng. Mặc dù không ai cho rằng Ấn Độ không nên tập trung vào nền kinh tế của mình, nhưng con đường để trở thành một nền kinh tế lớn hơn là thông qua việc xử lý đúng đắn vấn đề địa chính trị, thay vì chỉ đơn thuần tuân thủ các quy tắc MFN. Nói cách khác, để đi đúng hướng về địa kinh tế, Ấn Độ cần phải chủ động hơn nhiều trong việc bảo vệ và mở rộng
"không gian xoay sở địa chính trị" của mình. Nước Ấn Độ càng lớn mạnh, thì lợi ích gắn liền với kết quả của các cuộc xung đột toàn cầu sẽ càng lớn.

Tuy nhiên, Ấn Độ phần lớn vẫn giữ im lặng trước cuộc chiến tranh Israel - Gaza, xung đột Israel-Iran hay các cuộc ném bom của Hoa Kỳ vào tháng 6 năm 2025, mặc dù chúng ta có những mối quan hệ quan trọng với tất cả các bên này, bao gồm sự gần gũi với Israel, lập trường có nguyên tắc về Palestine, việc tài trợ cho cảng Chabahar ở Iran và nhiều lợi ích cốt lõi ở Vùng Vịnh. Mặc dù Ấn Độ đã rất đúng đắn khi bỏ phiếu trắng tại các cuộc bỏ phiếu của Liên Hợp Quốc về cuộc xung đột Ukraine,

chúng ta lại thất bại trong việc duy trì sự can dự vào cuộc chiến này. Cách tiếp cận tổng thể của chúng ta về việc không áp dụng một lập trường chủ động đối với các cuộc xung đột toàn cầu và chỉ đứng ngoài lề đang gây tổn hại đến các lợi ích rộng lớn hơn, đồng thời tác động tiêu cực đến tính tự chủ chiến lược của chúng ta. Chiến dịch Sindoor cho chúng ta thấy rằng nếu muốn các đối tác can dự nhiều hơn vào các cuộc xung đột của mình, chúng ta cần phải can dự nhiều hơn vào các cuộc xung đột và các vấn đề của họ.

Trên thực tế, cộng đồng quốc tế kỳ vọng chúng ta sẽ đóng một vai trò toàn cầu, đặc biệt là khi chúng ta đang khao khát trở thành ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (UNSC). Nếu tại Hội đồng Bảo an,
Ấn Độ tuyên bố rằng các quyết định sẽ thiếu đi tính khả tín nếu không có sự tham gia thường trực của Ấn Độ, thì logic này cũng áp dụng tương tự cho các quyết định được đưa ra bên ngoài khuôn khổ hạn hẹp của Hội đồng Bảo an.

Mặt trái của vấn đề là, nếu chúng ta không đáp ứng được những kỳ vọng này, chúng ta đang nhường lại không gian chiến lược cho các quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập Xê Út, Qatar hoặc Ý để họ giải quyết các cuộc xung đột trên toàn cầu - cho dù đó là ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi hay khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, những nơi mà chúng ta có nhiều lợi ích sâu sắc. Không phải lúc nào những quốc gia này cũng đặt lợi ích của Ấn Độ trong tâm trí.
Chúng ta đã và đang chứng kiến sự hiện diện ngày càng tăng của Pakistan tại Hoa Kỳ và Vùng Vịnh (với việc ký kết Hiệp định Phòng thủ Tương hỗ Ả Rập Xê Út - Pakistan), và các quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ đang lấp đầy những
khoảng trống bị bỏ ngỏ, đẩy chúng ta vào thế sự đã rồi (fait accompli) đầy bất lợi. Do đó, việc không đảm nhận một vai trò chủ động trong các cuộc xung đột toàn cầu cũng sẽ ảnh
hưởng xấu đến sự tự chủ chiến lược của chúng ta trong quá trình ra quyết định.

Câu hỏi đặt ra không phải là liệu chúng ta có cần phải xem xét lại chính sách tự chủ chiến lược của mình hay không, mà là liệu chúng ta đã có khả năng mở rộng không gian đó và sử dụng những cơ hội do chính sách này tạo ra để đạt được các mục tiêu của mình hay chưa. Đây chính là khía cạnh mà thành tích của chúng ta vẫn còn rất thiếu đồng đều.

Ví dụ, trong cả WTO và Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC), các nhà đàm phán Ấn Độ đã đàm phán vô cùng gay gắt để câu thêm thời gian nhằm đạt được các cột mốc phát triển của chúng ta, nhưng chúng ta lại không thể tận dụng được lợi thế đó. Trong lĩnh vực dệt may, chúng ta đã giành chiến thắng trong một trận chiến cam go tại WTO và có thêm thời gian - chính là không
gian chiến lược - nhưng trong suốt khoảng thời gian được gia hạn đó, chúng ta lại thất bại trong việc cải cách ngành công nghiệp này, khiến chúng ta bị bỏ lại khá xa so với các đối thủ cạnh tranh như Việt Nam hay Bangladesh.

Chúng ta cũng có một trải nghiệm tương tự đối với hành động ứng phó biến đổi khí hậu. Đơn cử, Trung Quốc đã sử dụng khoảng thời gian được gia hạn để bắt tay vào một quỹ đạo tăng trưởng các-bon cao phục vụ phát triển, trong khi Ấn Độ lại thất bại trong việc sử dụng cùng một khung thời gian đó để tận dụng hạn mức ngân sách các-bon của chúng ta cho sự phát triển của quốc gia. Như chúng ta đã chứng
kiến tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (COP) ở Belem, Brazil vào tháng 11 năm 2025, không gian chiến lược này đang ngày càng bị thu hẹp bởi những áp lực buộc Ấn Độ phải loại bỏ dần than đá - một điều không khả thi trong tương lai gần.

## Kết luận

Hệ quả là, trước bối cảnh có tính chất đặc thù (sui generis) mà Ấn Độ đang đối mặt, dù là theo bản năng hay có chủ đích, tự chủ chiến lược vẫn luôn là trạng thái mặc định của tư duy chiến lược Ấn Độ. Không có lý do gì để đi chệch khỏi đường hướng này bởi nó đã phục vụ tốt cho lợi ích của Ấn Độ. Tuy nhiên, chắc

chắn có một nhu cầu cấp thiết là phải tận dụng

một cách hiệu quả không gian được kiến tạo từ các chính sách của chúng ta và tập trung sắc bén hơn vào việc đạt được các mục tiêu của mình, bao gồm cả việc mang lại vai trò lãnh đạo. Đây là yếu tố sống còn để định hướng vượt qua cơn lốc xáo trộn toàn cầu.

# BỐN CHIỀU CẠNH CỦA TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC: Ý NGHĨA ĐỐI VỚI ẤN ĐỘ

**D B Venkatesh Varma**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi chủ trì cuộc họp của Ủy ban Nội các về An ninh tại New Delhi vào ngày 23 tháng 4 năm 2025. | ANI.*

## Lời mở đầu

Trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, thuật ngữ tự chủ chiến lược mới chỉ xuất hiện trong thời gian gần đây hơn. Câu hỏi then chốt trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh là liệu Ấn Độ sẽ liên kết với một trong hai khối hay không. Không liên kết chính là câu trả lời - cả với tư cách là một chính sách quốc gia lẫn một phong trào. Chính sách không liên kết từng vấp phải những lời chỉ trích - cả trong và sau Chiến tranh Lạnh, nhưng vị trí trung tâm của nó với tư cách là một nguyên tắc tổ chức cho chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn đó là điều không thể bàn cãi.

Đối với câu hỏi then chốt trong ba thập kỷ qua của thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh - giai đoạn chứng kiến vị thế ưu việt của Hoa Kỳ và sự chi phối của nước này đối với toàn cầu hóa - chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã gặp khó khăn trong việc xác lập một nguyên tắc tổ chức duy nhất, khi liên tục xoay chuyển từ Không liên kết 2.0 sang đa liên kết, từ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ sang đa cực hoặc một sự kết hợp nào đó của những trào lưu nhất thời khác. Sự trôi dạt này phản ánh sự mơ hồ vốn có trong cách Ấn Độ tự nhìn nhận về vị trí của mình trong một trật tự toàn cầu đang biến đổi.

Trong thời kỳ hoàng kim của toàn cầu hóa - hai thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này - tự chủ chiến lược từng bị xem nhẹ như một khái niệm lỗi thời ngăn cản Ấn Độ thu về những lợi ích từ quá trình toàn cầu hóa do Hoa Kỳ dẫn dắt. Sự phân mảnh của quá trình toàn cầu hóa sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ trong quan hệ thương mại và công nghệ, cùng sự xuất hiện của các lệnh trừng phạt như một công cụ gây sức ép lên Ấn Độ bắt nguồn từ các cuộc xung đột của phương Tây với Iran, Venezuela và hiện nay là Nga, đã làm nghiêng cán cân trong tư duy chính sách đối ngoại của Ấn Độ, rời xa tầm

nhìn có phần lãng mạn về những lợi ích của việc can dự toàn cầu.

Nếu từng có bất kỳ sự nghi ngờ nào, chúng đều đã bị gạt sang một bên khi Ấn Độ trở thành mục tiêu chịu sức ép từ Hoa Kỳ dưới thời chính quyền Tổng thống Trump. Sau một thời gian loay hoay, Ấn Độ dường như hiện đã dừng lại ở tự chủ chiến lược như một mỏ neo - nếu không muốn nói là đặc điểm quan trọng nhất của chính sách đối ngoại Ấn Độ. Tuy nhiên, ý nghĩa của nó vẫn còn mơ hồ; bối cảnh áp dụng đa dạng và nó thường được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, đôi khi mâu thuẫn lẫn nhau.

### Định nghĩa quy ước

Bài viết này hướng tới việc làm sáng tỏ ý nghĩa của tự chủ chiến lược thông qua việc phác thảo bốn chiều cạnh của nó - chiều cạnh tuyên bố, chiều cạnh tác chiến, chiều cạnh kinh tế/ công nghệ và chiều cạnh xã hội. Tuy nhiên, trước hết cần bắt đầu bằng một định nghĩa quy ước để thiết lập các tham số giới hạn, bởi tự chủ chiến lược thường được sử dụng như một từ đồng nghĩa với chính sách đối ngoại độc lập, hoặc chương trình Sản xuất tại Ấn Độ hay *Atmanirbharta* (tự lực tự cường), hoặc thậm chí như một sự biện minh cho chính sách đa liên kết hay việc theo đuổi cục diện đa cực. Điều này một phần là do tính chất khái quát của thuật ngữ, nhưng quan trọng hơn là do thực tế nó thường được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, chẳng hạn như để khái quát hóa một vấn đề cụ thể, làm mờ đi một quyết định chính sách hoặc rất thường xuyên được dùng như một công cụ tiện lợi để né tránh các lựa chọn khó khăn. Với tư cách là một khẩu hiệu, rất khó để phản bác khái niệm này vì nó mang tính chất hiển nhiên ai cũng tán đồng; nhưng với tư cách là một mục tiêu quốc gia cần đạt được bằng các điều khoản và chỉ tiêu cụ thể, những sự phức tạp của nó mới bộc lộ rõ nét.

Một định nghĩa quy ước về tự chủ chiến lược trước hết phải chú ý đến từ đầu tiên là "chiến lược", bởi chính tại đây phát sinh nguồn cơn chính của sự nhầm lẫn. Trong khi theo cách dùng thông thường, "chiến lược" là bất cứ thứ gì mang tính trung tâm, trọng yếu hoặc dài hạn, thì trong lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, "chiến lược" hàm ý việc nghiên cứu sử dụng lực lượng vũ trang phục vụ các mục tiêu an ninh quốc gia thông qua việc tìm kiếm sự cân bằng giữa mục tiêu và phương tiện.

> **Do đó, một định nghĩa quy ước của tự chủ chiến lược có thể là "ý chí và năng lực tư duy cũng như hành động độc lập trong các vấn đề chiến tranh và hòa bình có ảnh hưởng đến lợi ích sống còn của đất nước". Nhìn từ góc độ này, tự chủ chiến lược chỉ là một tập hợp con của một chính sách đối ngoại độc lập chứ không hoàn toàn đồng nhất với nó, ngay cả khi yếu tố này là điều kiện cần để thực hiện yếu tố kia.**

Xét về phạm vi, tự chủ chiến lược tập trung chủ yếu - dù không phải là duy nhất - vào năng lực và sự sẵn sàng của đất nước trong việc sử dụng lực lượng vũ trang nhằm bảo đảm các lợi ích quốc gia mà không bị kiềm tỏa quá mức bởi các yếu tố do bên ngoài áp đặt. Xét về các mục tiêu quốc gia, tự chủ chiến lược vừa là một định hướng chính sách vừa là một lộ trình nhằm ưu tiên, huy động và phân bổ các nguồn lực quốc gia để thực hiện các mục tiêu dài hạn có tác động đến lợi ích an ninh quốc gia.

Nói cách khác, tự chủ chiến lược vừa là quá trình vừa là đích đến trong cách thức Ấn Độ mong muốn bảo đảm các lợi ích an ninh quốc gia có liên quan đến việc sử dụng lực lượng vũ trang vì những mục tiêu do quốc gia tự xác định và thông qua các nguồn lực do quốc gia tự huy động. Trong bối cảnh quốc tế, một câu hỏi then chốt để đánh giá tự chủ chiến lược là ở điểm nào thì sự can dự sẽ tạo ra sự phụ thuộc, để rồi từ đó trượt dài thành những điểm yếu dễ bị tổn thương làm cản trở sự sẵn sàng và năng lực sử dụng vũ lực một cách độc lập

của đất nước? Tự chủ chiến lược sẽ không còn là tự chủ nữa khi lằn ranh đỏ đó bị vượt qua.

## Chiều cạnh tuyên bố

Trong những năm gần đây, tự chủ chiến lược được nhắc đến vừa như một đặc tính vừa như một mục tiêu của chính sách đối ngoại Ấn Độ. Bối cảnh đưa ra thường là để khẳng định quan điểm độc lập của Ấn Độ về một vấn đề toàn cầu đang gây tranh cãi. Tuy nhiên, những mâu thuẫn có xu hướng xuất hiện khi tự chủ chiến lược được đặt cạnh chính sách đa liên kết hoặc sự tuân thủ của chúng ta đối với một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, trong khi thực tế là nhiều thách thức đối với quyền tự chủ của Ấn Độ lại phát sinh từ chính trật tự đó, điển hình như trường hợp áp đặt các lệnh trừng phạt thứ cấp liên quan đến cuộc xung đột tại Ukraine.

Khái niệm này cũng được đề cập như một mục tiêu của các chính sách quốc gia như Sản xuất tại Ấn Độ, *Atmanirbharta* hoặc chủ quyền công nghệ. Việc theo đuổi cục diện đa cực tại các diễn đàn như G20 hay BRICS được thể hiện như một phương tiện nhằm củng cố các lựa chọn của Ấn Độ trong quá trình theo đuổi tự chủ chiến lược. Mặc dù chiều cạnh tuyên bố thường là một chức năng của nền ngoại giao
Ấn Độ - với tất cả những mâu thuẫn vốn có của nó - bản chất cốt lõi của tự chủ chiến lược lại nằm ở chiều cạnh tác chiến, vốn gắn liền với lực lượng vũ trang của Ấn Độ.

## Chiều cạnh tác chiến

Việc xác định mục tiêu của chiến tranh và các điều khoản chấm dứt chiến tranh có lẽ là thuộc tính quan trọng nhất của chủ quyền, bởi không có chức năng nhà nước nào khác định nghĩa
sự độc lập trong việc ra quyết định rõ ràng như các vấn đề về chiến tranh và hòa bình. Trong nhiều dịp, nhà nước Ấn Độ đã thể hiện sự độc lập thực chất trong việc ra quyết định, với ví dụ gần đây nhất là Chiến dịch *Sindoor*.

Trước khi phát động Chiến dịch *Sindoor*, Ấn Độ đã tuyên bố bảo lưu quyền sử dụng lực lượng vũ trang chống lại những kẻ chủ mưu và các thế lực bảo trợ cho các cuộc tấn công khủng bố xuyên biên giới, ngay cả khi hành động đó diễn ra dưới cái bóng rắn đe hạt nhân. Với những điều kiện địa chính trị đang thay đổi,
khả năng của Ấn Độ trong việc ứng phó với sức mạnh bất đối xứng ngày càng gia tăng của Trung Quốc cùng mối liên kết của nước này với Pakistan (và có lẽ là cả Bangladesh) sẽ phải
trải qua những phép thử khắc nghiệt. Ấn Độ sẽ phải đưa ra một học thuyết quân sự cập nhật nhằm bảo đảm có đủ năng lực bảo vệ các lợi ích an ninh quốc gia dựa trên nguồn lực trong nước - được hiểu theo nghĩa rộng là lực lượng quân sự cùng nền tảng công nghiệp, kinh tế và công nghệ phụ trợ, trong đó sự hỗ trợ từ bên ngoài chỉ đóng vai trò bổ sung cho năng lực tác chiến chứ không kiểm soát chúng.

Về mặt tác chiến, học thuyết quân sự của Ấn Độ sẽ bị bó buộc nếu năng lực quân sự phụ thuộc sống còn vào các nguồn cung bên ngoài thiếu tin cậy ngay cả đối với một cuộc xung
đột ngắn ngày, hoặc trang thiết bị quân sự có các mối liên kết bên ngoài nhân danh khả năng tương tác nhưng lại không loại trừ rủi ro tồn tại công tắc ngắt kích hoạt từ xa, hoặc lực lượng vũ trang Ấn Độ có những cam kết bên ngoài làm cản trở việc sử dụng lực lượng một cách tự do cho các mục đích an ninh quốc gia của chính Ấn Độ.

Sự lệch pha ở vế cuối này hoàn toàn có thể xảy ra nếu có một khoảng cách lớn giữa khía cạnh hàng hải và khía cạnh lục địa trong an ninh của Ấn Độ. Năng lực của lực lượng vũ trang trong việc thực thi một học thuyết quân sự ngay cả dưới những hoàn cảnh bên ngoài bất lợi sẽ chỉ ở mức cao nếu có sự rõ ràng trong tư duy,
công tác quy hoạch tầm nhìn xa và việc huy động các nguồn lực hữu hạn thông qua tác chiến hiệp đồng và tích hợp học thuyết.

**Một học thuyết quân sự tốt cho Ấn Độ cần phải giả định rằng các lựa chọn ngoại giao bên ngoài hiện có sẽ rất hạn chế. Điều này sẽ củng cố ý chí quốc gia trong việc đối phó với sự bất đối xứng quyền lực khổng lồ trước Trung Quốc chủ yếu thông qua nguồn lực của chính chúng ta. Trọng tâm này cho đến nay phần nào bị làm mờ đi do có những kỳ vọng thiếu thực tế về sự sẵn có của việc cân bằng đối ngoại thông qua các cơ chế như Nhóm Bộ tứ (Quad). Khi tương lai của Nhóm Bộ tứ còn bất định, sẽ là thiếu thận trọng nếu lực lượng vũ trang của chúng ta dựa dẫm vào tiềm năng răn đe của cơ chế này trước Trung Quốc. Đồng thời, việc vị thế của Pakistan được nâng lên trong chiến lược của Bộ Tư lệnh Trung tâm Hoa Kỳ (CENTCOM) là một diễn biến đáng lo ngại.**

### Chiều cạnh kinh tế/công nghệ

Trước bản chất đang thay đổi của chiến tranh, chiều cạnh kinh tế và công nghệ của sức mạnh quốc gia ngày càng trở nên quan trọng. Sự sẵn có của các nguồn lực tài chính dành cho quốc phòng phụ thuộc vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, nhưng điều quan trọng không kém là việc sử dụng chúng sao cho phù hợp với học thuyết quân sự tương xứng với kịch bản mối đe dọa. Có cơ sở để lập luận cho việc tăng tỷ trọng chi tiêu quốc phòng lên tới 3% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), nhưng cũng có cơ sở tương đương để khẳng định rằng những khoản tăng thêm đó phải thúc đẩy quá trình hiện đại hóa quân đội thay vì rơi vào tình trạng ném tiền qua cửa sổ cho những hạng mục kém hiệu quả.

Đã có sự chú trọng đáng hoan nghênh đối với các chương trình Sản xuất tại Ấn Độ hay *Atmanirbharta*, bao gồm cả sự tham gia của khu vực tư nhân với việc sản xuất nội địa tăng trưởng đều đặn và trở thành trụ cột trong hoạt động mua sắm của lực lượng vũ trang. Tuy nhiên, việc tìm ra sự cân bằng phù hợp giữa sản xuất nội địa và các yêu cầu của học thuyết quân sự sẽ không hề dễ dàng.



*Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee tại bãi thử Pokhran sau khi các vụ thử hạt nhân được tiến hành thành công vào năm 1998. | NDTV.*

Trên chiến trường, việc Ấn Độ có được hỏa lực bằng cách nào không quan trọng, miễn là nó hiệu quả và duy trì được bền vững. Bất kỳ khoảng trống trọng yếu nào trên tiền tuyến cũng sẽ làm chệch hướng tự chủ chiến lược, cho dù những nỗ lực hướng tới nội địa hóa có thiện chí đến đâu đi chăng nữa.

Liên quan đến sự phát triển công nghệ, nỗ lực nghiên cứu và phát triển (R&D) chậm chạp và thiếu hụt kinh phí cho đến nay của Ấn Độ đặt ra một thách thức đặc biệt trong việc cân bằng giữa mua sắm từ bên ngoài và cải giá của tự chủ chiến lược, nhất là đối với các yếu tố đầu vào trọng yếu như giám sát không gian, chuyển giao động cơ máy bay, trung tâm dữ liệu dùng chung, dịch vụ đám mây hoặc không gian mạng. Tất cả những yếu tố này đều tạo ra sự phụ thuộc lâu dài, cùng những điểm yếu tiềm ẩn có khả năng làm tê liệt các phản ứng an ninh quốc gia trước những mối đe dọa từ bên ngoài.

Câu hỏi then chốt đối với chiều cạnh tác chiến trong học thuyết quân sự của chúng ta là xác định ranh giới nơi sự phụ thuộc trượt dài thành điểm yếu dễ bị tổn thương, qua đó làm xói mòn năng lực thực thi tự chủ chiến lược. Việc mở cửa lĩnh vực quốc phòng cho ngành công nghiệp tư nhân và các nhà đầu tư nước ngoài vừa là cơ hội để tăng trưởng, nhưng đồng thời cũng mang lại rủi ro gia tăng sự phụ thuộc, làm suy giảm vị thế ưu tiên hàng đầu mà lực lượng vũ trang Ấn Độ đáng lẽ phải được hưởng đối với hoạt động sản xuất quốc phòng trong

nước.

Với việc các quốc gia NATO đang tăng cường sản xuất quốc phòng thêm hơn 1,5 nghìn tỷ đô la Mỹ và khoản đầu tư dự kiến hơn 5 nghìn tỷ đô la Mỹ vào ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo (AI) và chất bán dẫn, năng lực nội địa của Ấn Độ trong cả lĩnh vực quốc phòng lẫn công nghệ cao đang đứng trước nguy cơ bị cuốn vào các ưu tiên bên ngoài, làm nhấn chìm đi các ưu tiên trong nước. Một thách thức tương tự cũng có thể phát sinh liên quan đến hoạt động xuất khẩu quốc phòng thiếu sự điều tiết chặt chẽ.

Trong trường hợp khoáng sản chiến lược, Ấn Độ phải đối mặt với một lựa chọn khó khăn khi tham gia vào các chuỗi cung ứng do Hoa Kỳ và Trung Quốc dẫn dắt, cùng những cơ hội và rủi ro cố hữu đối với tự chủ chiến lược của chúng ta. Không có câu trả lời dễ dàng nào, nhưng việc phát triển bền bỉ năng lực nội địa sẽ giúp cải thiện tình hình trong trung hạn.

Nếu các doanh nghiệp Ấn Độ và các Trung tâm năng lực toàn cầu (Global Capability Centres) chỉ sử dụng Ấn Độ như một mắt xích của chuỗi cung ứng toàn cầu, điều này theo thời gian sẽ làm xói mòn tự chủ chiến lược của chúng ta, bởi sẽ có nhiều bên trên trường quốc tế cùng đòi hỏi quyền lợi đối với các năng lực nội địa của Ấn Độ. Những điểm yếu dễ bị tổn thương của Ấn Độ trước sức ép đối với thị trường dệt may, kim cương và thủy sản cũng như hoạt động mua sắm nguồn cung dầu thô ưu đãi từ Nga đã bộc lộ rõ nét trong thời gian gần đây.

Mặc dù Ấn Độ mong muốn làm việc với phương Tây về các chuỗi cung ứng bền vững và rất tích cực ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nền kinh tế tiên tiến, chúng ta đã buộc phải nhượng bộ trước sức ép đối với chuỗi cung ứng năng lượng ổn định từ Nga. Nếu không được giải quyết, những điểm yếu như vậy tất yếu sẽ làm xói mòn nền tảng vật chất cho sự tự chủ chiến lược của chúng ta trong tương lai.

## Chiều cạnh xã hội

Vốn thường bị xem nhẹ, chiều cạnh xã hội lại mang tầm quan trọng lớn xét đến việc Ấn Độ là một nền kinh tế đang tăng trưởng với cơ cấu dân số trẻ - những người có khát vọng định hướng cho các mục tiêu quốc gia. Bản chất sự tăng trưởng của Ấn Độ thời gian qua đã giúp tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng tại các khu vực đô thị trở thành đối tượng thụ hưởng lớn từ sự can dự toàn cầu của đất nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao. Họ nhìn nhận với sự quan ngại sâu sắc trước

những điểm gây sức ép mới đang nổi lên trong quan hệ của chúng ta với phương Tây, chẳng hạn như tình trạng phân biệt chủng tộc gia tăng và các quy định cấp thị thực hạn chế.

Bất chấp điều này, khát vọng của tầng lớp trung lưu Ấn Độ vừa mang tính toàn cầu lại vừa mang tính bản địa, và họ không thấy có sự mâu thuẫn nào giữa hai yếu tố đó. Tuy nhiên, tình trạng chảy máu chất xám của lớp tài năng trẻ ra nước ngoài tất yếu sẽ gây ra tác động làm chậm lại quá trình phát triển năng lực quốc gia của chính Ấn Độ. Giới trẻ hiện có sự quan tâm rất lớn đến việc tham gia chương trình *Agniveer* (tuyển quân theo chế độ nghĩa vụ ngắn hạn), dù chương trình này vẫn chưa hoàn thiện toàn diện để đáp ứng các yêu cầu chiến trường trong tương lai.

Hệ thống giáo dục trung học của Ấn Độ vẫn chưa thực sự sẵn sàng để cung cấp đội ngũ tân binh am hiểu công nghệ cho lực lượng vũ trang Ấn Độ. Tâm lý e ngại xung đột trên phạm vi quốc gia cũng có thể tác động đến việc củng cố tự chủ chiến lược, bởi các bộ phận có ảnh hưởng trong xã hội có thể ngần ngại hy sinh vì lợi ích tương lai. Điều này cũng được phản ánh qua góc nhìn nhìn chung là lạc quan của cộng đồng các viện nghiên cứu đối với hoạt động can dự đối ngoại của Ấn Độ.

## Kết luận

Tự chủ chiến lược vừa là một khái niệm mang tính khát vọng vừa là một mục tiêu tác chiến thực tế. Bốn chiều cạnh của nó củng cố lẫn nhau, mặc dù thước đo thành công nằm ở chiều cạnh tác chiến - thứ mà nếu thiếu đi, ba chiều cạnh còn lại sẽ trở nên mờ nhạt và mất đi ý nghĩa. Việc nêu ra tự chủ chiến lược như một khẩu hiệu thì rất dễ; nhưng việc vạch ra một lộ trình để thực thi nó trên thực tế lại quan trọng hơn rất nhiều, bởi trong thế giới đầy biến động này, để Ấn Độ đạt được vị thế định mệnh của mình là một cường quốc, không có lựa chọn nào thay thế cho việc tiếp nhận tự chủ chiến lược như một chính sách quốc gia thực thụ và nỗ lực thực thi nó một cách toàn diện. Chưa có quốc gia nào vươn lên vị thế cường quốc nếu không làm chủ được những huyết mạch của chiến tranh và hòa bình, hay nói cách khác chính là tự chủ chiến lược.

# CỦNG CỐ QUYỀN TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TRƯỚC TRẬT TỰ HỖN LOẠN TOÀN CẦU MỚI

**Jawed Ashraf**

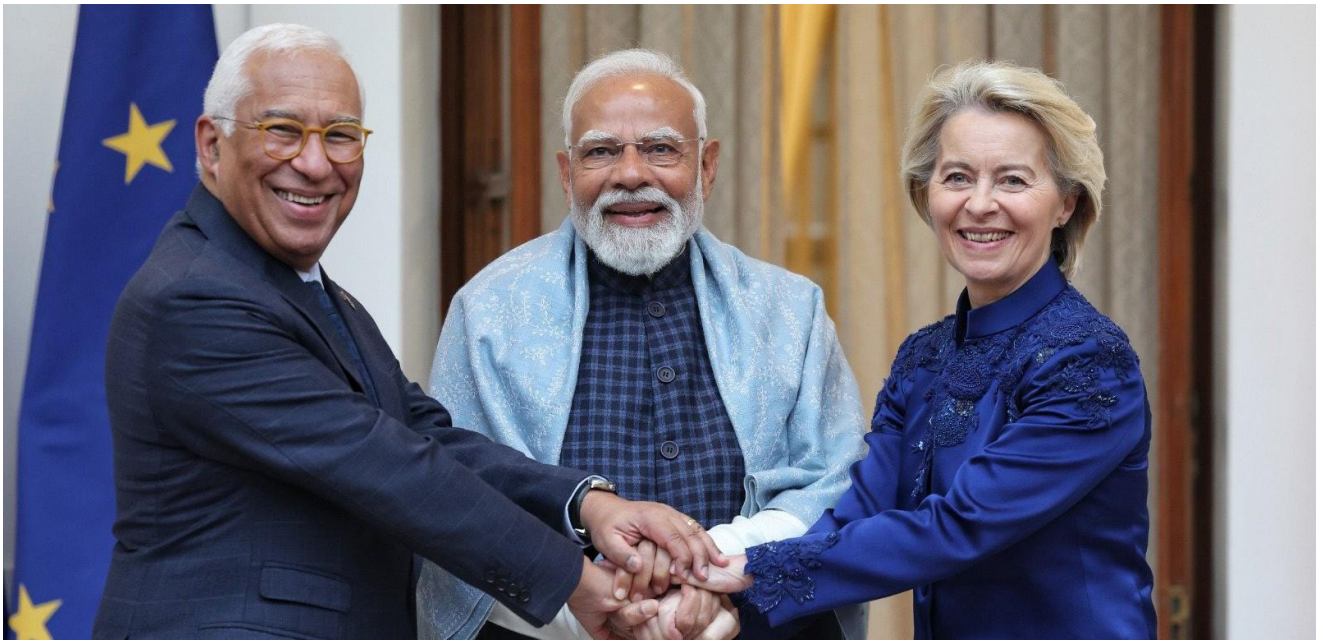

*Chủ tịch Hội đồng châu Âu António Costa, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Chủ tịch Ủy ban châu Âu Ursula von der Leyen tuyên bố kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Ấn Độ – EU tại New Delhi vào ngày 27 tháng 01 năm 2026. | @narendramodi/X.*

## Lời mở đầu

Một chính sách kinh tế, đối ngoại và an ninh độc lập hiển nhiên phải là điều tất yếu đối với bất kỳ quốc gia tự do nào. Về nguyên tắc, điều đó sẽ khiến cho mệnh đề về tự chủ chiến lược như một sự lựa chọn chính sách có chủ đích trở nên không cần thiết. Tuy nhiên, đó lại không phải là thực tế đối với phần lớn các quốc gia trong kỷ nguyên của những liên minh cố định và mối quan hệ phụ thuộc yếu ớt, nơi các nước tìm kiếm an ninh và lợi ích kinh tế thông qua việc từ bỏ ít nhất một phần chủ quyền ra quyết định cho một quốc gia hùng mạnh hơn hoặc một nhóm quốc gia. Sự lựa chọn này đã xuyên suốt chiều dài lịch sử, nhưng có lẽ chưa bao giờ diễn ra ở quy mô và phạm vi toàn cầu như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh và giai đoạn tiếp sau.

Tự chủ chiến lược phản ánh sự kết hợp giữa các quyết sách nội bộ và chiến lược đối ngoại nhằm thúc đẩy tốt nhất lợi ích quốc gia của một đất nước mà không cho phép sự lựa chọn đó bị áp đặt bởi các chủ thể bên ngoài. Khái niệm này đòi hỏi năng lực chống chịu sức ép bên ngoài tương đương với ý chí khẳng định lợi ích hoặc lập trường của chính mình. Tự chủ chiến lược không hàm ý chủ nghĩa tự cấp tự túc, chủ nghĩa biệt lập, chủ nghĩa cá nhân hay sự coi thường các mối quan tâm nhạy cảm hoặc các cam kết quốc tế. Khái niệm này không loại trừ các mối quan hệ đối tác hay sự liên kết, thậm chí không loại trừ mức độ đánh đổi nhất định giữa sự độc lập và liên minh trong những hoàn cảnh khác nhau. Điều này hàm ý rằng tự chủ chiến lược không bị bó hẹp trong các tiêu chí cứng nhắc hay áp dụng một cách rập khuôn trong mọi tình huống. Một quốc gia có thể thực thi quyền tự chủ trong việc cân bằng giữa các nước lớn, nhưng vẫn có

thể tìm thấy lợi ích khi gắn mình vào một khối thương mại. Ví dụ, Singapore duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cả Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhưng đồng thời hành động theo nguyên tắc đồng thuận của ASEAN. Pháp là một thành
viên của NATO và EU, nhưng luôn tìm cách duy trì quyền tự chủ chiến lược như một trụ cột trung tâm trong chính sách của mình, dù năng lực thực thi ngày càng suy giảm.

Quy mô, tầm vóc, vị trí địa lý, hoàn cảnh kinh tế và những thách thức an ninh của Ấn Độ; các giá trị văn minh cùng nền tảng đạo đức của phong trào đấu tranh giành độc lập; truyền thống chính trị đối nội; cũng như nhận thức về vị thế và vai trò của đất nước trên thế giới đã đưa Ấn Độ bước vào con đường độc lập đầy chông gai nhưng tất yếu trong các lựa chọn đối ngoại. Đã có nhiều thời điểm trong tiến trình lịch sử của một nước Ấn Độ độc lập, quốc gia này kiên quyết khẳng định ý chí của mình - đôi khi đứng đơn độc trước phần còn lại của thế giới - nhằm kiên trì theo đuổi các lợi ích quốc gia, từ việc phát triển năng lực hạt nhân cho đến các cuộc đàm phán đa phương.

Con đường không liên kết của Ấn Độ từng cung cấp một lá chắn bảo vệ trước những sự lựa chọn nhị nguyên của thế giới lưỡng cực thời Chiến tranh Lạnh, đồng thời đóng vai trò như một nhân tố nhân bội sức mạnh trong các
vấn đề toàn cầu. Dù vậy, chính sách không liên kết cũng đặt ra những rào cản nhất định. Hơn nữa, những tổn thương về kinh tế và an ninh, sự xa cách với Hoa Kỳ, mức độ phụ thuộc ngày càng sâu vào Liên Xô cùng thách thức kép đến từ hai quốc gia láng giềng Pakistan và Trung Quốc đã có những thời điểm thu hẹp không gian lựa chọn của Ấn Độ.

Trong kỷ nguyên hậu Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ đã chuyển dịch một cách khéo léo nhằm tái định hướng các chiến lược kinh tế đối nội và đối ngoại, chuyển đổi căn bản quan hệ với Hoa Kỳ, duy trì quan hệ đối tác với Nga, cải thiện quan hệ với Trung Quốc (cho đến trước khi bắt đầu kỷ nguyên của Chủ tịch Tập Cận Bình),
đẩy mạnh can dự với châu Âu, đa dạng hóa quan hệ với khu vực Vùng Vịnh và Đông Nam Á với tư cách là những láng giềng gần gũi, đồng thời mở rộng hiện diện tại châu Phi. Ấn Độ đã tham gia vào nhiều diễn đàn toàn cầu, các cơ chế tiểu đa phương và tổ chức khu vực, trong đó có một số cơ chế tồn tại những chương

trình nghị sự và lợi ích đối chọi lẫn nhau.

Ấn Độ đã có thể theo đuổi đường lối đa liên kết với quyền tự chủ chiến lược nhờ vào sự bác bỏ mang tính lịch sử đối với nền chính trị chia
khối; việc xử lý các mối quan hệ dựa trên bản chất thực chất của vấn đề với tính nhất quán và minh bạch; cùng với việc từ chối đứng về một bên trong các cuộc kình địch, xung đột hoặc không để mình biến thành công cụ trong chiến lược của các nước lớn. Quốc gia này đã tích lũy thêm sức mạnh và sự tự tin từ sự chú ý mới của toàn cầu trước sức hấp dẫn kinh tế ngày càng gia tăng cùng vị thế quốc tế đang lên của mình.

Ấn Độ cũng từng được hưởng lợi từ một không gian địa chính trị thuận lợi tại thời điểm mà quan hệ đối tác xuyên Đại Tây Dương còn gắn kết và giữ vai trò chi phối, quan hệ giữa Nga và phương Tây chưa quá căng thẳng, Trung Quốc vẫn chưa trở thành một đại cường quốc trong khi Hoa Kỳ vẫn đầu tư vào các lợi ích kinh tế từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, và hệ thống đa phương do phương Tây dẫn dắt vẫn duy trì được niềm tin vào tầm quan trọng của mình.



*Phái đoàn Ấn Độ do Thủ tướng Narendra Modi dẫn đầu tiếp xúc với phái đoàn Đức do Thủ tướng Cộng hòa Liên bang Đức Friedrich Merz dẫn đầu tại Gandhinagar vào ngày 12 tháng 01 năm 2026. | Bộ Ngoại giao Ấn Độ*

## Quyền Tự chủ Chiến lược của Ấn Độ Đứng trước Thử thách

Không gian địa chính trị thuận lợi đó đang dần thu hẹp trong một thế giới đã đổi thay. Trong vài năm qua, quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ đã phải chịu những sức ép nặng nề. Ấn Độ đã đẩy nhanh quá trình làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác chiến lược với Hoa Kỳ. Cùng lúc đó, quan hệ với Trung Quốc diễn biến xấu đi. Điều này lại làm gia tăng xu hướng ngả về mặt chiến lược của Ấn Độ sang phía Hoa Kỳ, dẫn đến - cùng với nhiều hệ quả khác - việc Bộ Tứ
(Quad) bị nhìn nhận như trụ cột trung tâm trong chiến lược an ninh của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Thực tế này làm dấy lên kỳ vọng từ phía Hoa Kỳ về việc mối quan hệ đối tác sẽ chuyển hóa thành một liên minh quân sự hoặc sẽ dễ dàng thuận theo các
ưu tiên của Washington. Những thách thức đến từ Trung Quốc đã tạo ra nguy cơ làm nảy sinh mối tổn thương mới đối với Ấn Độ trong quan hệ với Hoa Kỳ.

Tình hình này cũng khiến cho việc bảo vệ quan hệ với Nga trong thời điểm xung đột bùng nổ giữa Nga và phương Tây trở nên phức tạp hơn nhiều. Việc phương Tây vũ khí hóa thương mại, công nghệ, tài chính và năng lượng đã làm gia tăng thế tiến thoái lưỡng nan đúng vào thời điểm mà sự can dự kinh tế đối ngoại trở thành một cấu phần thiết yếu cho công cuộc chuyển đổi quốc gia của Ấn Độ. Truyền thống chính trị về tự chủ chiến lược vốn đã bám rễ sâu xa trong nền chính trị Ấn Độ đã kháng cự lại các sức ép cũng như những lời hứa hẹn nhằm vượt qua thời khắc đầy thách thức và cám dỗ này.

> **"Những quyết định và tuyên bố của Tổng thống Trump đã ghìm phanh, nếu không muốn nói là đảo chiều, tiến trình 25 năm chuyển đổi trong quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ. Nhưng đó chỉ là một phần của sự tái thiết lập sâu rộng hơn trong chính sách, mục tiêu và chiến lược của Hoa Kỳ - điều vốn làm sắc nét thêm một xu hướng đã được hình thành trong hơn một thập kỷ qua dưới các đời chính quyền kế tiếp nhau của Hoa Kỳ."**

Sự thoái lui của Hoa Kỳ khỏi trật tự quốc tế mà nước này từng đóng vai trò chủ đạo kiến tạo nhưng hiện nay không còn thấy hữu dụng hay hấp dẫn nữa, cùng việc Hoa Kỳ ngày càng đơn

phương sử dụng quyền lực, không chỉ là một nguồn cơn gây xáo trộn, mà còn phản ánh sự phản ứng trước các điểm yếu nội bộ và những biến chuyển cấu trúc toàn cầu sâu sắc hơn.
Những biến chuyển này bao gồm sự dịch chuyển quyền lực toàn cầu; các thể chế quốc tế bị xơ cứng và suy yếu; việc sử dụng vũ lực thay thế cho pháp quyền; các liên minh bị rạn nứt và những phương trình quyền lực mới xuất hiện; sự phân mảnh chính trị, thương mại, công nghệ, kỹ thuật số và tài chính ngày càng tăng; tình trạng bất bình đẳng gia tăng gây tác động tới chính trị nội bộ và các lựa chọn đối ngoại; bước chuyển dịch từ chủ nghĩa toàn cầu sang chủ nghĩa bảo hộ, từ chủ nghĩa phổ quát sang chủ nghĩa dân tộc; cùng sức mạnh biến đổi và những hiểm họa to lớn của công nghệ AI.

Sự phân bổ quyền lực đang định hình và diện mạo tương lai của thế giới hiện vẫn hết sức bất định. Dựa trên các thước đo về sức mạnh kinh tế, kỹ thuật số và quân sự, một số ý kiến dự báo tương lai sẽ mang cấu trúc lưỡng cực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, hoặc một trật tự mà ở đó Nga cũng có thể tiếp tục thực thi ý chí cưỡng chế của mình. Tuy nhiên, kịch bản tương lai khả dĩ nhất sẽ là một thế giới đa cực, điều thậm chí được phản ánh qua sự chấp nhận ngầm từ Tổng thống Trump. Đó sẽ là một thế giới không chỉ bao gồm nhiều cực quyền lực, mà còn gồm nhiều hệ thống, cấu trúc chính trị, nền văn hóa và thế giới quan khác nhau, thiếu vắng một khuôn mẫu can dự cố định và có thể dự đoán, đồng thời thiếu đi quyền lực điều phối và ổn định của một hệ thống đa phương hiệu quả. Tương lai này có thể dao động từ những đường đứt gãy địa chính trị gay gắt hơn cho đến một trạng thái cân bằng mong manh cùng các vùng ảnh hưởng.

## Tự chủ Chiến lược trong Hành động

> **"Quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ sẽ giúp nước này dễ dàng hơn trong việc thích ứng, định hình và thụ hưởng lợi ích từ một thế giới đa cực phi định hình và khó lường. Môi trường toàn cầu sẽ mang nhiều thách thức hơn, nhưng sự ổn định và tính liên tục về chính trị, sự gắn kết nội bộ cùng với sức mạnh kinh tế, công nghệ, quân sự và năng lực tập hợp lực lượng ngày càng lớn sẽ mang lại cho Ấn Độ khả năng vượt trội hơn để thực thi quyền tự chủ chiến lược."**

Thực tế này đã được minh chứng rõ nét qua hai sự lựa chọn lớn về an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại trong năm 2025. Sự lựa chọn thứ nhất là chiến dịch quân sự trừng phạt của Ấn Độ sâu bên trong lãnh thổ Pakistan sau vụ tấn công khủng bố ở Pahalgam vào tháng 4 năm 2025. Sự lựa chọn thứ hai là động thái nhanh chóng nhằm tái cân bằng các mối quan hệ với các nước lớn sau những biện pháp mang tính phá vỡ trật tự của Tổng thống Trump. Ấn Độ đang tiến hành tái đàm phán các điều khoản can dự với Hoa Kỳ mà không hề nhượng bộ trước sức ép, đồng thời kiên quyết giữ vững tiền đề cơ bản về một mối quan hệ đối tác mang tính đặc thù (*sui generis*), chứ không phải là một liên minh, giữa hai quốc gia có chủ quyền.

Ấn Độ đang tiếp thêm sinh lực mới cho mối quan hệ đối tác chiến lược lâu đời với Nga, đồng thời đã có những bước đi thận trọng nhằm xoa dịu căng thẳng, bình thường hóa quan hệ và tìm kiếm các cơ hội hợp tác với Trung Quốc. Nước này cũng dành sự quan tâm sâu sắc hơn đối với một châu Âu đang gặp muôn vàn khó khăn, nơi bản thân châu lục này cũng đang phải tìm cách thích nghi với sự rạn nứt trong quan hệ xuyên Đại Tây Dương, sức ép từ Nga và Trung Quốc cùng sự suy giảm năng lực cạnh tranh. Dù châu Âu thiếu đi tầm

vóc chiến lược, nhưng đây sẽ là một nguồn lực then chốt cho công cuộc tự lực tự cường về kinh tế, công nghệ và quân sự của Ấn Độ.
Chính sách của Ấn Độ không thể bị đóng khung trong sự lựa chọn mang tính "nhị nguyên/một mất một còn", mà phải là một chính sách thiết lập được sự cân bằng hợp lý trong các mức độ can dự.

## Lộ trình Tương lai

Tuy nhiên, những nỗ lực nói trên vẫn là chưa đủ. Ấn Độ phải tìm ra giải pháp nhằm ứng phó với những thách thức đến từ Pakistan và một Trung Quốc ngày càng hùng mạnh. Cả hai vấn đề này đều đè nặng lên chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia của Ấn Độ, đồng thời tác động trực tiếp đến năng lực thực thi quyền tự chủ chiến lược. Các sáng kiến ngoại giao táo bạo và giàu tính đột phá có thể sẽ cần thiết, nhưng chúng sẽ chỉ mang lại kết quả nếu phía bên kia cũng có thiện chí tương tự. Trong lúc này, Ấn Độ phải tiếp tục củng cố các công cụ khác nhằm gia tăng năng lực chống chịu phục vụ cho các quyết sách độc lập.

Ấn Độ sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa để bảo đảm lợi ích và tầm ảnh hưởng của mình tại khu vực Nam Á, tăng cường can dự với Đông Nam Á, điều chỉnh chiến lược trước những động thái biến chuyển mau lẹ tại khu vực Vùng Vịnh và Tây Á, xác lập vị thế vượt trội tại khu vực Ấn Độ Dương, đồng thời tiếp tục tiến trình mở rộng quan hệ tại châu Phi và châu Á. Ấn Độ không chỉ cần lên tiếng mà còn phải mang lại những kết quả thực chất cho phương Nam Toàn cầu. Ấn Độ phải xây dựng được không gian ảnh hưởng của riêng mình. Điều này sẽ tăng cường vị thế cho Ấn Độ trong việc xử lý quan hệ với các nước lớn. Sự bất định về bản chất của sự hiện diện cũng như các cam kết
bảo đảm an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một "hàng hóa công" cũng đòi hỏi Ấn Độ phải đẩy mạnh can dự với Nhật Bản, Hàn Quốc (ROK) và Australia bên ngoài các cơ chế do Hoa Kỳ dẫn dắt.

Chủ nghĩa đa phương giúp mở rộng không gian cho việc thực thi quyền tự chủ chiến lược. Bất chấp mọi quan điểm bi quan xung quanh vấn đề này, Ấn Độ cần kiên trì với những nỗ lực cải cách và phục hưng các thể chế đa phương.
Hơn nữa, việc xây dựng các liên minh xoay quanh các thách thức cụ thể dựa trên tinh thần của chủ nghĩa đa phương - như Ấn Độ đã thực hiện với các sáng kiến tiêu biểu như Liên minh Năng lượng Mặt trời Quốc tế - sẽ củng cố
mạng lưới các mối quan hệ đan xen phức tạp và mở rộng tầm ảnh hưởng quốc tế của đất nước. Điều này cũng hoàn toàn đúng đối với tầm quan trọng ngày càng tăng của các nhóm liên kết và các cơ chế tiểu đa phương. Ấn Độ đã hành động đúng đắn khi hiện diện trong nhiều nhóm liên kết và cơ chế tiểu đa phương đa dạng, từ cấp độ toàn cầu cho đến không gian láng giềng biển và lục địa mở rộng, ngay cả khi một số cơ chế có mục tiêu mâu thuẫn và cạnh tranh lẫn nhau.

Chiến lược thương mại và đầu tư sẽ đóng vai trò then chốt. Khi thể chế thương mại đang chuyển dịch từ các thỏa thuận đa phương sang các dàn xếp song phương và khu vực, Ấn Độ đang theo đuổi các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) cùng các Hiệp định Hợp tác Kinh tế Toàn diện (CECA)/Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEPA) với xung lực và sự tự tin mới, gắn kết chặt chẽ các hiệp định thương mại với các ưu tiên địa chính trị và nỗ lực đa dạng hóa. Các thỏa thuận này bao gồm những hiệp định gần đây ký kết với Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội Mậu dịch Tự do châu Âu (EFTA), Vương quốc Anh, Australia, UAE và Mauritius; việc rà soát, điều chỉnh các hiệp định hiện có; cùng hơn mười cuộc đàm phán đang diễn ra hoặc đã được lên kế hoạch, bao gồm cả các cuộc đàm phán với Hoa Kỳ và Liên minh Kinh

tế Á - Âu.

Hơn thế nữa, chất lượng, phạm vi và độ bao phủ của các FTA đã gia tăng đáng kể. Điều đó mang tính thiết yếu nhằm mở rộng xuất khẩu và thu hút đầu tư, đồng thời đa dạng hóa thị trường, xây dựng các chuỗi cung ứng bền vững và hội nhập sâu rộng hơn vào các Chuỗi Giá trị Toàn cầu - vốn chiếm tỷ trọng chi phối trong thương mại thế giới. Việc mở cửa có tính

toán với Trung Quốc là điều cần thiết trong bối cảnh nước này nắm giữ vị thế thống lĩnh đối với các chuỗi cung ứng, bao gồm cả những sản phẩm yết hầu mang tính điểm nghẽn trọng yếu.

Sự can dự đối ngoại phải tiếp tục dành ưu tiên cho việc bảo đảm quyền tiếp cận các nguồn khoáng sản thiết yếu, năng lượng, công nghệ cùng nền tảng kiến tạo của thời đại mới - chất bán dẫn và Trí tuệ nhân tạo. Điều này thể hiện rõ qua các nội dung ưu tiên và những sáng kiến đã được thống nhất với các đối tác toàn cầu chủ chốt. Ấn Độ cũng cần phải nghiên cứu các kênh và cơ chế thanh toán xuyên biên giới thay thế, bao gồm việc quốc tế hóa Giao diện Thanh toán Hợp nhất (UPI) như một kênh chuyển kiều hối, cùng khả năng ứng dụng các hình thức mã định danh kỹ thuật số thay thế cho các giao dịch thương mại.

Nền tảng vững chắc nhất của quyền tự chủ chiến lược sẽ không chỉ là ý chí dân tộc, mà còn là năng lực quốc gia của Ấn Độ. Điều này đòi hỏi:

- Tăng trưởng kinh tế bền vững, nhanh chóng và bao trùm đi đôi với ổn định kinh tế vĩ mô và tính tự lực tự cường (Atmanirbharta).
- Đẩy nhanh công nghiệp hóa với năng lực công nghệ cao, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp của tương lai.
- Thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu nội địa.
- Bảo đảm an ninh năng lượng và sự độc lập về năng lượng thông qua năng lượng tái tạo và điện hạt nhân.
- Xác lập chủ quyền kỹ thuật số.
- Xây dựng các chuỗi cung ứng có khả năng chống chịu và phục hồi cao.
- Nâng cao năng lực tự chủ và trạng thái sẵn sàng chiến đấu của nền quốc phòng.

Ấn Độ cần những cuộc cải cách quy mô lớn để nhanh chóng công nghiệp hóa quốc phòng, một tiến trình phải vượt xa khỏi khâu lắp ráp đơn thuần các hệ thống khí tài nhập khẩu.

Năng lực nội sinh phục vụ công tác thiết kế, nghiên cứu phát triển, công nghệ luyện kim, công nghệ điện tử và phần mềm tiên tiến, hoạt động thử nghiệm, thẩm định chất lượng và cấp chứng chỉ là những yếu tố sống còn - áp dụng cho các hệ thống khí tài cũng như các cấu phần linh kiện, vũ khí, cảm biến, hệ thống hợp nhất dữ liệu và truyền thông. Yêu cầu này cũng áp dụng tương tự đối với các không gian tác chiến mới như không gian mạng, vũ trụ, môi trường dưới nước và đáy biển. Việc duy trì tư thế và ý chí răn đe hạt nhân đáng tin cậy là người bảo trợ tối hậu cho chủ quyền quốc gia và quyền tự chủ chiến lược.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ: NGƯỜI BẢO LÃNH CHO SỰ ỔN ĐỊNH, AN NINH VÀ TĂNG TRƯỞNG QUỐC GIA

**Surya Kanegaonkar**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi hội kiến Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump tại Nhà Trắng ở Washington DC vào ngày 13 tháng 2 năm 2025. | Bộ Ngoại giao Ấn Độ*

## Lời mở đầu

Tự chủ chiến lược là một trụ cột trong chủ quyền của Ấn Độ. Bảo vệ chủ quyền vừa là yêu cầu của hiến pháp, vừa là mệnh lệnh của nhân dân. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ, một phần nào đó, đã được hoạch định xoay quanh các yêu cầu về kinh tế, chiến lược và an ninh, có tính toán đến các nguồn lực và năng lực của quốc gia ở bất kỳ thời điểm nào. Chú trọng đến cả các mục tiêu ngắn hạn lẫn tầm nhìn dài hạn, Ấn Độ đã cho phép tự chủ chiến lược khoác lên mình nhiều hình hài và tên gọi khác nhau trong suốt hành trình của đất nước qua tám thập kỷ qua.

Khi những chuyển đổi về công nghệ và kinh tế của thế kỷ XXI làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu, bối cảnh địa chính trị, thương mại và an ninh đã trở nên nhiều biến động. Sự bất trắc ngày càng gia tăng. Số lượng các biến số đóng góp vào các kết quả địa chính trị đã tăng lên, và những biến số này ngày càng có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Trong bối cảnh đó, chủ quyền và an ninh quốc gia mang những ý nghĩa mới.

Là nền kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới với mục tiêu đạt được vị thế quốc gia phát triển trong vòng hai thập kỷ tới, Ấn Độ đang khát tài nguyên. Để nâng cao năng suất và tăng trưởng, sự dịch chuyển của lực lượng lao động từ đồng ruộng sang nhà máy là điều thiết yếu. Trước sự trỗi dậy của chủ nghĩa tân trọng thương do Trung Quốc và Hoa Kỳ thực thi, Ấn Độ do đó đặc biệt chú trọng đến việc khai mở các thị trường xuất khẩu mới, đảm bảo an ninh cho các tuyến thương mại và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Làm nền tảng cho thương mại là một hệ thống tài chính

quốc tế, một hệ thống đã phải chịu áp lực từ các yếu tố địa chính trị trong những năm gần đây.

Việc phát triển các giải pháp "bất chấp thời tiết" để giao dịch, bảo toàn và kiến tạo nguồn vốn đã được chứng minh là thiết yếu để củng cố an ninh quốc gia. Quan hệ quốc tế rạn nứt và các cuộc chiến tranh ủy nhiệm đã làm dấy lên bóng ma của các cuộc xung đột vũ trang và xung đột lai. Thế giới cũng đang tái vũ trang với tốc độ nhanh nhất kể từ Thế chiến thứ II, trên bối cảnh các công nghệ quốc phòng đang phá vỡ những giới hạn mới. Do đó, việc xây dựng năng lực răn đe quân sự bản địa, đáng tin cậy cũng quan trọng như việc đi tiên phong trong các công nghệ lưỡng dụng mang tính đột phá.

Con đường vươn tới vị thế quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ này của Ấn Độ bao hàm việc đảm bảo quyền kiểm soát có chủ quyền đối với các yếu tố quyết định tăng trưởng, ổn định và an ninh. Quãng thời gian ba thập kỷ vàng để đất nước tận dụng lợi thế dân số lại trùng khớp với thời kỳ cạnh tranh khốc liệt giữa các cường quốc, xu hướng phi toàn cầu hóa, sự sụt giảm niềm tin vào các thể chế đa phương hậu Thế chiến thứ II, những bước tiến công nghệ vũ bão, tình trạng già hóa dân số toàn cầu, gánh nặng nợ công ngày càng tăng ở các thị trường phát triển và tần suất các cuộc xung đột công khai lẫn ngấm ngầm ngày một dày đặc.

Do đó, tự chủ chiến lược sẽ tiếp tục tiến hóa về phạm vi và quy mô, song hành cùng các mục tiêu quốc gia và yêu cầu an ninh quốc gia. Được tinh chỉnh dựa trên những thay đổi hiện tại và kỳ vọng trong động lực học của quan hệ quốc tế và địa chính trị, một chính sách đối ngoại linh hoạt được thiết kế để đảm bảo sự tăng trưởng và tái trỗi dậy của Ấn Độ với tư cách là một cường quốc kinh tế, lục địa và hàng hải toàn cầu.

Trong vòng 25 năm tới, GDP của Trung Quốc và Hoa Kỳ được dự báo sẽ hội tụ ở mốc từ 37 đến 42 nghìn tỷ USD, trong khi Ấn Độ sẽ đạt quy mô bằng khoảng ba phần năm so với Hoa Kỳ. Điều này có nghĩa là Ấn Độ sẽ ở vị thế tương đối so với Hoa Kỳ vào năm 2025 giống như Trung Quốc hiện nay. Nhờ sức mạnh quốc gia tổng hợp, Trung Quốc hiện được coi là một đối thủ gần như ngang hàng với Hoa Kỳ, mặc dù vẫn còn một khoảng cách đáng kể về GDP bình quân đầu người. Tình hình chính trị nội bộ chia rẽ, sự suy giảm tương đối về sự thống trị kinh tế và tình trạng dàn trải chiến lược quá mức đang đe dọa đến tính bền vững của trật tự đơn cực do Hoa Kỳ dẫn dắt. Khi bối cảnh quốc tế dịch chuyển một cách tự nhiên từ đơn cực sang đa cực, sự hợp tác dựa trên sự hội tụ lợi ích sẽ được ưu tiên. Ấn Độ không coi sự hình thành của một trật tự thế giới mới như một phần của trò chơi có tổng bằng không (zero - sum game), trong đó trạng thái cuối cùng là thế đơn cực và sự bá quyền toàn diện của bất kỳ một cường quốc nào. Việc điều hướng một giai đoạn chuyển tiếp đầy biến động, được đánh dấu bởi sự cạnh tranh giữa các cường quốc và nguy cơ rơi vào bẫy Thucydides, đòi hỏi một chủ nghĩa đa phương đã được cải cách.

Do đó, Ấn Độ đặt mục tiêu trở thành một lực lượng ổn định, tự lực và tự chủ, tìm kiếm lợi ích chung thông qua can dự thay vì là một tác nhân tích cực cản trở sự phát triển của các quốc gia khác. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách và các nhà lãnh đạo sẽ hành động khi lợi ích của bất kỳ cường quốc nào xâm phạm đến an ninh quốc gia và chủ quyền của Ấn Độ.

Nhìn chung, các lựa chọn, tình thế tiến thoái lưỡng nan và việc định vị của New Delhi làm nổi bật sự nổi bật và tính phức tạp liên tục của tự chủ chiến lược. Bài viết này xem xét ý nghĩa của học thuyết, quỹ đạo của nó và những hệ lụy nhiều tầng về kinh tế, ngoại giao và an ninh, để cuối cùng ngoại suy ra những đường nét có khả năng định hình tự chủ chiến lược của Ấn Độ trong những thập kỷ tới.

## Định nghĩa Tự chủ Chiến lược

Tự chủ chiến lược trong bối cảnh của Ấn Độ đề cập đến năng lực:

- Theo đuổi lợi ích quốc gia một cách độc lập, đặc biệt là trong quan hệ đối ngoại, quốc phòng, công nghệ và chính sách kinh tế.
- Tích cực can dự với một loạt các chủ thể và thể chế toàn cầu chủ chốt.
- Liên tục phát triển sức mạnh quốc gia tổng hợp nhằm đảm bảo sự ổn định, an ninh và tăng trưởng của đất nước.

Không giống như chính sách không liên kết (vốn biểu tượng hóa dưới hình thức lý tưởng nhất là sự duy trì khoảng cách đều đặn với các khối quyền lực và tránh xa những ràng buộc), tự chủ chiến lược là một chiến lược động hướng tới sự can dự có chọn lọc, lấy con người làm trung tâm và bị dẫn dắt bởi lợi ích cốt lõi.

Đây là nguyên tắc chỉ đạo cho tư thế quốc tế của Ấn Độ. Các nhà hoạch định chính sách gần đây đã chuyển đổi từ sự trừu tượng mang tính học thuyết sang sự can dự thực tế, mang tính mô-đun với các cường quốc toàn cầu hàng đầu như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, các cường quốc công nghệ như Hàn Quốc và Nhật Bản, cùng các quốc gia mới nổi của Phương Nam Toàn cầu. Nếu một cường quốc đang lên như Ấn Độ duy trì cách tiếp cận này và củng cố các mối quan hệ đối tác vững chắc, thì chủ nghĩa đa phương được cải cách và quá trình tái toàn cầu hóa sẽ thành hình.

Khi các cường quốc (vốn có nguy cơ cao tiến tới bờ vực xung đột) cùng có lợi ích gắn liền với sự trỗi dậy của Ấn Độ, khả năng hòa giải và kiến tạo sự ổn định của New Delhi sẽ trở nên
rõ rệt. Khi tỷ trọng đóng góp vào sản lượng kinh tế toàn cầu của nước này tăng lên, hiệu
ứng này sẽ càng nổi bật. Do đó, sự trỗi dậy của Ấn Độ - một phần được thúc đẩy bởi việc thực thi tự chủ chiến lược - rốt cuộc lại mang đến một lợi ích ròng cho cộng đồng quốc tế.

Quá trình chuyển đổi chính sách đối ngoại của Ấn Độ hướng tới một sự tự chủ chiến lược được định nghĩa rõ ràng, dựa trên một số cách tiếp cận:

- **Khử liên kết có mục tiêu:** Giao thiệp với nhiều quốc gia một cách độc lập, không coi quan hệ với nước này là dẫn xuất từ quan hệ với nước khác, trừ khi một liên minh xâm phạm đến các lợi ích an ninh cốt lõi.
- **Quan hệ đối tác mô-đun:** Hình thành các liên minh trong các lĩnh vực cụ thể như an ninh, thương mại, quản lý khí hậu và tài trợ phát triển, thay vì các liên minh toàn diện.
- **Đa liên kết:** Đồng thời tham gia vào các diễn đàn đa phương đa dạng, đôi khi tưởng chừng như đối địch nhau.

## Các Hệ quả Tác động Trực tiếp Đa Miền

### Kinh tế

> **Tự chủ chiến lược của Ấn Độ có những hệ lụy trực tiếp đến nền kinh tế. Bằng cách không tự trói buộc mình vào các thông lệ mua sắm hay ràng buộc pháp lý của bất kỳ một khối liên minh nào, Ấn Độ có thể đàm phán các quan hệ đối tác công nghệ, các thỏa thuận đầu tư và mua sắm tài nguyên thiên nhiên, các mối liên kết quốc phòng và hiệp định thương mại trong khi vẫn đặt lợi ích cốt lõi của mình làm trọng tâm. Mục tiêu là đảm bảo khả năng trụ vững của nền kinh tế trước những biến động địa chính trị và kinh tế.**

Tự chủ chiến lược của Ấn Độ có những hệ lụy trực tiếp đến nền kinh tế. Bằng cách không tự trói buộc mình vào các thông lệ mua sắm hay ràng buộc pháp lý của bất kỳ một khối liên minh nào, Ấn Độ có thể đàm phán các quan hệ đối tác công nghệ, các thỏa thuận đầu tư và mua sắm tài nguyên thiên nhiên, các mối liên kết quốc phòng và hiệp định thương mại trong

khi vẫn đặt lợi ích cốt lõi của mình làm trọng tâm. Mục tiêu là đảm bảo khả năng trụ vững của nền kinh tế trước những biến động địa chính trị và kinh tế.

Ví dụ, việc đa dạng hóa các nguồn hàng hóa nhập khẩu như năng lượng và khoáng sản của Nga, khí đốt và dầu mỏ của Trung Đông và Hoa Kỳ, đất hiếm của Nam Mỹ và linh kiện pin của Trung Quốc, cho phép Ấn Độ đạt được nhiều mục tiêu. Nước này có thể đồng thời kiểm soát lạm phát, thu hẹp thâm hụt tài khoản vãng lai, thúc đẩy công nghiệp hóa và thực hiện các bước tiến tới xây dựng một nền kinh tế xanh hơn. Song song đó, các cải cách trong các lĩnh vực nội địa như khai khoáng, sản xuất dầu khí và chế biến khoáng sản giúp tăng cường an ninh tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ toàn cầu đang gia tăng và chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Ấn Độ sẽ là nguồn tăng trưởng nhu cầu năng lượng lớn nhất thế giới vào năm 2035.

Không có quốc gia nào nghèo nàn về năng lượng mà lại giàu có, và cũng không có một quốc gia lớn nào đạt được vị thế phát triển mà không trải qua quá trình công nghiệp hóa.
Nâng cao tỷ trọng đóng góp của ngành sản xuất chế tạo vào tổng sản lượng kinh tế là yếu tố sống còn để cải thiện mức sống, nâng cao sức mua và đẩy hồ sơ tiêu dùng lên mức cao hơn. Tất cả các khía cạnh của công nghiệp hóa
- tài nguyên, công nghệ và vốn - đều là những lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược đa liên kết quốc tế của Ấn Độ.

Với việc Ấn Độ sẽ tiếp tục đóng góp gần 20% vào tăng trưởng GDP toàn cầu, vượt xa tổng đóng góp của phần lớn nhóm G7 trong nhiều năm tới, việc các nhà đầu tư trên toàn cầu tìm cách tận dụng câu chuyện thành công này là điều hoàn toàn tự nhiên. Khi hệ thống lương hưu ở các quốc gia già hóa phải chịu áp lực lớn, các quỹ hưu trí buộc phải tìm kiếm sự tăng trưởng. Việc đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của Hoa Kỳ chỉ có thể mang lại hiệu quả đến một giới hạn nhất định.

Ấn Độ vẫn là một điểm sáng trong vũ trụ đầu tư nhờ khả năng duy trì mức tăng trưởng ổn định. Quá trình phi công nghiệp hóa tại nhiều nền kinh tế phát triển ở Châu Âu và Đông Á cũng thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm những cơ hội mới. Những công ty này đang chuyển hướng sản xuất về Ấn Độ và hợp tác với các doanh nghiệp địa phương như một phần trong kế hoạch mở rộng của họ. Nhiều công ty trong số này cũng chính là những người đã hưởng lợi từ sự tăng trưởng của Trung Quốc trong hai thập kỷ qua.

Giờ đây, khi Trung Quốc phần lớn đã tự chủ trong một số lĩnh vực và thị trường nội địa của họ bị chi phối bởi các thương hiệu địa phương, Ấn Độ nổi lên như là một bến đỗ đầu tư lớn tiếp theo. Hơn nữa, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) tạo ra các mối quan hệ thương mại mới, qua đó khai thác cả lợi thế so sánh lẫn lợi thế cạnh tranh của Ấn Độ và các đối tác. Nền tảng hỗ trợ cho các hiệp định này là niềm tin rằng nền kinh tế Ấn Độ sẽ tiếp tục ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng kép ở mức cao.

Các yêu cầu cấp bách về kinh tế và chiến lược của Trung Quốc và Hoa Kỳ tiếp tục tạo sức ép lên thương mại tự do. Hoa Kỳ đang đối mặt với các khoản nợ leo thang, trong khi tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc lại phụ thuộc quá lớn vào xuất khẩu. Với những mất cân đối cấu trúc sâu sắc đang đeo bám hai cường quốc này, ngày càng có nhiều điều kiện ràng buộc được áp đặt lên các quan hệ thương mại. Điều này có nguy cơ làm nghiêng cán cân chiến lược mà Ấn Độ đang nỗ lực duy trì, đẩy nước này vào một tình thế bất lợi tiềm tàng trên cả mặt trận kinh tế lẫn an ninh. Tăng trưởng của Ấn Độ phụ thuộc vào việc xây dựng một nền kinh tế cân bằng.

Điều này đồng nghĩa với việc tiêu dùng nội địa cần được đáp ứng chủ yếu bởi năng lực sản xuất chế tạo trong nước, công nghệ bản địa và ở những nơi khả thi, là tài nguyên thiên nhiên

nội địa. Đồng thời, đất nước phải tiếp tục cung cấp một luồng dịch vụ và hàng hóa đáng tin cậy cho thế giới, và thúc đẩy các cải cách của WTO nhằm đảm bảo các chuẩn mực thương mại công bằng hơn cho các nền kinh tế đang phát triển.

Khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng, phù hợp với các chính sách "Atmanirbhar Bharat" (Một Ấn Độ Tự lực) nhằm thúc đẩy năng lực sản xuất chế tạo và giảm bớt sự phụ thuộc vào các công nghệ nước ngoài, là một trụ cột của tự chủ chiến lược. Đây là một quá trình đang tiếp diễn, thường liên quan đến sự hợp tác với một số công ty có tầm quan trọng vật chất đối với các nền kinh tế phát triển.

Cả việc đổi mới sáng tạo bản địa lẫn các dự án công nghiệp và công nghệ chung đều tạo điều kiện cho Ấn Độ tiến lên các nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng nguồn vốn nhân lực, tạo ra của cải và thiết lập rào chắn bảo vệ nền kinh tế trước các cú sốc từ bên ngoài. Đối với các nhà đầu tư nước ngoài đặt cược vào câu chuyện phát triển của Ấn Độ, sự ổn định này giúp đảm bảo những khoản lợi nhuận vững chắc. Nói rộng ra, hành trình theo đuổi tự chủ chiến lược của New Delhi sẽ mang lại những ngoại ứng tích cực ròng cho các đối tác này.

Sự trỗi dậy của đa loại tiền tệ là một dấu ấn đặc trưng của thế đa cực đang hình thành. Khi thương mại của Ấn Độ với thế giới mở rộng, quốc gia này bắt buộc phải quốc tế hóa đồng tiền của mình. Điều này giúp củng cố sự ổn định tài chính và giảm thiểu sự bất trắc liên quan đến việc nắm giữ ngoại tệ. Những nhà phê bình lập luận rằng động thái này là một nỗ lực có phối hợp nhằm làm suy yếu hệ thống tiền tệ quốc tế đã được thiết lập trong suốt tám thập kỷ qua. Tuy nhiên, lý do căn bản đằng sau việc đa dạng hóa tiền tệ nằm ở tỷ trọng ngày càng tăng của Ấn Độ trong thương mại toàn cầu giữa bối cảnh nợ công toàn cầu cao và nguy cơ phong tỏa tài sản tài chính ngày càng hiện hữu.

Châu Âu, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Ấn Độ đang ở những giai đoạn độc nhất trong quá trình phát triển kinh tế của họ. Hồ sơ nghĩa vụ tài chính, hay tỷ lệ nợ trên GDP của họ có sự khác biệt, trong đó Ấn Độ là quốc gia sử dụng đòn bẩy tài chính ít nhất. Tốc độ tăng trưởng và các điều kiện kinh tế nội địa tương ứng của họ cũng rất riêng biệt. Những áp lực về nợ đã dẫn đến sự phá giá đáng kể đối với các loại tiền pháp định và sự biến động trong giá trái phiếu chính phủ của các thị trường phát triển. Tác động tiêu cực lên dự trữ ngoại hối của Ấn Độ là rất đáng kể.




*Hệ thống tên lửa Akash, hệ thống tên lửa đất đối không (SAM) hoàn toàn nội địa đầu tiên của Ấn Độ được trưng bày tại cuộc diễu hành Ngày Cộng hòa năm 2025 ở New Delhi. | Piyal Bhattacharjee /AFP.*

Xu hướng tìm đến nơi trú ẩn an toàn (Flight to quality), bao gồm vàng, đầu tư vào các tài sản hữu hình và quá trình quốc tế hóa đồng Rupee của Ấn Độ, là ba phương thức nhằm bảo tồn tài sản, và là một phần trong biểu hiện tự chủ chiến lược của Ấn Độ. Sự ổn định tài chính sẽ phụ thuộc vào khả năng của đất nước đi trước một bước so với sự phá giá tiền pháp định.

## An ninh

Các khía cạnh an ninh tạo thành một lõi trọng yếu của tự chủ chiến lược. Ấn Độ đối phó với các mối đe dọa dọc theo các đường biên giới và tuyến thương mại hàng hải đang tranh chấp bằng cách củng cố các năng lực quốc phòng bản địa và duy trì một hệ thống hợp tác an ninh quốc tế linh hoạt. Nga, Pháp, Hoa Kỳ, Israel, Đức và một số đối tác khu vực sẽ tiếp tục là những đối tác quan trọng trong ma trận hợp tác an ninh của Ấn Độ.

Việc hợp tác phát triển và sản xuất phần cứng quốc phòng, các hoạt động kỹ thuật - quân sự chung, cùng với việc chia sẻ Nghiên cứu và Phát triển (R&D) trong các lĩnh vực mục tiêu đã được chứng minh là có ý nghĩa quan trọng về mặt tài chính, công nghệ và chiến lược đối với tất cả các bên tham gia. Bằng cách tập trung vào khả năng tương tác trong các lĩnh vực cụ thể, Ấn Độ chống lại áp lực phải gia nhập các liên minh quân sự chính thức, thay vào đó nước này ưu tiên hợp tác theo từng khu vực, tiến hành các cuộc tập trận chung và chia sẻ thông tin tình báo mà không bị trói buộc bởi các nghĩa vụ hiệp ước.

Sự tự chủ hạt nhân được bảo tồn thông qua học thuyết không sử dụng vũ khí hạt nhân trước tiên, các năng lực tấn công đáp trả vững chắc và việc từ chối các đảm bảo an ninh từ bên ngoài. Nhìn chung, Ấn Độ trở thành một đối tác đáng tin cậy, hoạt động trong khuôn khổ của chính sách đặt Ấn Độ lên hàng đầu, nhưng đồng thời mang lại lợi ích cho các đối tác quốc phòng và công nghệ của mình. Vị trí địa lý đóng vai trò then chốt khi xem xét đến vai trò ngày càng lớn của đất nước với tư cách là một nhà cung cấp an ninh ở Khu vực Ấn Độ Dương. Việc khéo léo quản lý cùng lúc nhiều mối quan hệ quốc tế giúp mở rộng tập hợp các lợi ích đan xen mà các thành viên của những khối thù địch truyền thống có khả năng tìm thấy ở Ấn Độ.

Quá trình hiện đại hóa quốc phòng - vốn khởi đầu từ các hoạt động nhập khẩu quy mô lớn, thường là từ một nguồn duy nhất - sẽ ngày

càng phụ thuộc nhiều hơn vào đổi mới sáng tạo và ứng dụng các trang thiết bị nội địa. Quan niệm cho rằng Ấn Độ sẽ mãi lệ thuộc vào nhập khẩu trong nhiều thập kỷ tới hoàn toàn không phù hợp với bản chất thích ứng linh hoạt trong tự chủ chiến lược của nước này. Ngân sách quốc phòng hàng năm dự kiến sẽ chạm ngưỡng 170 tỷ USD vào năm 2035 và 350 tỷ USD vào năm 2045.

Một tỷ trọng ngày càng lớn trong ngân sách này sẽ được phân bổ cho phần cứng, R&D và thử nghiệm. Để đảm bảo khoản chi tiêu này duy trì được tính bền vững cả về mặt kinh tế lẫn chiến lược, mục tiêu dài hạn là tự chủ sản xuất tất cả các nền tảng, hệ thống và hệ thống con thiết yếu ở trong nước, khai thác triệt để tài sản trí tuệ nội địa. Việc triển khai phần cứng này ở quy mô lớn và tham gia vào thị trường xuất khẩu sẽ giúp tiết giảm chi phí và mang lại nguồn thu.

Song song với việc hiện đại hóa, việc cắt giảm các mắt xích phụ thuộc là một hành trình mà New Delhi luôn hoan nghênh các nhà cung cấp uy tín và đối tác công nghệ tham gia nắm bắt các cơ hội tài chính trong một khoảng thời gian xác định. Cùng lúc đó, khả năng tương tác có khả năng sẽ vẫn là một chủ đề xuyên suốt, đóng vai trò mỏ neo cho hợp tác quốc phòng quốc tế. New Delhi đặt trọng tâm đặc biệt vào tự do hàng hải và thương mại cho tất cả các quốc gia, và thông qua mạng lưới đối tác quốc phòng toàn cầu, nước này có thể đóng góp vào việc củng cố cấu trúc an ninh của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Công nghệ lưỡng dụng và phi quân sự đang nhanh chóng trở thành yếu tố then chốt đối với an ninh quốc gia. Các nền tảng truyền thông xã hội, công nghệ không gian, trung tâm dữ liệu, hệ thống liên lạc thế hệ mới, chất bán dẫn, linh kiện điện tử, các mô hình Trí tuệ Nhân tạo (AI) và hệ thống lượng tử nổi bật lên như những lĩnh vực mà Ấn Độ đang từng bước tìm kiếm sự tự chủ. Quyền kiểm soát có chủ quyền đối với những gì một số người có thể gọi là "chuỗi cung ứng kỹ thuật số" cũng quan trọng không kém một hệ sinh thái phần cứng bản địa, toàn diện phục vụ cho các nhu cầu trong nước.

Khi các chuỗi cung ứng điều chỉnh theo xu hướng đẩy mạnh sản xuất trong nước, đưa sản xuất về nước và sản xuất tại các quốc gia thân thiện, Ấn Độ ưu tiên hợp tác quốc tế dựa trên nền tảng thương mại công bằng, đôi bên cùng có lợi và sự gia tăng đều đặn giá trị gia tăng nội địa. Phản ánh các xu hướng toàn cầu, các chính sách công nghiệp tất yếu sẽ bám sát để tiếp sức cho cả hoạt động đổi mới sáng tạo lẫn việc xây dựng quy mô trong các lĩnh vực có tầm quan trọng chiến lược.

## Ngoại giao

Ngoại giao dưới lăng kính tự chủ chiến lược đóng vai trò cân bằng các mối quan hệ. Nó đảm bảo rằng các đối tác thấu hiểu cả cách tiếp cận can dự theo mô-đun lẫn hướng đi của Ấn Độ trong việc xây dựng một hệ thống đa phương được cải tổ. Đơn cử, sự tham gia mang tính không ràng buộc của Ấn Độ trong Bộ Tứ (Quad) được đối trọng bởi vai trò tích cực trong BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), đồng thời được bổ trợ bởi sự can dự trong G20 và một số nhóm khu vực khác.

Đồng thời, các mối quan hệ song phương với một số quốc gia thành viên giúp tinh chỉnh và tối ưu hóa các mối quan hệ vì lợi ích chung. Do đó, phạm vi và chiều sâu trong hoạt động tiếp cận ngoại giao của New Delhi sẽ ngày càng mở rộng khi tập hợp các kết quả thực tế ngày một phong phú, tương xứng với quy mô kinh tế, năng lực và lộ trình phát triển kỳ vọng của đất nước. Đáng chú ý, Ấn Độ hướng tới mục tiêu xây dựng một sự đồng thuận quốc tế rộng rãi cho công cuộc cải tổ các thể chế toàn cầu.

Điều này bao gồm việc mở rộng Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đảm bảo sự công bằng của Tổ chức Thương mại Thế giới đối với Phương Nam Toàn cầu, và khoét sâu các mối liên kết giữa các quốc gia G20, tất cả đều nhằm hướng tới một sự tái cấu trúc đa cực mang tính đa nguyên. Những gì đôi khi bị coi là sự mơ hồ

chiến lược đối với các vấn đề gây tranh cãi (bao gồm cả các cuộc xung đột vũ trang giữa các bên thứ ba) không phải là một phản ứng tự phát nhằm đáp trả lại thái độ xem nhẹ mà một số thành viên cộm cán trong cộng đồng quốc tế thể hiện đối với các mối quan tâm an ninh của chính Ấn Độ.

Thay vào đó, đây là nỗ lực tái định nghĩa ngoại giao nhằm giảm thiểu rủi ro trên tất cả các mặt trận trọng yếu trong quan hệ quốc tế của Ấn Độ. Điều này cho phép New Delhi bảo vệ lợi ích quốc gia trong khi vẫn duy trì được đòn bẩy đàm phán. Theo dự báo, năng lực ngoại giao của quốc gia sẽ được bành trướng khi những phức tạp của thế đa cực và đa liên kết mang những hình thái mới.

## Các hệ quả tác động phái sinh và Thách thức

Trong thời kỳ tiến tới giữa thế kỷ, Ấn Độ sẽ định vị bản thân như nhà cung cấp an ninh cốt lõi và đối tác phát triển chính trải dài từ Đông Phi đến Đông Nam Á. Điều này sẽ cung cấp một lộ trình phát triển thay thế và ổn định so với những gì Trung Quốc đang chào mời thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường. Nó hướng tới việc hỗ trợ các quốc gia thuộc Phương Nam Toàn cầu có cơ hội để phòng ngừa rủi ro, và trong khả năng giới hạn của họ, thực thi tính tự chủ chiến lược.

Điều này sẽ củng cố chiến lược lấy khu vực láng giềng làm ưu tiên của Ấn Độ, tập trung vào kết nối, chấn hưng giao lưu văn hóa và tái thiết các tuyến đường thương mại Châu Á phản ánh đúng hơn sự hiện diện ngày càng lớn
mạnh của Ấn Độ tại giao lộ giữa Tây và Đông Á. Do hệ thống lợi ích chằng chịt đang hiện hữu trong khu vực và các nơi khác, một nền ngoại giao khéo léo sẽ là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính bền vững cho mục tiêu này. Các quốc gia phát triển đầu tư vào một nỗ lực hợp tác
với Ấn Độ trong việc tài trợ và xây dựng năng lực trên toàn khu vực có thể đóng góp vào việc thiết lập luật chơi và từ đó, mang lại sự ổn định khu vực.

Con đường vươn tới mục tiêu này đòi hỏi phải điều hướng các mối quan hệ khu vực và toàn cầu vốn thường xuyên căng thẳng. Khi các đòi hỏi khu vực xung đột với định hướng cân bằng toàn cầu của Ấn Độ, năng lực ngoại giao của New Delhi phải đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc.

Ở cấp độ vĩ mô, cách tiếp cận phòng ngừa chiến lược của Ấn Độ đang thách thức các kỳ vọng của các cường quốc toàn cầu, đặc biệt là mong muốn của Washington về một sự liên kết và phụ thuộc quốc phòng chặt chẽ hơn, trong khi vẫn ngăn chặn kịch bản Moscow và Bắc Kinh coi New Delhi như một đồng minh rõ ràng của phương Tây. Sự phòng ngừa như vậy giúp Ấn Độ tối đa hóa các lợi ích giao dịch từ các cường quốc đang cạnh tranh, nhưng điều này có thể dẫn đến những cọ xát ngoại giao, như đã được minh chứng qua các phản ứng trái chiều đối với cuộc chiến tranh Nga - Ukraine và các xung đột khu vực ở Châu Á, bao gồm cả ở tiểu lục địa Ấn Độ.

Chìa khóa giải quyết nằm ở việc phát triển thần tốc các năng lực quốc nội. Điều này giúp cắt giảm sự lệ thuộc và bồi đắp các mối quan hệ song phương cân bằng. Tuy nhiên, những rào cản ở đây là không nhỏ. Việc đổi mới công nghệ, kiến tạo nguồn vốn và phát triển vốn nhân lực đều cần thời gian để đạt độ chín
muồi. Trong khi đó, ngay cả khi đa liên kết giúp mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài cho Ấn Độ, những cọ xát thương mại dai dẳng với một số đối tác phương Tây và phương Đông vẫn đặt ra những rủi ro cho quá trình tăng trưởng kinh tế bền vững. Các công cuộc cải cách trong nước bao gồm nông nghiệp, hệ thống quan liêu và đất đai có thể nâng cao hiệu quả và năng suất, từ đó khai mở những đại lộ mới cho sự tăng trưởng.

Tuy nhiên, các hạn chế về chính trị có thể cản trở tiến trình cải cách. Hậu quả là, khả năng xoay sở trong chính sách đối ngoại có thể phải đối mặt với những giới hạn nghiêm trọng. Mặc dù nỗ lực tự chủ chuỗi cung ứng và năng lực

công nghệ bản địa của Ấn Độ là một chiến lược xây dựng khả năng phục hồi, nó cũng có thể làm chậm lại quá trình hội nhập của khu vực công nghệ cao nếu thiếu vắng sự tham gia sâu rộng hơn từ các đối tác bên ngoài. Việc điều hướng qua những thách thức này sẽ là phép thử đối với quyết tâm của New Delhi, sự nhạy bén của các nhà lãnh đạo khu vực ở cấp bang, và tốc độ thực thi kế hoạch của bộ máy quan liêu.

Theo thời gian, tự chủ chiến lược của Ấn Độ có tiềm năng định hình lại các mô hình đối tác toàn cầu, cung cấp một khuôn mẫu cho tương lai của chủ nghĩa đa phương trong một thế giới mà trọng tâm kinh tế đang dịch chuyển từ Bắc Đại Tây Dương sang Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Bằng cách cự tuyệt các liên minh mang tính trò chơi có tổng bằng không, Ấn Độ có thể châm ngòi cho những hình thái ngoại giao liên minh mới, đặc biệt là giữa các cường quốc tầm trung.

Nhu cầu dân chủ hóa các thể chế toàn cầu và tham gia thiết lập luật chơi cho các công nghệ thế hệ mới sẽ ngày càng khốc liệt, dẫn đến sự gia tăng va chạm với các cường quốc muốn duy trì nguyên trạng, nhưng đồng thời cũng tạo ra cơ hội hợp tác với các chủ thể mới nổi. Sự tham gia vào các liên minh theo mô-đun,
dựa trên từng vấn đề cụ thể sẽ nở rộ, tuy nhiên những cam kết chồng chéo và đôi khi mâu thuẫn lẫn nhau có thể thu hút những chỉ trích hoặc hoài nghi về độ tin cậy, tính nhất quán và sự bền vững.

Sự đa chiều trong các hoạt động can dự đòi hỏi kỹ năng quản lý linh hoạt. Nguy cơ dàn trải quá mức là có thật nếu các cam kết mâu thuẫn khiến các liên minh đối địch tạo sức ép vật chất buộc Ấn Độ phải ngả về một phía. Việc có
khả năng bị từ chối tiếp cận các công nghệ cốt lõi, các kênh ngân hàng toàn cầu, các cơ hội thương mại và các tuyến hàng hải, vẫn luôn là những mối lo ngại thường trực. Những rủi ro này sẽ bị khuếch đại nếu đà tăng trưởng của Ấn Độ chững lại, các xung đột giữa phương

Tây và trục Nga-Trung lên đến đỉnh điểm trước khi Ấn Độ đạt được khối lượng kinh tế tới hạn, và các cải cách trong nước bị đình trệ.

Việc các cường quốc theo đuổi vị thế bá quyền ở cấp khu vực và toàn cầu đã tàn phá nghiêm trọng các quy tắc giao thiệp truyền thống, làm suy đồi các nghi thức ngoại giao và xói mòn niềm tin. Việc phòng ngừa trước xu hướng này bằng cách xây dựng các năng lực an ninh tự chủ rất có thể sẽ tạo động lực cho các hoạt động đổi mới sáng tạo trong nước. Về dài hạn, điều này có thể thay đổi một cách căn bản cấu trúc an ninh toàn cầu bằng cách đặt Ấn Độ trở thành một cực trong thế giới đa cực. Các chính sách hạt nhân, các sáng kiến phòng thủ không gian mạng và tham vọng không gian của Ấn Độ sẽ góp phần tăng cường năng lực răn đe và ảnh hưởng chiến lược; nhưng sự gia tăng mức
độ phức tạp trong việc quản lý mối đe dọa, đặc biệt là trong chiến tranh vùng xám có sử dụng công nghệ và các xung đột ủy nhiệm, sẽ là bài kiểm tra khả năng thích ứng ngoại giao của New Delhi cũng như tính chuẩn xác trong việc ứng dụng các hệ thống nội địa.

## Một hệ chuẩn đang tiến hóa

Sự giao thoa giữa công nghệ, thương mại và tài chính sẽ là yếu tố quyết định những hạn chế và cơ hội dành cho cả các cường quốc lớn và các quốc gia đang phát triển. Trong bối cảnh nợ công toàn cầu chạm ngưỡng kỷ lục và các quốc gia phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số, áp lực phải giải phóng các lực lượng sản xuất mới đang gia tăng với tốc độ chóng mặt. Sự mất cân đối trong thương mại phần nào có thể được giải quyết bằng tự động hóa sản xuất và Trí tuệ Nhân tạo.

Tuy nhiên, khả năng tiếp cận tài nguyên thiên nhiên sẽ trở thành một nút thắt cổ chai lớn. Khi thế giới chuyển mình và Ấn Độ lớn mạnh, các đường nét trong tự chủ chiến lược của quốc gia này sẽ tiến hóa. Để đạt được mức tăng trưởng cao từ nền tảng GDP tuyệt đối vốn đã lớn trong tương lai, việc duy trì khả năng xoay sở trên trường quốc tế trở thành một mệnh

lệnh quốc gia. Điều này có thể đạt được bằng cách tối đa hóa các năng lực quốc nội.

Nhiều năng lực trong số này có thể được bồi đắp thông qua các mối quan hệ hình thành từ nhu cầu phòng ngừa chiến lược của các quốc gia khác. Rốt cuộc, cái thời của tư duy "với chúng tôi hay chống lại chúng tôi" đã hết hạn sử dụng. Sự tập trung cao độ sẽ tiếp tục được duy trì vào việc bảo vệ các tuyến giao thương, hợp tác phát triển công nghệ quốc phòng và sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng hóa ổn định và kiến tạo một đồng tiền được quốc tế hóa.

Nhìn về tương lai, các nhà hoạch định chính sách sẽ không ngừng tinh chỉnh học thuyết này, cân bằng giữa tính tự chủ với các quan hệ đối tác, và giữa lợi ích quốc gia với trách nhiệm toàn cầu. Những thách thức phía trước là vô cùng to lớn - từ sự phức tạp của các kỳ vọng toàn cầu, hàng loạt hạn chế về năng lực nội tại cho đến những đứt gẫy địa chính trị mang tính xáo trộn - nhưng hệ logic nâng đỡ tự chủ chiến lược vẫn vô cùng vững chắc và giữ vai trò
trung tâm đối với quỹ đạo tăng trưởng của Ấn Độ cũng như sự ổn định của thế giới.

# LẬP LUẬN CHO TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC

**Amitabh Kant**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo G20 ở New Delhi vào ngày 9 tháng 9 năm 2023. | PTI.*

## Lời mở đầu

**Thế giới ngày nay mang đặc trưng là sự bất định và phân mảnh sâu sắc. Các liên minh cũ đang rạn nứt ngay tại thời điểm những cuộc xung đột mới bùng phát; quản trị toàn cầu rơi vào trạng thái yếu ớt nhất đúng vào lúc sự hợp tác trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Một trật tự thế giới đa cực đang chứng kiến Hoa Kỳ tự nguyện nhường lại không gian với học thuyết Nước Mỹ trên hết. Các thể chế được xây dựng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chẳng hạn như Liên hợp quốc và các thể chế Bretton Woods như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB), đang phải chật vật ứng phó với cuộc đa khủng hoảng mà thế giới phải đối mặt ngày nay.**

Kể từ cuộc Cách mạng công nghiệp, công nghệ luôn là động lực chính của sự tiến bộ khi những đột phá công nghệ, từ máy kéo sợi *jenny* và máy dệt cơ khí cho đến động cơ hơi nước và đường sắt, đã định hình lại căn bản
nền sản xuất, xã hội và cấu trúc quyền lực toàn cầu. Ngày nay, chúng ta đang ở sâu trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hướng tới Công nghiệp 5.0, với các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán lượng tử, chất bán dẫn và công nghệ sạch đang làm thay đổi cách chúng ta sống và làm việc. Cũng như trước đây, việc kiểm soát các công nghệ này là một cuộc
giằng co địa chính trị, khi các quốc gia đổ hàng tỷ đô la vào việc bảo đảm chủ quyền công nghệ.




*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng các bộ trưởng và giám đốc điều hành ngành bán dẫn toàn cầu tại Triển lãm SEMICON Ấn Độ 2025 vào ngày 3 tháng 9 năm 2025. | @narendramodi/X.*

Làm trầm trọng thêm những bất định này là mối đe dọa cận kề và đáng lo ngại của biến đổi khí hậu. Mặc dù Hội nghị các bên tham gia

Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 30 (COP 30) tại Brazil đã nhất trí tăng gấp ba lần mức tài chính khí hậu, thế giới vẫn còn cách rất xa mục tiêu giới hạn mức nóng lên toàn cầu ở 2,0 độ C so với mức tiền

công nghiệp, chứ chưa nói đến mức 1,5 độ C. Thế nhưng, các chuỗi cung ứng công nghệ sạch vẫn bị chi phối bởi một vài quốc gia. Chỉ riêng Trung Quốc đã chiếm tới 80% hoạt động chế biến khoáng sản thiết yếu và sản xuất pin mặt trời toàn cầu, cùng khoảng 70% hoạt động sản xuất pin lưu trữ. Sự kiểm soát đối với các công nghệ này, cũng như các chuỗi cung ứng nâng đỡ chúng, đang đe dọa làm tổn hại đến quá trình chuyển đổi năng lượng sạch.

## Tại sao Ấn Độ cần tự chủ chiến lược?

Một thập kỷ trước, Ấn Độ từng bị xếp vào nhóm năm nền kinh tế mong manh, một thuật ngữ dùng để chỉ các quốc gia có nền tảng kinh tế vĩ mô thiếu vững chắc. Ngày nay, Ấn Độ là nền kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới và là một ốc đảo ổn định giữa những biến động toàn cầu. Dựa trên nền tảng tăng trưởng kinh tế bao trùm, những tiến bộ về cơ sở hạ tầng công kỹ thuật số, hành động khí hậu và việc đặt lợi ích của khu vực phương Nam toàn cầu lên hàng đầu, Ấn Độ đã tái xuất hiện như một chủ thể trung tâm trong trật tự toàn cầu. Ấn Độ đang làm cầu nối cho lợi ích giữa phương Bắc và phương Nam toàn cầu, định vị mình là một đối tác đáng tin cậy của cả thế giới phát triển lẫn đang phát triển.

Khi thế giới trở nên khó đoán định hơn, nhu cầu về một học thuyết giúp bảo toàn quyền ra quyết định có chủ quyền của Ấn Độ, đồng thời cho phép theo đuổi các mục tiêu kinh tế và công nghệ đầy tham vọng, lại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Trong lịch sử, Ấn Độ luôn tìm cách duy trì quyền tự chủ trong quan hệ đối ngoại. Với tư cách là thành viên sáng lập của Phong trào Không liên kết (NAM), Ấn Độ cùng các quốc gia như Ai Cập và Nam Tư đã nỗ lực
bảo vệ nền độc lập và chủ quyền của các quốc gia mới giành độc lập trong kỷ nguyên Chiến tranh Lạnh.

Ý tưởng đằng sau Phong trào Không liên kết là không chọn phe và không để bị cuốn vào các khối khác nhau. Thực vậy, tự chủ chiến lược đã được hàm chứa bên trong Phong trào Không liên kết. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta đang đưa khái niệm này tiến xa hơn. Tự chủ chiến lược là năng lực của chúng ta trong việc đưa ra các quyết định nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia, đồng thời xây dựng các mối quan hệ đối tác sâu sắc và đa dạng mà không cho phép bất kỳ quốc gia hay khối đơn lẻ nào gây ảnh hưởng hoặc áp đặt lên các lợi ích kinh tế, công nghệ hay địa chính trị của chúng ta.

Môi trường toàn cầu hiện nay khiến tự chủ chiến lược không chỉ đơn thuần là điều đáng mong muốn, mà đã trở thành yếu tố thiết yếu. Tự chủ chiến lược trải rộng trên các lĩnh vực kinh tế, năng lượng, công nghệ và địa chính trị. Tự chủ kinh tế đòi hỏi các mối quan hệ thương mại ổn định, một lĩnh vực sản xuất có sức cạnh tranh và các chuỗi cung ứng có khả năng chống chịu. Trong một thế giới nơi thuế quan đang bị vũ khí hóa và các biện pháp kiểm soát xuất khẩu đang bóp nghẹt thương mại, tự chủ kinh tế ngày càng trở nên quan trọng.

Tự chủ công nghệ cũng giữ vai trò không thể thiếu. Trí tuệ nhân tạo, chất bán dẫn, điện toán lượng tử và khoáng sản thiết yếu hiện đang là nền tảng cho an ninh quốc gia, năng suất và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Việc xây dựng năng lực trong những lĩnh vực tiên phong này là điều thiết yếu không phải để tự cô lập, mà nhằm bảo đảm Ấn Độ không trở thành một thuộc địa công nghệ của phương Tây hay Trung Quốc.

Tự chủ năng lượng đã mở rộng về phạm vi, vượt ra ngoài dầu mỏ để bao hàm cả pin mặt trời, pin lưu trữ, khoáng sản thiết yếu và máy điện phân. So với chính sách không liên kết trước đây, tự chủ chiến lược giờ đây không còn là việc đứng ngoài các liên kết. Đó là quyền tự do và năng lực kiến tạo một con đường độc lập, đồng thời hợp tác toàn cầu để nâng cao năng lực quốc gia của chúng ta.

## Những biểu hiện không phải là Tự chủ chiến lược

Đồng thời, điều cốt yếu là phải hiểu rõ thế nào thì không phải là tự chủ chiến lược. Thứ nhất, tự chủ chiến lược không phải là chủ nghĩa biệt

lập. Sự tăng trưởng, tiến bộ công nghệ và vai trò lãnh đạo toàn cầu của Ấn Độ đều phụ thuộc vào sự can dự quốc tế. Tầm nhìn của chúng ta nhằm hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu, cạnh tranh tại các thị trường mới và mở ra một con đường mới cho quản trị toàn cầu sẽ không thể đạt được thông qua chủ nghĩa biệt lập. Tự chủ chiến lược cũng không phải là sự trung lập.

> **Trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20 của Ấn Độ, Thủ tướng Narendra Modi đã triệu tập Hội nghị thượng đỉnh Tiếng nói phương Nam toàn cầu vì một lý do rõ ràng. Lời hứa của chúng ta với các quốc gia phương Nam toàn cầu là trong nhiệm kỳ Chủ tịch G20 của Ấn Độ, chúng ta sẽ khuếch đại tiếng nói của họ và đưa những mối quan tâm của họ lên vị trí hàng đầu trong quản trị toàn cầu. Và chúng ta đã thực hiện cam kết đó một cách mạnh mẽ nhất, thông qua việc kết nạp Liên minh châu Phi trở thành thành viên thứ 21 của G20.**

Ngay cả trong các cuộc đàm phán về khí hậu tại hội nghị COP, Ấn Độ luôn nhất quán đưa ra các lập trường rõ ràng, đàm phán có mục tiêu nhằm bảo đảm các nước phát triển phải thực hiện nghĩa vụ của mình về tài chính khí hậu và chuyển giao công nghệ.

Tự chủ chiến lược cũng không phải là một hóa thân của phong trào không liên kết. Ấn Độ làm việc chặt chẽ với hàng loạt đối tác, từ Hoa Kỳ đến Nga, Nhật Bản đến Trung Quốc, và từ châu Phi đến châu Âu. Việc theo đuổi tự chủ chiến lược cho phép Ấn Độ thúc đẩy các mối quan hệ đa dạng này. Nằm ở cốt lõi của tự chủ chiến lược là sự hợp tác, cho phép Ấn Độ thiết lập các mối quan hệ đối tác hiệu quả và cùng có lợi.

Tự chủ chiến lược đã tạo điều kiện cho sự ổn định của Ấn Độ. Chẳng hạn, vào năm 2022, ở thời điểm đỉnh cao của cuộc chiến Nga - Ukraine, Ấn Độ đã đưa ra các quyết định độc lập về an ninh năng lượng, qua đó ngăn chặn một cú sốc giá năng lượng sâu sắc và kéo dài hơn. Điều này không chỉ giúp ổn định thị trường toàn cầu mà còn góp phần kiềm chế lạm phát một cách mạnh mẽ. Tương tự như vậy, vai trò dẫn dắt của chúng ta trong cơ sở hạ tầng công kỹ thuật số (DPI), với mã nguồn mở và khả năng tương tác là cốt lõi, đã mang lại một giải pháp thay thế cho các cấu trúc kỹ thuật số độc quyền và tập trung của phương Tây.

Thông qua nhiệm kỳ Chủ tịch G20, Ấn Độ đã cam kết chia sẻ cơ sở hạ tầng công kỹ thuật số với thế giới đang phát triển, thúc đẩy tầm nhìn về sự bao trùm kỹ thuật số giúp củng cố khả năng chống chịu toàn cầu. Việc Ấn Độ theo đuổi tự chủ chiến lược mang ý nghĩa vượt xa khỏi biên giới quốc gia. Trong kỷ nguyên của các khối công nghệ cạnh tranh, chuỗi cung
ứng phân mảnh và áp lực khí hậu, một nước Ấn Độ tự tin và tự chủ sẽ đóng góp vào hàng hóa công toàn cầu, khuếch đại tiếng nói của khu vực phương Nam toàn cầu và mở rộng phạm vi các giải pháp hiện có cho thế giới.

Trong thế giới đầy biến động này, một quốc gia có quy mô và tham vọng như Ấn Độ phải giữ vững khả năng theo đuổi tăng trưởng, bảo đảm công nghệ và điều hướng qua các đường đứt gãy địa chính trị theo những điều kiện của
riêng mình. Tự chủ chiến lược cung cấp khuôn khổ để thực hiện điều đó. Do vậy, tự chủ chiến lược của chúng ta không phải là một lập trường phòng thủ kế thừa từ kỷ nguyên trước. Đó là học thuyết của một quốc gia tự tin, tìm cách định hình thay vì chỉ đơn thuần điều hướng trong trật tự thế giới đang nổi lên.

Khi những bất định toàn cầu ngày càng sâu sắc, từ sự phân đôi công nghệ và vũ khí hóa chuỗi cung ứng cho đến áp lực khí hậu và sự mong manh của các thể chế, năng lực đưa ra các quyết định độc lập dựa trên lợi ích của Ấn Độ sẽ giữ vai trò trung tâm đối với sự trỗi dậy về kinh tế và ảnh hưởng địa chính trị của đất nước. Tự chủ chiến lược cho phép Ấn Độ tiếp tục là cầu nối giữa các khối cạnh tranh, một lực

lượng ổn định trong một thế giới rạn nứt và một tiếng nói đáng tin cậy cho khu vực phương Nam toàn cầu. Nó cho phép Ấn Độ theo đuổi các mối quan hệ đối tác mà không bị phụ thuộc, cạnh tranh mà không thù địch, và hội nhập toàn cầu mà không thỏa hiệp về chủ quyền.

## Kết luận

Hoàn toàn không hề lỗi thời, thuật ngữ "tự chủ chiến lược" đã nắm bắt trọn vẹn bản chất của chính sách đối ngoại đương đại của Ấn Độ: một sự cam kết đối với việc ra quyết định có chủ quyền, hợp tác toàn cầu và xây dựng năng lực quốc gia. Khi Ấn Độ tiến tới mục tiêu dài hạn là trở thành một *Viksit Bharat* (Ấn Độ phát triển), tự chủ chiến lược phải tiếp tục là nền tảng
vững chắc trong sự can dự của đất nước với thế giới.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TRONG THỰC TIỄN: CHUỖI CUNG ỨNG, CÔNG NGHỆ VÀ QUYỀN LỰC

**Ashok Malik**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi hội kiến Thủ tướng Nhật Bản Shigeru Ishiba tại Nhật Bản vào ngày 30 tháng 8 năm 2025. | @PMOIndia/X.*

## Lời mở đầu

Bản tính con người luôn khao khát sự giản đơn. Điều này đúng trong đời sống thường nhật, và cũng hoàn toàn đúng đối với các hiện tượng phức tạp như chính sách đối ngoại của một quốc gia. Ngay cả những học giả dày dạn kinh nghiệm cũng luôn tìm cách tinh giản nó thành một khẩu hiệu súc tích hay một dòng ngắn gọn. Thông thường, những định danh này tự khoác lên mình một lớp màn huyền thoại. Việc kiến giải chúng trở thành một ngành công nghiệp nở rộ, lôi cuốn giới nghiên cứu và các nhà thực hành các vấn đề chiến lược trên khắp thế giới.

Đôi khi, mối tương quan giữa khẩu hiệu và hành động hay chính sách kỳ vọng diễn ra tương đối rõ ràng. Chẳng hạn, tại một giai đoạn lịch sử nhất định, nước Anh đã thực thi chính sách "Sự cô lập huy hoàng". Chính sách này đòi hỏi Anh hướng tới các mục tiêu nội địa và mục tiêu đế chế xa xôi, đồng thời đứng ngoài vũ đài chính trị châu Âu đầy phức tạp và hao tổn. Trong thế giới đương đại, khẩu hiệu "Nước Mỹ trên hết" hay "Làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại" có thể được hiểu như một nỗ lực lạnh lùng nhằm bảo vệ trật tự tôn ti về quân sự, kinh tế và công nghệ của Hoa Kỳ, bất kể cái giá mà hệ thống quốc tế phải gánh chịu.

Đối với trường hợp của Trung Quốc, mong muốn của nước này là định hình một trật tự thế giới được quyết định bởi sức mạnh tổng hợp quốc gia và các điểm nghẽn công nghệ mang tính bóp nghẹt. Song song với đó là việc xác lập vị thế bá quyền tại các không gian địa lý cụ thể - vùng biển láng giềng tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và vùng nội địa phía Tây thuộc lục địa Á – Âu. Đối với Nga, và trên thực

tế đối với cả Thổ Nhĩ Kỳ, mục tiêu là giành lại không gian địa chính trị hoặc lãnh thổ theo quan niệm truyền thống và tái lập vùng ảnh hưởng vốn đang bị thách thức bởi các cường quốc mới nổi khác. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa chủ nghĩa phục thù và chủ nghĩa phục hồi lãnh thổ lịch sử, cùng với việc vận dụng cả chiều sâu quân sự lẫn các công cụ kinh tế - công nghiệp. Dù theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực, điều này cũng khiến tư duy của Moskva và Ankara bị ví như các nhánh chiến lược đại quy mô của các đế chế mà những thủ đô này được thừa hưởng.

## Trung lập, Không liên kết, Tự chủ Chiến lược & Đa liên kết

Vậy Ấn Độ nằm ở đâu trong bức tranh này? Cũng như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nga, Ấn Độ là một cường quốc tầm lục địa, sở hữu quy mô rộng lớn, các nguồn dự trữ nội tại dồi dào và các mối quan hệ đan xen phức tạp với nhiều quốc gia láng giềng khác nhau. Bên cạnh những thế mạnh, Ấn Độ cũng đối mặt với nhiều bất lợi. Có thể lập luận rằng Ấn Độ có một môi trường láng giềng đầy thách thức hơn hẳn các cường quốc khác. Những khoảng cách về kinh tế và trình độ phát triển - đặc biệt khi xét tới quy mô dân số khổng lồ - lại càng sâu sắc hơn.

Cụm từ được sử dụng phổ biến nhất hiện nay để mô tả học thuyết đối ngoại của Ấn Độ là "tự chủ chiến lược". Nhiều danh xưng khác cũng từng được sử dụng: "không liên kết" (trong quá khứ); "đa liên kết" (như một sự mô tả phiên bản nâng cấp của không liên kết, gắn với đa dạng hóa quan hệ đối tác); và "trung lập" (chủ yếu

áp dụng cho các sự kiện cụ thể).

Những thuật ngữ này biểu đạt điều gì trong thế giới thực? Bốn khái niệm này hiển nhiên mang ý nghĩa khác biệt. Nếu chúng đồng nhất và chỉ cùng một bản chất, người ta đã không cần phải trăn trở hay kiên trì nghiên cứu các biểu hiện cụ thể của từng khái niệm. Không còn nghi ngờ gì, giữa chúng tồn tại một nền tảng tư duy cốt lõi chung - đó là mệnh lệnh chính trị nhằm giành lấy không gian tối ưu hóa các mối quan hệ ngoại giao phục vụ tiến trình phát triển kinh tế của Ấn Độ. Tập hợp các tiền đề được định lượng và chuẩn mực đó đã định hình phương thức triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ kể từ ngày giành độc lập.

> **"Bất chấp những khác biệt về lập trường chính trị đảng phái, các nguyên tắc và nền tảng căn bản chi phối cơ quan hoạch định đối ngoại tại Khối Nam (South Block - Tòa nhà Chính phủ Ấn Độ) vẫn duy trì một sự tiếp nối liên tục đáng kinh ngạc từ kỷ nguyên Nehru sang thời đại Modi. Thực tế, bức tranh địa chính trị mà hai nhà lãnh đạo chiêm nghiệm khi nhìn vào thế giới của Ấn Độ trong các thời kỳ tương ứng có nhiều điểm tương đồng hơn những gì mà nhiều người vẫn nghĩ."**

Tuy nhiên, "tính trung lập" và "không liên kết" ở một phía, đối sánh với "tự chủ chiến lược" và "đa liên kết" ở phía bên kia, chắc chắn có sự khác biệt rõ rệt về sắc thái ngữ nghĩa. Chính sách không liên kết được kiến tạo trong thời kỳ Ấn Độ cảnh giác cao độ trước nguy cơ bị lôi kéo vào các cuộc xung đột toàn cầu sâu sắc hơn. Bối cảnh lịch sử khi đó là hai cuộc chiến tranh châu Âu trong cùng một thế hệ đã bùng phát thành các cuộc Chiến tranh Thế giới. Một bối cảnh bổ sung khác là sự mở đầu của Chiến tranh Lạnh cùng kỷ nguyên của các cuộc chiến tranh ủy nhiệm do Hoa Kỳ và Liên Xô thúc đẩy.

Rõ ràng, những hạn chế của chính sách không liên kết thụ động - khi không đi kèm năng lực tự cường và các mối quan hệ an ninh bền vững trong mọi hoàn cảnh - đã bộc lộ trong cuộc xung đột năm 1962. Đó là một thực tế thức tỉnh đòi hỏi phải đổi mới công cụ và biện pháp triển khai, đồng thời tái xác nhận tính chính đáng của các giá trị và mục tiêu theo đuổi.
Trên thực tế, sự can dự thận trọng và có chủ đích với môi trường bên ngoài tại một bước ngoặt đầu thời kỳ lập quốc không phải là điều chỉ riêng có ở Ấn Độ.

Bức thông điệp từ nhiệm gửi tới nhân dân Hoa Kỳ của Tổng thống George Washington vào tháng 9 năm 1796 thực chất là một luận thuyết về chính sách không liên kết và quyền tự chủ chiến lược. Bức thư cảnh báo chống lại việc "đan kết số phận của chúng ta với bất kỳ phần nào của châu Âu, để rồi làm vướng bận nền hòa bình và thịnh vượng của chúng ta vào những mạng lưới tham vọng, kình địch, lợi ích hay sự thất thường của châu Âu". Bản thông điệp chủ trương tránh "các liên minh vĩnh viễn với bất kỳ khu vực nào của thế giới bên ngoài". Trong những năm đầu của Liên bang Xô viết, cuộc tranh luận tư tưởng giữa đường lối "Cách mạng không ngừng" và "Chủ nghĩa xã hội trong một quốc gia" cũng có thể được nhìn nhận qua lăng kính tương tự.

Liệu chính sách không liên kết và lập trường trung lập theo từng vụ việc là sản phẩm của chủ nghĩa hiện thực hay của tâm thế phòng thủ? Khái niệm này mang cả hai yếu tố nói trên. Đó cũng là sự thừa nhận về lợi ích chiến lược hạn chế của Ấn Độ tại các địa bàn địa lý xa xôi và các cuộc đối đầu cách trở. Từ thập niên 1990, phản ánh sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh và đặc biệt xuất phát từ quỹ đạo kinh tế mới của Ấn Độ, một sự phát triển tất yếu đã được đặt ra. Tự chủ chiến lược và đa liên kết là hệ quả tất yếu phát sinh từ bối cảnh đó.

Đã có nhiều nhân tố kích hoạt tiến trình này. Chính sách "Hướng Đông" của Thủ tướng P. V. Narasimha Rao đã khai mở một lộ trình can dự vốn bị trì hoãn từ lâu với Đông Nam Á và Đông Á. Đường lối này được cụ thể hóa bằng bước phát triển tất yếu thông qua chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đầy tham vọng và được định hình chặt chẽ của Thủ tướng Narendra Modi. Giai đoạn một thập kỷ từ năm 1998 (vụ thử hạt nhân Pokhran II) đến năm 2008 (Thỏa thuận Hạt nhân 123 giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ) đã chứng kiến sự chuyển biến mang tính bước ngoặt trong cách tiếp cận của New Delhi đối với Washington, D.C. Từ chỗ là một rào cản gây nghẽn tắc, vấn đề hạt nhân đã chuyển hóa thành nhân tố nhân bội sức mạnh.

Bất chấp những cột mốc này, động lực chủ đạo vẫn bắt nguồn từ nền kinh tế Ấn Độ. Năm 1991, khi công cuộc tự do hóa kinh tế được khởi động tại Ấn Độ, GDP của quốc gia đạt khoảng 275 tỷ USD, với 15% (khoảng 40 tỷ USD) đến từ ngoại thương. Ngày nay, quy mô GDP của Ấn Độ đạt khoảng 4.000 tỷ USD và ngoại thương chiếm tỷ trọng 45%. Trong hơn 33 năm qua, quy mô nền kinh tế tăng trưởng khoảng 15 lần, nhưng kim ngạch ngoại thương đã tăng vọt xấp xỉ 45 lần. Một cách tất yếu, nền ngoại giao đã phải tự tái cơ cấu. Xét cho cùng, một quốc gia chỉ có thể duy trì tính trung lập và phi liên kết ở mức độ mà cấu trúc thương mại của

nước đó cho phép.

Hãy lấy một ví dụ mang tính giả định. Trong thập niên 1950 hoặc 1960, New Delhi hoàn toàn có thể đứng ngoài một cuộc nội chiến hay xung đột tại một quốc gia Nam Mỹ - một trong vô số xung đột rải rác thời Chiến tranh Lạnh.
Khi đó, lợi ích ràng buộc của Ấn Độ là rất hạn chế. Ngày nay, một biến động tương tự có thể tác động trực tiếp đến hoạt động nhập khẩu năng lượng, chuỗi cung ứng hàng hóa cơ bản và khoáng sản thiết yếu, dấu ấn xuất khẩu dịch vụ công nghệ thông tin và xuất khẩu công nghiệp của Ấn Độ.

Nếu như mô hình không liên kết hay trung lập trước đây có thể quay lưng làm ngơ trước diễn biến đó, thì khuôn khổ đa liên kết hoặc tự chủ chiến lược ngày nay sẽ chủ động kích hoạt và triển khai các mối quan hệ đối tác đa dạng hóa nhằm bảo vệ các lợi ích chiến lược của Ấn Độ. Vấn đề ở đây không phải là chính sách nào ưu việt hơn, mà là chính sách nào phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thời đại.

## Trump và Quyền Tự chủ Chiến lược của Ấn Độ

> **"Ấn Độ cần tinh chỉnh quyền tự chủ chiến lược của mình như thế nào trong kỷ nguyên Trump? Có ba yếu tố then chốt mang tính quyết định tại đây: vị trí địa lý; chuỗi cung ứng; và công nghệ. Tự chủ chiến lược trong việc xây dựng một không gian láng giềng gần an toàn và phi đe dọa, tự chủ chiến lược trong các chuỗi cung ứng, và tự chủ chiến lược trong các lựa chọn công nghệ là những yêu cầu mang tính sống còn. Điều này đúng ngay cả khi một số lựa chọn cụ thể - như trong lĩnh vực công nghệ chẳng hạn - về bản chất đồng nghĩa với việc không có lựa chọn nào cả vì phương án duy nhất hiện hữu là không thể chấp nhận được. Tự chủ chiến lược không đơn thuần là việc chọn một hướng đi khác biệt; đó là quyền năng tự quyết định lựa chọn hay không lựa chọn sự khác biệt đó."**

Tự chủ chiến lược là một tiến trình mang tính giao dịch. Đó không phải là món quà được trao tặng bởi một đối tác hào hiệp, cũng không phải là yêu cầu có thể đơn phương đòi hỏi bởi một quốc gia độc lập chính trực. Nếu thiếu đi năng lực thực chất và tiềm lực vững mạnh, hai thái cực nói trên sẽ chỉ dừng lại ở mức độ ảo tưởng viển vông cùng những lời hoa mỹ. Tự chủ chiến lược không cổ xúy cho sự thoái lui can dự. Trái lại, đòn bẩy chỉ có thể đạt được tối ưu thông qua sự can dự có chủ đích.

Tự chủ chiến lược tạo tiền đề cho năng lực răn đe. Theo đó, tự chủ chiến lược hướng tới việc kiến tạo một mạng lưới phụ thuộc đan xen phức tạp: sự phụ thuộc lẫn nhau, sự phụ thuộc hướng nội và sự phụ thuộc hướng ngoại. Về bản chất cốt lõi, tự chủ chiến lược vận hành hiệu quả nhất khi một quốc gia nắm giữ được đòn bẩy.

Hoa Kỳ nắm giữ đòn bẩy trước Trung Quốc nhờ kiểm soát nguồn cung chip bán dẫn cao cấp. Trung Quốc nắm giữ đòn bẩy đối với Hoa Kỳ vì kiểm soát nguồn cung đất hiếm và là thị trường không thể thay thế đối với người trồng cao lương và đậu tương của Hoa Kỳ. Ngay cả trong một mối quan hệ cạnh tranh căng thẳng, thực tế này vẫn mang lại cho cả hai bên đòn bẩy kiểm soát cùng không gian chiến lược hay quyền tự chủ nhất định. Dù không làm gia tăng lòng tin, nó nâng cao cái giá phải trả cho sự

bất tín.

Điều này mang lại những bài học trực tiếp cho Ấn Độ. Đây là thời đại mà một cuộc tấn công mạng nhắm vào hạ tầng kinh tế trọng yếu trở thành mối đe dọa cận kề hơn so với một cuộc tấn công hạt nhân do một quốc gia thực hiện. Do đó, quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ cần được bồi đắp từ chuỗi cung ứng và các thỏa thuận công nghệ, chứ không thể dựa trên logic hạn hẹp của các thiên kiến chính trị thuần túy. Hãy cùng xem xét sáu phương diện chiến lược dưới đây.

### Những bài học cho Ấn Độ

Ấn Độ phải nỗ lực trở thành một đối tác quan trọng đối với số lượng quốc gia lớn nhất có thể, với tư cách là nhà cung ứng trọng yếu hoặc khách hàng tiêu thụ lớn đối với một nhóm hàng hóa, dịch vụ hay sản phẩm cụ thể của đối tác. Điều này đòi hỏi phải xây dựng các năng lực công nghiệp nội tại, đồng thời đòi hỏi một
chiến lược mở cửa thị trường thông thoáng đối với từng đối tác và từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Tương tự như một số quốc gia khác, Ấn Độ cần biến quyền tiếp cận thị trường thành công cụ chiến lược - không phải bằng việc khước từ tiếp cận một cách mù quáng, mà bằng sự tạo thuận lợi thị trường mang tính thực dụng. Điều này sẽ gia tăng mức độ ràng buộc phụ thuộc

từ các đối tác.

Ở cấp độ chiến lược, Ấn Độ cần đa dạng hóa thị trường vượt ra ngoài phạm vi Hoa Kỳ - đối

với các nhóm hàng xuất khẩu đang quá phụ thuộc vào khách hàng Hoa Kỳ - và đa dạng hóa nguồn cung ứng nguyên liệu trung gian, linh kiện vượt ra ngoài phạm vi Trung Quốc. Vế thứ hai sẽ đòi hỏi việc thúc đẩy sản xuất nội địa song song với việc tìm kiếm và bồi đắp các
nguồn cung ứng thay thế khác. Ấn Độ thậm chí có thể xem xét việc nâng quy mô nhập khẩu một số mặt hàng từ Trung Quốc lên mức quan trọng đến mức việc làm gián đoạn nguồn cung đó sẽ đặt ra rủi ro cho chính nền kinh tế Trung Quốc.

Vào giữa thế kỷ 19, việc thành lập các nhà máy dệt tại Ấn Độ bởi các doanh nhân tiên phong như Jamsetji Tata đã vấp phải sự phản đối từ ngành dệt may Anh, nhưng lại nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các nhà sản xuất máy móc ngành dệt của Anh. Cả hai nhóm lợi ích này đã tiến hành vận động hành lang chính phủ tại London với các bản kiến nghị hoàn toàn trái ngược nhau.

Phương Tây từng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất công nghiệp tại Trung Quốc. Trung Quốc không hề có ý định thực hiện điều tương tự tại Ấn Độ. Dẫu vậy, Trung Quốc vẫn thèm muốn thị trường Ấn Độ. Cần phải có sự nhận diện sắc bén về các lĩnh vực công nghiệp nơi quyền tiếp cận thị trường được xem là sự đánh đổi chấp nhận được để đổi lấy các khoản đầu tư lớn hơn từ Trung Quốc vào các cơ sở và năng lực gia tăng giá trị tại chỗ. Đây không nên là một chính sách dàn trải đại trà, mà phải là một sự thỏa hiệp có giới hạn, dựa trên sự tính
toán kỹ lưỡng và với sự thống nhất mang tính toàn diện của toàn bộ bộ máy chính phủ.

Cả Liên minh châu Âu và khối ASEAN đều đang mắc kẹt giữa một Hoa Kỳ ngày càng trở nên
thô bạo và một Trung Quốc mang tính đe dọa. Một cơ hội chiến lược đang mở ra cho Ấn Độ, vượt lên trên việc chỉ thụ động chứng kiến khó khăn của bên khác. Cả hai tập hợp quốc gia này đều đang trông đợi vào Ấn Độ để mở rộng quyền tự chủ chiến lược của chính họ. Không có lý do gì Ấn Độ lại không tận dụng các đối tác này một cách sáng suốt cho cùng một mục đích. Một lần nữa, thương mại, khả năng tiếp cận thị trường và các liên kết chuỗi cung ứng - bao gồm cả các liên kết chuỗi cung ứng quốc phòng - sẽ đóng vai trò trọng tâm và đòi hỏi quá trình hoạch định chính sách mang tính khai sáng.

Trong quá trình xây dựng nền tảng sản xuất công nghiệp, Ấn Độ sẽ cần các mối quan hệ cung ứng hàng hóa cơ bản ổn định với nhiều quốc gia: Australia và Indonesia ở phía Đông, Nga ở phía Bắc, các quốc gia Nam Mỹ như Peru và Chile, thậm chí cả Canada và các khu vực của châu Âu. Ấn Độ cũng cần tập trung vào các ngành công nghiệp nơi cơ hội đang hiện hữu và quốc gia đã chứng minh được năng lực. Lọc hóa dầu thô là một thế mạnh điển hình. Năng lực chuyên môn, lợi thế về giá và tiềm năng chi phối thị trường hoàn toàn có thể giúp Ấn Độ xác lập vị thế trong ngành lọc dầu tương tự như vai trò của Đài Loan trong ngành bán dẫn.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng Tổng thống UAE Sheikh Mohamed bin Zayed Al Nahyan tại New Delhi vào ngày 19 tháng 01 năm 2026. | Indian Economic Observer.*

Tự chủ chiến lược tại đây đòi hỏi Ấn Độ không bị chi phối hay dồn ép trong việc xác định quan hệ nào cần đẩy mạnh và quan hệ nào cần kiềm chế. Điều này cũng có thể đồng nghĩa với việc kiên quyết bác bỏ các thủ thuật thao túng tâm lý dưới dạng các mục tiêu chuyển dịch năng lượng khắc nghiệt mà không một ai - kể cả châu Âu - có thể thực sự đáp ứng một cách nghiêm túc.

Trong các công nghệ mang tính cốt lõi - trí tuệ nhân tạo, điện toán lượng tử, hệ sinh thái bán dẫn - sự tương thích và hội tụ lợi ích của Ấn Độ là với phương Tây, đặc biệt là với các đối tác Hoa Kỳ. Nếu việc bảo tồn các mối quan hệ này và tách biệt chúng khỏi các sức ép chính trị đòi hỏi những nhượng bộ về tiếp cận thị trường đối với các nhà đàm phán thương mại của Washington, đó là một sự đánh đổi hoàn toàn xứng đáng. Sự nhượng bộ đó sẽ mang lại lợi

ích vượt trội gấp nhiều lần trong dài hạn.

## Kết luận

Sáu phương diện chiến lược này phác họa kịch bản tối ưu cho Ấn Độ: gia tăng quyền tự chủ chiến lược thông qua một cơ chế được thiết kế dựa trên chính việc thực thi linh hoạt, chuẩn xác quyền tự chủ chiến lược đó. Liệu Ấn Độ có thể hiện thực hóa được điều này? Thẳng thắn mà nói, quốc gia này không có sự lựa chọn nào khác. Ấn Độ buộc phải làm và sẽ làm được.

Tất nhiên, tiến trình này sẽ thuận lợi hơn nếu nền ngoại giao được phép quay trở lại với bản chất vốn có của nó: một sứ mệnh thầm lặng, bền bỉ và thậm chí có phần khô khan. Tự chủ chiến lược là một ván cờ trường kỳ, và nghệ thuật trị quốc của Ấn Độ cần dành cho ván cờ đó sự tôn trọng tương xứng.

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

**V K Saraswat**



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cùng các nhà lãnh đạo thế giới tại Paris, nơi ông đồng chủ trì Hội nghị Thượng đỉnh Hành động về AI vào ngày 11 tháng 2 năm 2025. | Bộ Ngoại giao Ấn Độ*

### Lời mở đầu

Theo truyền thống, tự chủ chiến lược là khả năng của một quốc gia trong việc đưa ra các quyết định độc lập trên những lĩnh vực như an ninh, kinh tế, công nghệ và ngoại giao, thoát khỏi sự can thiệp và ảnh hưởng thái quá từ bên ngoài. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, khái niệm này đang trải qua những biến chuyển sâu sắc trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trí tuệ nhân tạo. AI đã trở thành một nền tảng cơ bản của  sức mạnh quốc gia, sở hữu năng lực chi phối hiệu quả quân sự, sức mạnh kinh tế, năng lực quản trị và khả năng phục hồi của xã hội.

Hệ quả là, tự chủ chiến lược trong kỷ nguyên AI vươn xa hơn những ưu tiên truyền thống như phòng thủ lãnh thổ hay an ninh năng lượng. Nó hiện bao hàm các vấn đề sống còn như chủ quyền dữ liệu, quyền kiểm soát các thuật toán, khả năng tiếp cận các hạ tầng điện toán và công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### Tại sao AI lại mang ý nghĩa sống còn đối với Sức mạnh Quốc gia?

AI đóng vai trò như một công nghệ có mục đích chung, mang những hệ lụy chiến lược có thể sánh ngang với năng lượng hay Internet. Phạm vi ứng dụng của nó trải dài từ phân tích tình báo, các hệ thống phòng thủ, hậu cần, hoạt động không gian mạng, cho đến hành chính công, tài chính và chăm sóc sức khỏe.
Các quốc gia nắm quyền kiểm soát các hệ sinh thái AI sẽ giành được những lợi thế phi đối xứng đáng kể, bao gồm quản trị dự báo, chu kỳ ra quyết định thần tốc hơn, nâng cao nhận thức tình huống và khả năng mở rộng quy mô đổi mới sáng tạo một cách hiệu quả.

Khác với các tài sản quân sự hay công nghiệp truyền thống, các năng lực AI mang tính tích lũy và phụ thuộc chặt chẽ vào quá trình triển

khai thực tế. Những lợi thế sơ khởi trong các lĩnh vực như hạ tầng đám mây, thu thập dữ liệu, sản xuất chất bán dẫn và phát triển nhân tài có xu hướng tự củng cố và khuếch đại theo thời gian.

Sự tập trung các năng lực AI vào tay một nhóm nhỏ các quốc gia và tập đoàn tạo ra những tác động tiêu cực đến phần còn lại của thế giới, thể hiện qua sự lệ thuộc về công nghệ, tính dễ bị tổn thương về mặt chiến lược và sự xói mòn dần năng lực ra quyết định có chủ quyền.

## Tác động của Dữ liệu và Thuật toán do nước ngoài sở hữu

Trong kỷ nguyên của AI, dữ liệu đã nổi lên như một nguồn tài nguyên chiến lược. Quyền kiểm soát kho dữ liệu quốc gia, dù là trong lĩnh vực dân sự, công nghiệp hay quốc phòng, giờ đây có tác động trực tiếp đến khả năng hành động tự chủ của một nhà nước. Sự lệ thuộc vào các nền tảng kỹ thuật số, các nhà cung cấp dịch vụ đám mây và các thuật toán độc quyền của nước ngoài có thể làm rò rỉ các thông tin nhạy cảm, định hình các lựa chọn chính sách và tạo ra những kênh thao túng ngầm.

Sự phụ thuộc vào các thuật toán đặc biệt tiềm ẩn nhiều rủi ro. Khi các chức năng thiết yếu của quốc gia, chẳng hạn như phân tích hình ảnh vệ tinh, kiểm soát biên giới, các công cụ hỗ trợ ra quyết định trên chiến trường hay các hệ thống tài chính, phải dựa vào những thuật toán do các thực thể nước ngoài sở hữu và kiểm soát, tính tự chủ chiến lược có thể dễ dàng bị xâm phạm. Do đó, để đạt được sự tự chủ thực sự ngày nay, chỉ đơn thuần sở hữu dữ liệu là chưa đủ. Nó đòi hỏi tính minh bạch, khả năng kiểm toán và quyền kiểm soát thực chất đối với các hệ thống AI đang xử lý và đưa ra hành động dựa trên những dữ liệu đó.

## Kiểm soát quá trình Ra quyết định trong AI Quân sự

Việc ứng dụng AI trong lĩnh vực quân sự đặt ra những thách thức đáng kể. Các công nghệ như hệ thống vũ khí tự trị, hậu cần dự báo, các công cụ hỗ trợ ra quyết định, và hệ thống chỉ huy - kiểm soát tích hợp AI có tác động sâu sắc đến quá trình giám sát cũng như chu trình hành động & phản ứng trong các hệ sinh thái quân sự. Mặc dù điều này có thể nâng cao hiệu quả tác chiến, song nó cũng mang theo nguy cơ chuyển giao những đánh giá và phán quyết mang tính sống còn cho các cỗ máy - những hệ thống có thể đã được huấn luyện trên các tập dữ liệu không đầy đủ, mang định kiến hoặc thiếu tính nhạy cảm với ngữ cảnh.

Sự phụ thuộc vào các mô hình AI do bên ngoài phát triển trong việc nhắm mục tiêu, đánh giá mối đe dọa, hay quản lý leo thang căng thẳng có thể gây ra những hệ lụy bất lợi đối với quá trình ra quyết định quân sự độc lập. Do đó, việc tự chủ phát triển các hệ thống AI quân sự - những hệ thống được thử nghiệm, thẩm định và quản trị phù hợp với các học thuyết, giá trị và nhận thức về mối đe dọa của quốc gia - là vấn đề mang tầm quan trọng tối thượng.




*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh tại kỳ triển lãm Aero India lần thứ 14 năm 2023, diễn ra tại Bengaluru vào ngày 13 tháng 2 năm 2023. | PTI.*

## AI trong Tăng trưởng Kinh tế

Sự gia tăng năng suất nhờ ứng dụng AI đang định hình lại các chuỗi giá trị toàn cầu và tái định nghĩa các mô thức cạnh tranh kinh tế. Những quốc gia thiếu hụt năng lực AI nội địa phải đối mặt với nguy cơ phi công nghiệp hóa, tụt hậu về công nghệ và tình trạng đào thải lao động mà không có giải pháp bù đắp. Việc đạt được tự chủ phụ thuộc vào một số nền tảng cốt lõi sau:

- Khả năng tiếp cận an toàn đối với chất bán dẫn và các hệ thống điện toán hiệu năng cao (HPC)
- Một lực lượng lao động tinh nhuệ, sở hữu chuyên môn sâu về phát triển, triển khai và điều chỉnh AI
- Hoạt động nghiên cứu AI bản địa
- Các khu vực doanh nghiệp Vi mô, Nhỏ và Vừa (MSME) được tích hợp AI

Thiếu đi những năng lực này, sự lệ thuộc vào các công cụ AI của nước ngoài trong các khâu như thiết kế, kiểm soát chất lượng và bảo trì dự đoán có thể chuyển dịch lợi thế cạnh tranh ra nước ngoài, từng bước xói mòn quyền kiểm soát kinh tế trong dài hạn.

## Tiến trình Dân chủ, Quản trị Hiệu quả & An ninh

Các hệ thống AI đang đóng một vai trò ngày càng có tính chi phối trong việc định hình dư luận công chúng, kết quả bầu cử và hành vi của công dân thông qua các hệ thống đề xuất và truyền thông được tinh chỉnh cá nhân hóa. Hệ quả là, tự chủ chiến lược hiện nay cũng bao trùm cả năng lực của một xã hội trong việc hình thành các quan điểm và đưa ra những quyết định tập thể một cách độc lập, không bị chi phối bởi các thuật toán thiên lệch và sự bóp méo thông tin.

Các nền tảng AI do nước ngoài kiểm soát có khả năng kiến tạo các câu chuyện dẫn dắt, khoét sâu những chia rẽ trong xã hội và làm xói mòn niềm tin vào các thể chế. Một nền quản trị dân chủ thực sự vững mạnh trong kỷ nguyên này phụ thuộc vào công tác quản lý quy định nghiêm ngặt, việc phổ cập kiến thức kỹ thuật số sâu rộng và quyền giám sát có chủ quyền đối với các hệ thống AI mang lại tác động xã hội lớn.

## Tự chủ & Phụ thuộc lẫn nhau

Tự chủ chiến lược không đồng nghĩa với việc tự cô lập về công nghệ. Sự phát triển của AI bùng nổ dựa trên sự hợp tác, nền khoa học mở và sự dịch chuyển tự do của các nhân tài toàn cầu. Thách thức đặt ra nằm ở việc thiết lập một điểm cân bằng chuẩn xác giữa sự cởi mở và quyền kiểm soát, cũng như giữa hợp tác quốc tế và khả năng chống chịu của quốc gia.

Các nền kinh tế mới nổi nên hướng tới mục tiêu tự chủ có chọn lọc; vừa xây dựng các năng lực có chủ quyền, vừa chủ động can dự vào các quan hệ đối tác quốc tế. Các khuôn khổ đa phương về quản trị AI, các chuẩn mực cho AI quân sự, và sự đa dạng hóa chuỗi cung ứng có thể củng cố vị thế của một quốc gia mà không làm sai lệch hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu.

## Góc nhìn của Ấn Độ

Hành trình của Ấn Độ hướng tới mục tiêu hiện thực hóa "Atmanirbharta" (Tự lực tự cường) trong kỷ nguyên AI phản ánh một cách tiếp cận mang tính thực tiễn cao hơn, dựa trên sự hòa quyện giữa phát triển bản địa, tính cởi mở và đổi mới thể chế.

Một trong những đóng góp đặc sắc nhất của Ấn Độ nằm ở các nền tảng Hạ tầng Công cộng Kỹ thuật số (DPI) như Aadhaar, UPI, DigiLocker và hệ sinh thái India Stack; chúng đã kiến tạo nên các khuôn khổ kỹ thuật số quy mô lớn, có khả năng tương tác cao, tạo ra các luồng dữ liệu đáng tin cậy dưới sự giám sát có chủ quyền. Cấu trúc này vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực AI, tạo điều kiện phát triển các ứng dụng xã hội như y tế, phân phối phúc lợi và công nghệ tài chính, vừa góp phần giảm thiểu sự lệ thuộc vào các công nghệ kỹ thuật số ngoại nhập.

Trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh quốc gia, Ấn Độ đã khởi xướng các chương trình AI bản địa thông qua các tổ chức R&D, các công ty khởi nghiệp và các viện nghiên cứu học thuật. Các chương trình này tập trung vào những lĩnh vực như giám sát, phân tích tình báo, tối ưu hóa hậu cần và các hệ thống hỗ trợ ra quyết định. Những sáng kiến chính sách như Chiến lược AI Quốc gia, cùng với các nỗ lực gần đây nhằm thúc đẩy sản xuất chất bán dẫn trong nước, là minh chứng rõ nét cho thấy tự chủ về AI đòi hỏi quyền kiểm soát đối với cả các cấu phần phần mềm lẫn phần cứng.

Ấn Độ cần áp dụng chiến lược đúc rút các bài học có chọn lọc từ những quốc gia tiên phong trên toàn cầu. Từ Hoa Kỳ, chúng ta có thể học hỏi tầm quan trọng của hoạt động đổi mới sáng tạo trong khu vực tư nhân, sự tương tác mạnh mẽ giữa giới học thuật và giới công nghiệp, cùng các nghiên cứu ở khu vực biên giới. Từ Trung Quốc, chúng ta có thể nghiên cứu giá trị của công tác hoạch định dài hạn và sự tương đồng giữa các năng lực AI dân sự và chiến lược. Từ Châu Âu, chúng ta có thể tiếp thu sự chú trọng vào một nền quản trị AI đề cao đạo đức, minh bạch và có trách nhiệm giải trình. Đồng thời, Ấn Độ cũng cần nhận thức được tính hữu dụng của sự tự chủ có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực có tác động lớn thay vì cố gắng theo đuổi sự thống trị toàn diện về công nghệ.

Tương lai của AI tại Ấn Độ sẽ được quyết định bởi việc củng cố các nghiên cứu ứng dụng bản địa, thiết lập hạ tầng điện toán và chất bán dẫn, tích hợp các hệ sinh thái AI dân sự - quân sự, và đầu tư vào nguồn vốn nhân lực. Suy cho cùng, mục tiêu của Ấn Độ không nên là sự cô lập về công nghệ, mà là sự tự do trong các lựa chọn chiến lược nhằm đạt được sức mạnh quốc gia được tăng cường bởi AI, mà không gây phương hại đến năng lực ra quyết định có chủ quyền.

## Kết luận

Trong kỷ nguyên của AI, việc kiểm soát biên giới, sức mạnh quân sự, và sự dồi dào về tài nguyên thiên nhiên không còn là những tham số duy nhất định hình sự tự chủ chiến lược.
Khái niệm này giờ đây được quyết định bởi quyền kiểm soát đối với dữ liệu và thuật toán, các hạ tầng điện toán như trung tâm dữ liệu,

và những kỹ năng của con người trong việc quản trị các hệ thống máy móc phức tạp.

Trong một thế giới ngày càng bị chi phối bởi những cỗ máy thông minh, các quốc gia thất bại trong việc củng cố những nền tảng này sẽ phải đối mặt với nguy cơ trở thành những kẻ đi sau và mãi mãi mắc kẹt trong thế bám đuổi. Tự chủ chiến lược đích thực trong kỷ nguyên AI không nằm ở việc chống lại sự thay đổi công nghệ, mà là việc làm chủ nó: kiến tạo sự phát triển của AI sao cho phù hợp với hệ giá trị quốc gia và các mục tiêu chiến lược dài hạn. Những lựa chọn được đưa ra trong ngày hôm nay sẽ quyết định liệu AI sẽ trở thành một công cụ trao quyền hay là cội nguồn của sự lệ thuộc.

(Bài viết này được phát triển dựa trên bài phát biểu quan trọng của tác giả tại Hội nghị "Nước cờ AI của Ấn Độ: Định hướng Cuộc đua Toàn cầu" do NatStrat tổ chức vào tháng 1 năm 2026 tại New Delhi)

# PHÒNG NGỪA RỦI RO MÀ KHÔNG BỊ TRỪNG PHẠT: VIỆT NAM, ẤN ĐỘ VÀ GÁNH NẶNG BẤT BÌNH ĐẲNG CỦA TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC

**Swati Arun**

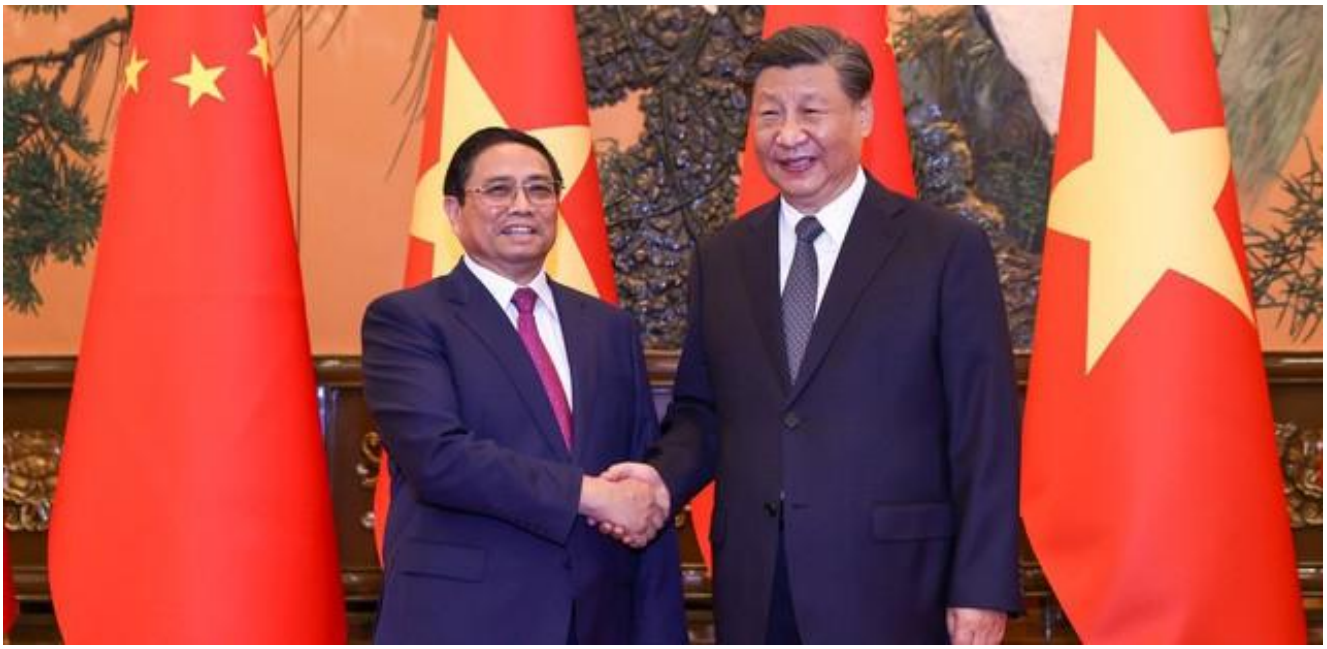

*Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính (trái) gặp Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Bắc Kinh vào ngày 27 tháng 6 năm 2023. | Báo Chính phủ Việt Nam - VGP.*

## Lời mở đầu

Trật tự quốc tế đang trải qua một sự chuyển đổi sâu sắc, dù âm thầm, khi thời khắc đơn cực với vị thế áp đảo của Hoa Kỳ nhường chỗ cho một hệ thống đa cực phân mảnh. Nằm ở cốt lõi của sự dịch chuyển này là sự trỗi dậy của Trung Quốc và cuộc cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh mang tính cấu trúc này cũng đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa xét lại trỗi dậy trở lại của Nga và làm bộc lộ những rạn nứt sâu sắc về chính trị và chiến lược trong thế giới phương Tây, vốn càng trở nên trầm trọng hơn bởi sự khó lường ngày càng gia tăng của Washington. Kết hợp lại, những động lực này đã làm xói mòn các cam kết bảo đảm an ninh vốn từng được duy trì thông qua các mối quan hệ đối tác lâu đời, buộc các quốc gia phải tìm kiếm các chiến lược phòng ngừa rủi ro thay thế mà không làm mất ổn định một cách công khai cán cân quyền lực hiện có. Trong một môi trường như vậy, tầm nhìn chiến lược, khả năng chống chịu và một hình thái tự chủ chiến lược được tính toán kỹ lưỡng đã trở nên thiết yếu đối với các quốc gia không chỉ tìm cách sinh tồn giữa hai cực đang cạnh tranh mà còn muốn vận hành hiệu quả dưới cái bóng của chúng.

Hai ví dụ nổi bật về tự chủ chiến lược mang tính thực tiễn là Ấn Độ và Việt Nam. Tuy nhiên, bất chấp xu hướng đa liên kết nhìn chung là tương đồng, hai quốc gia lại nhận về những phản ứng khác biệt rõ rệt khi thực thi chiến lược này như một bức tường thành dài hạn chống lại sự cạnh tranh giữa các nước lớn. Sự khác biệt này khiến việc xem xét cách thức Việt Nam điều hướng tương đối thành công mạng lưới quan hệ đối tác bên ngoài dày đặc và thường mâu thuẫn của mình trở nên đặc

biệt quan trọng, ngay cả khi Ấn Độ phải đối mặt với sự tranh cãi và những rào cản ngày càng lớn khi theo đuổi một con đường tương tự.

### Tự chủ chiến lược là một quá trình, không phải là một lập trường

> **"Tự chủ chiến lược" là một trong những khái niệm được viện dẫn nhiều nhất nhưng cũng bị hiểu lầm nhiều nhất trong các cuộc tranh luận về chính sách đối ngoại đương đại. Nó thường được hiểu như một lập trường giữ khoảng cách đều, tức là có nhiều đối tác trong khi tránh các liên minh chính thức và bảo toàn quyền ra quyết định độc lập. Những người chỉ trích lập luận rằng việc quản lý quá nhiều mối quan hệ đối tác mâu thuẫn nhau có thể dẫn đến sự bất mãn về các lựa chọn liên kết, trong khi những người ủng hộ lại đề cao sự linh hoạt mà nó mang lại.**

Tuy nhiên, thuật ngữ này nên được hiểu đúng hơn là một quá trình thay vì một trạng thái đích đến cuối cùng. Ở mức độ cốt lõi, nó hàm ý:

- Ra quyết định độc lập, không chịu sự cưỡng ép từ bên ngoài.
- Đa dạng hóa các mối quan hệ đối tác qua các trung tâm quyền lực đang cạnh tranh.
- Tích lũy năng lực, giúp củng cố sức mạnh đàm phán và giảm thiểu điểm yếu dễ bị tổn thương.

Sự tự chủ ở đây không phải là một lập trường rút lui hay trung lập, mà là sự lựa chọn được neo giữ vào năng lực thực tế. Nó nằm ở khoảng giữa chính trị phe nhóm cứng nhắc và sự trung lập thụ động. Sự thành công của nghệ thuật cân bằng tinh tế này phụ thuộc vào nền ngoại giao sắc sảo, khả năng chống chịu có hệ thống và một mục tiêu dài hạn rõ ràng để theo đuổi.

Do đó, tự chủ chiến lược không phải là một lựa chọn dễ dàng, đặc biệt là trong trật tự thế giới hiện nay. Nếu xử lý sai lầm, nó có thể khiến một quốc gia bị phơi bày rủi ro về chính trị và bị cô lập về chiến lược. Việc thực thi thành công đòi hỏi tầm nhìn xa, sự khéo léo về ngoại giao và sự nhạy bén trong việc quản lý các đối tác đang ở thế đối đầu với nhau.

### Chiến lược phòng ngừa rủi ro của Việt Nam

Đây không phải là lần đầu tiên Việt Nam thấy mình nằm kẹt giữa các nước lớn, phải thực hiện cân bằng và điều hướng. Quốc gia này vẫn là một trong số ít các nước trong lịch sử hiện đại từng giao chiến với cả Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Việt Nam liên kết chặt chẽ với Liên Xô, điều đã làm xấu đi dần mối quan hệ với Trung Quốc và cuối cùng dẫn đến cuộc chiến năm 1979. Tuy nhiên, Trung Quốc không phải lúc nào cũng là một đối thủ. Nước này từng hỗ trợ [1] cuộc kháng chiến giành độc lập năm 1954 của Chủ tịch Hồ Chí Minh chống lại thực dân Pháp bằng cách cung cấp vũ khí. Sự hỗ trợ càng trở nên sâu sắc hơn vào năm 1964, khi Trung Quốc cung cấp cả quân đội và hỗ trợ kinh tế cho miền Bắc Việt Nam trong cuộc chiến chống lại Hoa Kỳ.

Cuộc tấn công của Trung Quốc năm 1979 được thúc đẩy rõ ràng bởi những tính toán địa chính trị. Vào thời điểm đó, Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ vào năm 1971, trong khi Việt Nam tiến quân vào Campuchia, lật đổ chế độ Pol Pot do Trung Quốc hậu thuẫn. Do đó, cuộc chiến này đóng vai trò như một lời nhắc nhở thẳng thừng rằng những ràng buộc địa lý của Việt Nam sẽ cản trở các mối liên kết về hệ tư tưởng.

Nói một cách đơn giản, Trung Quốc tìm cách áp đặt sự kiểm soát đối với người láng giềng nhỏ hơn của mình là Việt Nam, một động cơ được thể hiện rõ trong phát biểu của Đặng Tiểu Bình [2] với Tổng thống Hoa Kỳ khi đó là Jimmy Carter: "Khi một đứa trẻ cư xử không đúng mực, nó cần phải bị đánh đòn". Thông qua cuộc chiến này, Trung Quốc đồng thời làm

hài lòng Hoa Kỳ, giành một thắng lợi chính trị trước Liên Xô và dạy một bài học đẫm máu cho Việt Nam. Đối với Hà Nội, rõ ràng là họ có thể bị đem ra làm vật hy sinh trong ván cờ của các nước lớn. Kể từ đó, Việt Nam theo đuổi một cách tiếp cận hết sức thận trọng đối với nền chính trị nước lớn.

Chính sách đối ngoại đương đại của Việt Nam dựa trên ba trụ cột: chính sách Bốn không, ngoại giao cây tre và vai trò trung tâm của ASEAN. Chính sách Bốn không cam kết Việt Nam không tham gia liên minh quân sự, không có sự can thiệp của nước ngoài, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự và không can thiệp vào các quốc gia khác. Ngoại giao cây tre định hướng [3] rằng, giống như cây tre, Việt Nam cần uyển chuyển theo những ngọn gió đang thay đổi và thích ứng một cách thực tế với những luồng gió giật đang dịch chuyển ở khu vực và quốc tế mà không bị gãy đổ, đồng thời duy trì khả năng chống chịu kiên cường.
Kết hợp lại, những nguyên tắc này cho phép thực hiện một sự liên kết đa hướng giúp duy trì mối quan hệ chặt chẽ đồng thời với các cường quốc đang cạnh tranh như Trung Quốc, Nga và Hoa Kỳ. Bổ sung cho điều này, môi trường an ninh bất lợi đã thúc đẩy Việt Nam đề cao an ninh tập thể dưới mái nhà chung ASEAN thống nhất, ưu tiên vai trò trung tâm của ASEAN trong các vấn đề khu vực.



*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi (trái), Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. | Quỹ Nghiên cứu Quan sát viên - ORF.*

## Từ phòng ngừa rủi ro bằng tuyên bố đến phòng ngừa rủi ro chủ động

Sự thành công của tự chủ chiến lược tại Việt Nam thể hiện rõ qua việc đa dạng hóa ngày càng mạnh mẽ các mối quan hệ đối tác quốc phòng vượt ra ngoài nhà cung cấp truyền thống là Nga [4], để mở rộng sang Israel [5], Hàn Quốc [6], Ấn Độ [7], Hoa Kỳ [8], Nhật Bản
[9] và các quốc gia châu Âu (Pháp [10], Hà Lan [11]). Hà Nội đã tận dụng các mối quan hệ đối tác này, đặc biệt nhằm củng cố năng lực hải quân, nâng cấp công nghệ quốc phòng và tăng cường giám sát hàng hải. Những nỗ lực này đã tăng tốc sau khi Hoa Kỳ dỡ bỏ lệnh cấm vận vũ khí vào năm 2016 và ký kết quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2023.

Chiến lược phòng ngừa rủi ro của Việt Nam trước sự bành trướng của Trung Quốc được phản ánh rõ nét nhất qua việc mua sắm các trang thiết bị an ninh ven bờ và hàng hải.

Những trang thiết bị này bao gồm tàu ngầm Nga (lớp Kilo) trang bị tên lửa Klub, tàu hộ vệ tên lửa Gepard và tàu tuần tra Svetlyak; tàu hộ vệ lớp Pohang từ Hàn Quốc; cũng như các tàu tuần duyên, thiết bị bay không người lái và xuồng tuần tra được mua sắm từ nhiều đối tác khác nhau. Song song đó, Việt Nam cũng tiến hành các hoạt động bồi đắp và củng cố công sự trên đảo với quy mô lớn tại quần đảo Trường Sa đang có tranh chấp. Cho đến nay, Việt Nam đã quân sự hóa [12] 21 đảo và đang trên đà vượt qua [13] Trung Quốc.

Đồng thời, Việt Nam đã triển khai hàng loạt công cụ thể chế, kinh tế và pháp lý để mở rộng sự linh hoạt chiến lược của mình:

- Các hiệp định thương mại tự do và quan hệ đối tác kinh tế khu vực - Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP, năm 2018), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (tháng 8 năm 2020); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP, năm 2022) - đã gắn kết chặt chẽ Việt Nam vào các chuỗi cung ứng và dòng chảy kinh tế khu vực.
- Các biện pháp pháp lý trong nước như Luật An ninh mạng năm 2018 [14] và các đạo luật trong lĩnh vực hàng hải như Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2019 [15] đã củng cố quyền kiểm soát quản lý, chủ quyền kỹ

  thuật số và quản trị hàng hải.

Chính sách đối ngoại kết giao rộng khắp của Việt Nam đã không khiến nước này rơi vào thế bị cô lập. Ngược lại, việc đa dạng hóa có tính toán đã được thiết kế nhằm xây dựng năng lực, nâng cao khả năng chống chịu và làm tăng cái giá phải trả nếu có hành vi cưỡng ép, đặc biệt là từ các nước láng giềng hùng mạnh. Những công cụ chiến lược được xây dựng kỹ lưỡng này đã đánh dấu một bước chuyển dịch lớn trong lập trường đối ngoại của Hà Nội: từ phòng ngừa rủi ro bằng tuyên bố sang phòng ngừa rủi ro chủ động thông qua các công cụ chính trị, quân sự, kinh tế và pháp lý hữu hình.

## Tự chủ chiến lược của Ấn Độ: Sự kế thừa và sự tranh cãi

Truyền thống chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ lâu đã phản ánh cam kết đối với sự tự lực chiến lược, từ chính sách không liên kết trong lịch sử cho đến khuôn khổ đa liên kết hiện nay. Xuyên suốt quỹ đạo này, Ấn Độ đã nhất quán khẳng định quyền theo đuổi lợi ích quốc gia một cách độc lập thay vì thông qua các liên minh chính thức. Giới lãnh đạo chính trị Ấn Độ thường xuyên nêu bật tư duy logic này. Thủ tướng Narendra Modi từng tuyên bố [16]: "Thời khắc của Ấn Độ đã đến... Chúng ta sẽ can dự với tất cả các quốc gia trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi". Tương tự, Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar đã nhấn mạnh quan điểm này khi khẳng định [17]: "Ấn Độ sẽ làm những gì phục vụ cho lợi ích của Ấn Độ. Các nước khác cũng phải hiểu rằng kỷ nguyên đơn cực đã qua rồi". Kết hợp lại, những tuyên bố này phản ánh sự tự nhận thức của Ấn Độ với tư cách là một chủ thể tự chủ trong một trật tự toàn cầu đang chuyển dịch.

Tuy nhiên, việc khẳng định tự chủ chiến lược cũng mang lại những cái giá chính trị hữu hình cho Ấn Độ. Các lựa chọn chính trị của Ấn Độ, bắt nguồn từ sự tính toán có chủ quyền và lợi ích quốc gia, ngày càng vấp phải sự chỉ trích và sức ép, đặc biệt là từ các đối tác phương Tây. Điều này tương phản gay gắt với sự đón nhận dành cho Việt Nam, quốc gia vốn được ca ngợi nhờ nền ngoại giao cây tre chuẩn xác và kỷ luật. Hà Nội đã duy trì các mối quan hệ đối tác chặt chẽ và song song với Trung Quốc,
Hoa Kỳ, Nga, Ấn Độ và Nhật Bản mà không vấp phải sự chỉ trích nào.

**Một cách hữu ích để hiểu được sự bất đối xứng này nằm ở tư duy logic phân tầng của hệ thống quốc tế. Với tư cách là một cường quốc đang nổi lên, Ấn Độ thu hút sự soi xét và kỳ vọng chiến lược lớn hơn rất nhiều. Các hành động của Ấn Độ được diễn giải không chỉ đơn thuần là chức năng của một chính sách đối ngoại độc lập, mà là những tín hiệu mang hệ quả toàn hệ thống đối với cán cân quyền lực. Ngược lại, các quốc gia nhỏ hơn và tầm trung như Việt Nam được trao không gian rộng hơn để xoay xở chính bởi họ không bị nhìn nhận là những kiến trúc sư tiềm năng của trật tự quốc tế. Hệ quả là, việc Ấn Độ theo đuổi tự chủ chiến lược thường bị phán xét qua lăng kính của chính trị chọn phe, trong khi trường hợp của Việt Nam lại được nhìn nhận như một thuật trị quốc thực tế.**

### Sự bất đối xứng mang tính cấu trúc: Tại sao Việt Nam được ca ngợi còn Ấn Độ lại chịu sức ép

Cả Việt Nam và Ấn Độ đều phải đối mặt với thách thức chung là điều hướng trong một trật tự quốc tế ngày càng phức tạp và cạnh tranh. Tuy nhiên, vị thế toàn cầu, năng lực và tham vọng của hai nước không thể khác biệt hơn.
Việt Nam không tìm kiếm vị thế cường quốc, cũng không khao khát bá quyền khu vực.
Chiến lược dài hạn của Việt Nam dựa trên một khối ASEAN thống nhất, nhấn mạnh vào phát triển kinh tế và an ninh tập thể.

Ngược lại, Ấn Độ là nền kinh tế và quân sự lớn thứ tư thế giới, mang trong mình cả tham vọng nước lớn lẫn tiềm năng mang tính cấu trúc. Ấn Độ và Trung Quốc phải đối mặt với một thế lưỡng nan mang tính cấu trúc, nơi bất kỳ lợi ích chiến lược nào mà Ấn Độ giành được cũng là một sự mất mát đối với Trung Quốc và ngược lại. Đối với phương Tây, Ấn Độ là một bức tường thành khu vực chống lại chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc, một thị trường thay thế và một nền dân chủ cùng chí hướng có chung lợi ích chiến lược. Ấn Độ từng được nhìn nhận như một người khổng lồ về nhân khẩu học, kinh tế và quân sự đang chờ ngày vươn vai. Trong suốt một thập kỷ rưỡi qua, Ấn Độ đã được tất cả các cường quốc săn đón [18], tận hưởng một giai đoạn can dự sâu sắc với Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc và châu Âu, đồng thời tham gia vào cả Tổ chức Hợp tác Thượng Hải lẫn Nhóm Bộ tứ.

Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, không gian địa chính trị của Ấn Độ ngày càng bị thu hẹp. Quốc gia này thấy mình phải điều hướng trước các sức ép từ Hoa Kỳ (và phương Tây), Trung Quốc và Nga. Việc Ấn Độ đánh mất điểm thuận lợi vàng về địa chính trị [19] thể hiện rõ qua nhiều diễn biến: các hành động trừng phạt của chính quyền Tổng thống Trump đối với mối quan hệ năng lượng và quân sự giữa Ấn Độ và Nga, sự thiếu nhạy cảm kéo dài của Trung Quốc trước các mối quan ngại an ninh đa dạng của Ấn Độ, và sự sụt giảm mức độ quan tâm của Nga đối với các thách thức đối ngoại của Ấn Độ do phải tập trung vào các cuộc xung đột của chính mình.

Tầm quan trọng chiến lược của Ấn Độ đối với Hoa Kỳ bắt nguồn từ năng lực kiềm chế Trung Quốc, điều lý giải cho việc Washington thúc đẩy mạnh mẽ vai trò của Ấn Độ như một bên cung cấp an ninh ròng vào đầu những năm 2000. Việc vun đắp mối quan hệ chặt chẽ với New Delhi từng mang tính sống còn để duy trì cán cân quyền lực khu vực, và ngầm ẩn trong sự can dự này là kỳ vọng rằng Ấn Độ sẽ liên kết gần hơn với Washington. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế và quân sự nhanh chóng của Trung Quốc đã định hình lại các ưu tiên toàn cầu, buộc cả Hoa Kỳ và Nga phải ưu tiên những lợi ích trước mắt từ cỗ máy tăng trưởng của Trung Quốc.

Một bước ngoặt nữa đã xuất hiện sau lập trường quyết đoán của Ấn Độ về tự chủ chiến lược liên quan đến cuộc chiến Nga - Ukraine,

vốn bị nhìn nhận như một sự thách thức hơn là chủ nghĩa thực dụng. Điều này phát đi tín hiệu tới Washington rằng Ấn Độ sẽ không từ bỏ chính sách đối ngoại độc lập của mình và khó có khả năng coi Hoa Kỳ là một đối tác độc quyền. Để đáp lại [20], quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ ngày càng mang tính chất giao dịch thực dụng.

Trong khi đó, các hành động quyết liệt của Trung Quốc dọc theo Đường kiểm soát thực tế (LAC) vào năm 2020, kết hợp với sự hỗ trợ của nước này dành cho Pakistan trong cuộc xung đột tháng 5 năm 2025 với Ấn Độ, đã tiếp tục thách thức triển vọng của Ấn Độ với tư cách là một bên cung cấp an ninh ròng trong khu vực. Sự bất đối xứng về ngoại giao, quân sự và kinh tế giữa hai người khổng lồ châu Á đã thuyết phục Bắc Kinh rằng mối quan hệ song phương cần được nhìn nhận qua lăng kính chính trị thực dụng (realpolitik), nơi trật tự phân tầng phải được thiết lập tương xứng với sức mạnh tương đối.

> **Trong khi Việt Nam tận dụng ASEAN để phân tán căng thẳng và rủi ro, Ấn Độ phần lớn lại vận hành đơn độc với tư cách là một cường quốc lục địa và hàng hải. Hơn nữa, khả năng hạn chế của Ấn Độ trong việc chuyển hóa lập trường ngoại giao thành sự tích lũy năng lực bền vững vẫn còn thiếu đồng đều. Điều này làm suy yếu nền tảng vật chất cho quyền tự chủ của nước này. Do đó, không gian chính sách của Ấn Độ đang bị thu hẹp không phải vì học thuyết của họ có khiếm khuyết, mà bởi vị thế mang tính cấu trúc của Ấn Độ tạo ra những kỳ vọng mà sức mạnh vật chất của đất nước vẫn chưa hoàn toàn theo kịp.**

## Kết luận

Tự chủ chiến lược trong trật tự quốc tế đương đại không được phán xét dựa trên sự thuần khiết về mặt khái niệm mà dựa vào vị thế mang tính cấu trúc. Việt Nam và Ấn Độ đều thực hành chính sách đa liên kết, nhưng kinh nghiệm của hai nước cho thấy cách thức mà sự phân tầng, kỳ vọng quyền lực và sự bất đối xứng về năng lực định hình nên sự thành công hay rào cản của các chiến lược tự chủ. Quyền tự chủ của Việt Nam được giữ ổn định nhờ những tham vọng hệ thống có giới hạn, sự gắn kết sâu sắc vào ASEAN và chiến lược phòng ngừa rủi ro có kỷ luật, cho phép duy trì sự linh hoạt mà không làm dấy lên các yêu sách buộc phải chọn phe. Ngược lại, quyền tự chủ của Ấn Độ lại diễn ra dưới gánh nặng của kỳ vọng dành cho một nước lớn, các cuộc chuyển giao quyền lực chưa ngã ngũ và sự thu hẹp mức độ dung thứ đối với thái độ mơ hồ chiến lược. Do đó, sự khác biệt giữa hai quốc gia không phản ánh sự thất bại của học thuyết, mà phản ánh những áp lực bất bình đẳng do một trật tự đa cực rạn nứt và đầy tính cạnh tranh áp đặt lên.

## Chú thích cuối bài


[1] Miles Maochun Yu. 2022. Cuộc chiến tranh Trung - Việt năm 1979 và những hệ quả của nó (The 1979 Sino-Vietnamese War and Its Consequences). Viện Hoover. Đường dẫn: https://www.hoover.org/research/1979-sino-vietnamese-war-and-its-consequences.

[2] Sự tự vệ theo công thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc liên quan đến Chiến tranh Việt Nam (The CCP's formulaic self-defense regarding the Vietnam War).

HKFront. https://www.hkfront.org/wcvcw12.htm

[3] Paula Las Heras, Nathalia Lozano Murphy, Ana Sofía Ramos. 2024. Cây tre VIỆT NAM đứng vững trước những ngọn gió của một thế giới đa cực (The Bamboo VIETNAM against the Winds Holding Strong of a Multipolar World). Đường dẫn: https://www.unav.edu/documents/16800098/17755721/vietnam-bamboo-holdings-strong-in-a-multipolar-world.pdf

[4] Zachary Abuza và Nguyen Nhat Anh. 2016. Hiện đại hóa quân đội của Việt Nam (Vietnam's Military Modernization). Đường dẫn: https://thediplomat.com/ 2016/10/vietnams-military-modernization/

[5] Trang bị vũ khí cho Việt Nam: Quan hệ an ninh quốc tế mở rộng nhằm hỗ trợ phát triển năng lực quân sự (Arming Vietnam: Widened International-security Relations in Support of Military-capability Development). 2023. Đường dẫn: https://www.iiss.org/globalassets/global-content---content--migration/arming-vietnam-widened-internationalsecurity-relations-in-support-of-militarycapability-development.pdf

[6] Felix Kim. 2025. Thỏa thuận pháo tự hành K9 của Việt Nam đánh dấu bước thoát ly khỏi Nga, thúc đẩy nỗ lực quốc phòng của Hàn Quốc (Vietnam's K9 howitzer deal marks break from Russia, boosts South Korea's defense

push). Đường dẫn: https://ipdefenseforum.com/2025/10/vietnams-k9-howitzer-deal-marks-break-from-russia-boosts-south-koreas-defense-push/

[7] Cục Thông tin Báo chí Ấn Độ. 2022. Bộ trưởng Quốc phòng (Raksha Mantri) Shri Rajnath Singh bàn giao 12 xuồng tuần tra cao tốc, được đóng theo Gói tín dụng 100 triệu đô la Mỹ của Ấn Độ, cho Việt Nam (Raksha Mantri Shri Rajnath Singh hands over 12 High Speed Guard Boats, constructed under India's $US 100 million Line of Credit, to Vietnam). Đường dẫn: https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1832495&reg=3&lang=2

[8] Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. 2025. Hoa Kỳ chuyển giao tàu tuần duyên hoạt động dài ngày (WHEC) thứ ba cho Cảnh sát biển Việt Nam nhân dịp hai nước kỷ niệm 30 năm quan hệ ngoại giao (United States Transfers Third High-Endurance Cutter (WHEC) to Vietnam Coast Guard as Nations Celebrate 30 years of Diplomatic Relations). Đường dẫn: https:// vn.usembassy.gov/united-states-transfers-third-high-endurance-cutter-whec-to-vietnam-coast-guard-as-nations-celebrate-30-years-of-diplomatic-relations/

[9] Hanh Nguyen. 2021. Hợp tác xây dựng năng lực hàng hải giữa Nhật Bản và Việt Nam: Sự hội tụ của các lợi ích chiến lược (Maritime Capacity-building Cooperation between Japan and Vietnam: A Confluence of Strategic Interests). Đường dẫn: https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2021-148-maritime-capacity-building-cooperation-between-japan-and-vietnam-a-confluence-of-strategic-interests-by-hanh-nguyen/

[10] Francesco Guarascio và Phuong Nguyen. 2025. Pháp, Việt Nam ký kết các thỏa thuận trị giá 10 tỷ đô la Mỹ nhân chuyến thăm Hà Nội của Tổng thống Macron (France, Vietnam sign deals worth $10 billion as Macron visits Hanoi). Đường dẫn: https://www.reuters.com/ business/aerospace-defense/france-vietnam-set-sign-dozens-deals-macron-visits-hanoi-2025-05-26/

[11] Báo Quân đội nhân dân. 2025. Việt Nam, Hà Lan chứng kiến những thành tựu hợp tác trên nhiều lĩnh vực: Đại sứ (Vietnam, Netherlands witness cooperation achievements across multiple sectors: Ambassador). Đường dẫn: https://en.qdnd.vn/foreign-affairs/bilateral-relations/vietnam-netherlands-witness-cooperation-achievements-across-multiple-sectors-

ambassador-574453

[12] Sáng kiến Minh bạch Hàng hải Châu Á. 2025. Không bỏ sót đảo nhỏ nào: Việt Nam bồi đắp đất tại mọi tiền đồn còn lại ở Trường Sa (No Islets Left Behind: Vietnam Reclaims Land at Every Remaining Spratly Outpost). Đường dẫn: https://amti.csis.org/no-islet-left-behind-vietnam-reclaims-land-at-every-remaining-spratly-outpost/

[13] Hoạt động xây dựng đảo của Việt Nam ở Trường Sa có thể sớm vượt qua Trung Quốc, theo báo cáo (Vietnam island building in Spratlys may soon surpass China's, report says). 2025. Đường dẫn: https://www.reuters.com/world/china/vietnam-island-building-spratlys-may-soon-surpass-chinas-report-says-2025-08-22/

[14] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 (Law on Cybersecurity No. 24/2018/QH14). Đường dẫn: https://www.economica.vn/Content/files/LAW%20%26%20REG/Law%20on%20Cyber%20Security%202018.pdf.

Economica

[15] Hướng dẫn pháp luật. Luật Cảnh sát biển Việt Nam (Law on the Vietnam Coast Guard). Tạp chí Vietnam Law & Legal Forum. 2019. Đường dẫn: https://vietnamlawmagazine.vn/law-on-the-vietnam-coast-guard-6626.html

[16] Anoop Verma. Phong trào không liên kết mới: Tự chủ chiến lược đang vẽ lại bản đồ quyền lực trong một thế giới đa cực như thế nào (The new non-aligned: How Strategic Autonomy is redrawing power in a multipolar world). 2025. Đường dẫn: https://government.economictimes.indiatimes.com/news/governance/the-rise-of-strategic-autonomy-redefining-global-power-dynamics-in-a-multipolar-era/125674625

[17] Như trên (Ibid.).

[18] Ravi Buddhavarapu. 2022. Ấn Độ đang ở điểm thuận lợi vàng, được cả Nhóm Bộ tứ, Trung Quốc và Nga săn đón (India is in a sweet spot, courted by the Quad, China and Russia). Đường dẫn: https://www.cnbc.com/ 2022/03/24/india-is-in-a-sweet-spot-courted-by-the-quad-china-and-russia.html

[19] Siddharth Raimedhi. 2025. Ấn Độ đã đánh mất điểm thuận lợi vàng về địa chính trị trên thế giới như thế nào (How India lost its geopolitical sweet spot in the world). Đường dẫn: https://theprint.in/opinion/how-india-lost-its-geopolitical-sweet-spot-in-the-world/2713262/

[20] Mao Keji. 2025. Từ đứa con cưng thành quân tốt bị bỏ rơi: Sự dịch chuyển trong chính sách Ấn Độ của Tổng thống Trump trong nhiệm kỳ thứ hai (Favourite Child To Abandoned Pawn: The Shift In Trump's India Policy During His Second Term). Cultural Horizons. Đường dẫn: https://mp.weixin.qq.com/s/F2u1n_ozr5rX46iVIHqZxA

# TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN BRICS CỦA ẤN ĐỘ

**Raj Kumar Sharma**




*Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi hội kiến Tổng thống Brazil Luiz Inácio Lula da Silva tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại để tham dự Hội nghị Thượng đỉnh BRICS, tại Brazil vào ngày 06 tháng 7 năm 2025. | News Arena India.*

## Tự chủ Chiến lược và Chủ nghĩa Đa phương

Sau khi đăng cai thành công Hội nghị Thượng đỉnh G20 năm 2023, Ấn Độ đã đảm nhiệm cương vị Chủ tịch của một thể chế đa phương quan trọng khác là BRICS vào năm 2026 lần thứ tư, sau khi từng chủ trì các hội nghị thượng đỉnh BRICS vào các năm 2012, 2016 và 2021.
Chủ nghĩa đa phương luôn là một đặc trưng cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, qua đó New Delhi tìm cách cân bằng giữa các lợi ích quốc gia với những cam kết toàn cầu của mình với tư cách là một cường quốc đang trỗi dậy có trách nhiệm.

Đã có ba giai đoạn riêng biệt trong tiến trình tiến hóa của chủ nghĩa đa phương thuộc chính sách đối ngoại Ấn Độ. Giai đoạn thứ nhất (1947 - 1961) mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa phổ quát, chủ nghĩa duy tâm và các chuẩn mực đạo đức. Trong giai đoạn thứ hai (1961 - 1991), Ấn Độ lựa chọn tham gia kiến tạo các thể chế song song với Liên Hợp Quốc, tiêu biểu như Phong trào Không liên kết (NAM) và Nhóm G-77. Giai đoạn thứ ba bắt đầu khi Chiến tranh Lạnh kết thúc vào năm 1991, thời kỳ mà Ấn Độ chủ động tham gia các tổ chức như G20, BRICS, Đối thoại An ninh Bốn bên (Quad) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), phản ánh sự khởi đầu của đường lối đa liên kết trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Sự tiến hóa này cũng nêu bật khát vọng của Ấn Độ, với tư cách là một cường quốc mới nổi, trong việc phát huy tầm ảnh hưởng ở cấp độ đa phương, trái ngược với giai đoạn đầu mới giành độc lập khi mà chiến lược đa phương của Ấn Độ mang bản chất phòng thủ nhiều hơn.
Quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ gắn liền sâu sắc với chính sách đa phương hóa, bởi nó cho phép Ấn Độ đồng thời tham gia vào các diễn đàn đa phương đa dạng như BRICS và

Quad, trước hết nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia mà không bị ràng buộc vào các nghĩa vụ liên minh quân sự. Cách tiếp cận này giúp Ấn Độ nâng cao quyền tự chủ chiến lược thông qua việc xây dựng các liên minh linh hoạt dựa trên sự tương đồng về lợi ích. Do đó, chủ nghĩa đa phương trở thành một công cụ hữu hiệu để bảo tồn và mở rộng quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ. Đồng thời, chủ nghĩa đa phương mang lại cho Ấn Độ cơ hội đưa các vấn đề quan trọng của phương Nam Toàn cầu lên vị trí hàng đầu. Bản sắc phương Nam Toàn cầu của Ấn Độ tạo dựng nền tảng đạo lý và tính chính danh cho quyền tự chủ chiến lược của nước này, và cả hai nhân tố này có tác động củng cố lẫn nhau.

So với Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) - một thể chế quốc tế khác mà cả Ấn Độ và Trung Quốc đều là thành viên - BRICS giữ vị thế thuận lợi hơn trong việc thúc đẩy quyền tự chủ chiến lược của New Delhi. SCO có chương trình nghị sự hẹp, chủ yếu tập trung vào các vấn đề an ninh và mang cách tiếp cận mang nặng tính khu vực. So sánh với điều đó, BRICS mang nhãn quan toàn cầu với một nghị trình rộng lớn hơn, bao gồm các vấn đề của phương Nam Toàn cầu và công cuộc cải cách các thể chế quản trị toàn cầu. Quyền lực bên trong BRICS có sự phân tán rộng rãi hơn, không giống như tại SCO nơi tầm ảnh hưởng của Trung Quốc thể hiện rõ nét hơn do thiếu vắng các quốc gia thành viên có khả năng đối trọng với Bắc Kinh. Vì vậy, BRICS tạo điều kiện thuận
lợi hơn cho tính linh hoạt và quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ.

### Không liên kết, Đa liên kết và Sự xuất hiện của BRICS

Cả Phong trào Không liên kết và BRICS đều là những ví dụ điển hình về các tập hợp đa phương mà Ấn Độ tham gia với tư cách thành viên sáng lập; tuy nhiên, giữa hai cơ chế này tồn tại những điểm khác biệt căn bản. Phong trào Không liên kết chủ yếu nhằm điều hướng sự kình địch địa chính trị thời kỳ Chiến tranh Lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô trước đây, tại thời điểm mà một nước Ấn Độ mới giành độc lập còn thiếu hụt năng lực định hình các sự kiện toàn cầu.

Ngược lại, thông qua BRICS, một nước Ấn Độ đang trỗi dậy và đầy tự tin, cùng phối hợp hành động với các cường quốc lớn khác, đang nỗ lực định hình chương trình nghị sự của nền quản trị toàn cầu. Sự hiện diện của hai quốc gia nắm quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc là Nga và Trung Quốc bên trong BRICS mang lại cho nhóm này đòn bẩy lớn hơn trong các vấn đề quản trị toàn cầu, khác biệt hoàn toàn với Phong trào Không liên kết vốn chủ yếu tập hợp các quốc gia mới giành độc lập.

> **"Ngoài ra, chính sách không liên kết chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi hệ tư tưởng, trong khi tại BRICS, chính các lợi ích chung đan xen giữa các quốc gia thành viên là chất keo gắn kết khối lại với nhau. Một điểm đáng lưu ý là tư cách thành viên BRICS cho phép Ấn Độ thoát khỏi tình thế bị gắn chặt vào cặp đối đầu nhị nguyên Ấn Độ - Pakistan, qua đó định vị Ấn Độ như một cường quốc toàn cầu có trách nhiệm với các lợi ích vươn rộng ra ngoài phạm vi khu vực Nam Á."**



*Cố vấn An ninh Quốc gia Ấn Độ Ajit Doval (thứ hai từ phải sang, hàng ngồi) cùng các Cố vấn An ninh Quốc gia của các nước BRICS tại Johannesburg, Nam Phi, vào ngày 24 tháng 7 năm 2023. | PTI.*

Thời điểm thành lập BRICS vào năm 2010 (nhóm BRIC được thành lập năm 2009 và đổi thành BRICS sau khi Nam Phi gia nhập vào năm 2010) trùng hợp với giai đoạn đầu của sự hội tụ chiến lược giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ. Như Đại sứ Shyam Saran đã chỉ rõ, điều quan trọng khi đó là phải phát đi thông điệp rằng Ấn Độ sẽ không đứng cùng lập trường với Hoa Kỳ trên mọi vấn đề. Các đảng cánh tả tại Ấn Độ từng lập luận rằng quốc gia này sẽ đứng trước rủi ro đánh mất quyền tự chủ chiến lược do Thỏa thuận Hạt nhân Dân sự Hoa Kỳ - Ấn. Để đáp lại, Chính phủ Ấn Độ đã khẳng định rõ ràng rằng Ấn Độ sẽ không bao giờ thỏa hiệp nền độc lập trong việc ra quyết sách và sẽ tiếp tục kiên trì giữ vững quyền tự chủ chiến lược của mình.

Chính trong bối cảnh đó, Ấn Độ đã cụ thể hóa đường lối đối ngoại đa liên kết - một chiến lược nhằm xây dựng và điều phối các liên minh lợi ích linh hoạt, đòi hỏi sự ứng xử khéo léo trước những mối quan hệ phức tạp và các cơ hội mới nổi. Đa liên kết giải quyết thế tiến thoái lưỡng nan của Ấn Độ trong việc dung hòa giữa quyền tự chủ chiến lược với sự can dự chặt chẽ hơn cùng các cường quốc lớn. Đối với New Delhi, mục tiêu là khai thác các mối quan hệ với những khối đối lập và các nhóm quốc gia đa dạng nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia của chính mình.

Khi Thỏa thuận Hạt nhân Hoa Kỳ - Ấn đánh dấu bước khởi đầu cho các mối liên kết chiến lược và kinh tế chặt chẽ hơn giữa Ấn Độ và phương Tây, việc New Delhi tiếp tục tham gia BRICS đã phát đi tín hiệu về ý định duy trì các mối quan hệ song song với các quốc gia phi phương Tây, qua đó bảo vệ và củng cố quyền tự chủ chiến lược của đất nước.

## BRICS và Quyền Tự chủ Chiến lược của Ấn Độ

BRICS mở rộng các lựa chọn về thể chế, kinh tế và ngoại giao của Ấn Độ trong một trật tự toàn cầu ngày càng bất định, và nhờ đó củng cố thêm quyền tự chủ chiến lược của quốc gia này.

- **Cải cách Quản trị Toàn cầu:** BRICS cung cấp một diễn đàn mà thông qua đó Ấn Độ thúc đẩy cải cách các thể chế quản trị toàn cầu, bao gồm Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (UNSC), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Hiện vẫn tồn tại những chia rẽ nội bộ giữa các thành viên BRICS về vấn đề cải cách Hội đồng Bảo an,

  điều này ngăn cản các hành động mang tính

đột phá trên thực tế. Tuy nhiên, đối với Ấn Độ, tư cách thành viên BRICS giúp duy trì nội dung cải cách Hội đồng Bảo an trên chương trình nghị sự toàn cầu, huy động sự ủng hộ của quốc tế và định hình dư luận thế giới. Một chiếc ghế thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc sẽ củng cố đáng kể quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ bằng việc nâng cao tiếng nói trong các tiến trình ra quyết định toàn cầu và củng cố nền độc lập của chính sách đối ngoại.

- **Bản sắc Phi phương Tây:** BRICS nhấn mạnh bản sắc của Ấn Độ như một cường quốc phi phương Tây thay vì là một cường quốc bài phương Tây. Sự phân biệt mang tính bản chất này phản ánh nguyện vọng của Ấn Độ trong việc duy trì các mối quan hệ mang tính xây dựng với phương Tây, với việc BRICS giữ vai trò là nền tảng cho sự hợp tác hơn là đối đầu. Ấn Độ luôn kiên trì phản đối các phát ngôn bài phương Tây không cần thiết bên trong BRICS, đồng thời nhấn mạnh rằng cơ chế này không phải là một liên minh chính thức mà là một sự dàn xếp không chính thức và linh hoạt. Tính linh hoạt này cho phép Ấn Độ cân bằng các mối quan hệ vượt qua các ranh giới chia rẽ địa chính trị mà không cần phải tham gia liên minh chính thức, nhờ đó bảo tồn quyền tự chủ chiến lược của mình. Ngay cả trong tiến trình mở rộng BRICS, Ấn Độ vẫn duy trì sự thận trọng để cơ chế này không biến đổi thành một nền tảng bài phương Tây do Trung Quốc chi phối, bởi một kết cục như vậy sẽ bó hẹp sự linh hoạt và quyền tự do hành động của chính New Delhi.
- **Cơ chế Tài chính Thay thế:** Ngân hàng Phát triển Mới (NDB), được đề xuất thành lập trong khuôn khổ BRICS, đóng vai trò như một cơ chế tài chính thay thế phục vụ các nhu cầu phát triển bền vững và hạ tầng của Ấn Độ. NDB đã phê duyệt các khoản vay trị giá xấp xỉ 10 tỷ USD cho 28 dự án cơ sở hạ tầng lớn tại Ấn Độ, bao gồm các tuyến tàu cao tốc Namo Bharat, các dự án đường sắt đô thị tại Mumbai, Indore, Chennai và Hệ thống Giao thông Nhanh Khu vực Delhi - Ghaziabad - Meerut. Không giống như các khoản vay từ những thể chế do phương Tây chi phối như WB và IMF, nguồn vốn từ NDB không đi kèm các điều kiện ràng buộc khắt khe, qua đó mở rộng quyền tự chủ kinh tế và nâng cao năng lực mặc cả chiến lược của Ấn Độ.
- **Tạo thuận lợi cho Đa liên kết:** BRICS tương thích chặt chẽ với chiến lược đa liên kết của Ấn Độ khi tạo điều kiện can dự với các cường quốc lớn phi phương Tây, bao gồm Nga, Trung Quốc, Nam Phi và Brazil, cũng như các thành viên mới hơn như Ả Rập Xê-út, Ai Cập, UAE, Ethiopia, Indonesia và Iran. Đồng thời, Ấn Độ vẫn duy trì các mối liên kết vững chắc với phương Tây thông qua các diễn đàn như Quad, G20 và các cơ chế tiếp xúc mở rộng của G7. Cách tiếp cận này thúc đẩy việc đa dạng hóa chiến lược mà không dẫn đến tình trạng phụ thuộc thái quá vào bất kỳ đối tác đơn lẻ nào.
- **Ảnh hưởng Chuẩn tắc:** BRICS nâng cao năng lực kiến tạo nghị trình và tầm ảnh hưởng chuẩn tắc của Ấn Độ, cho phép New Delhi định hình các cuộc thảo luận về cải cách quản trị toàn cầu, hạ tầng số công cộng và các ưu tiên của phương Nam Toàn cầu. Điều này định vị Ấn Độ ở vị thế của một quốc gia tham gia định hình luật chơi thay vì thụ động tuân thủ luật chơi. Mặc dù thực tế là Nga và Trung Quốc muốn biến BRICS thành một đối trọng địa chính trị với phương Tây, Ấn Độ đã liên tục tìm cách hướng chương trình nghị sự của BRICS vào các ưu tiên của phương Nam Toàn cầu. Điều này phản ánh quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ bên trong BRICS bất chấp sức ép từ các nước lớn. Tại đây, Ấn Độ có thể khẳng định vị thế như một cầu nối giữa phương Tây và phương Đông, đồng thời gắn kết quyền tự chủ chiến lược của mình với trách nhiệm toàn cầu nhằm bảo đảm các lợi ích của phương Nam Toàn cầu được bảo vệ.
- **Can dự Độc lập với Trung Quốc và Nga:** Sự can dự của Ấn Độ với cả Trung Quốc và Nga thông qua BRICS là minh chứng điển hình

cho quyền tự chủ chiến lược của quốc gia này. Bất chấp các căng thẳng song phương vẫn đang tiếp diễn với Trung Quốc, New Delhi vẫn duy trì quan hệ công tác thực chất với Bắc Kinh. Ấn Độ hoàn toàn thoải mái trong việc thụ hưởng các dự án hạ tầng do NDB tài trợ, ngay cả khi Trung Quốc giữ vai trò quan trọng trong thể chế này. Cách tiếp cận tương tự cũng được thể hiện rõ nét trong sự can dự của Ấn Độ với Nga: trong khi Ấn Độ không lên án cũng không ủng hộ các hành động quân sự của Nga tại Ukraine, nước này luôn nhất quán nhấn mạnh đối thoại và ngoại giao. Tại Hội nghị Thượng đỉnh BRICS năm 2024 ở Kazan, Ấn Độ đã tái khẳng định lập trường ủng hộ giải pháp hòa bình thay vì chiến tranh.

## Kết luận

Hoa Kỳ luôn có cái nhìn hoài nghi đối với BRICS; tuy nhiên, thái độ thù địch của Washington đối với nhóm này đã mang một sắc thái mới gay gắt hơn khi Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đe dọa áp mức thuế 100% đối với các nước BRICS nếu các quốc gia này có những bước đi hướng tới việc phi đô la hóa.

Điều này diễn ra bất chấp thực tế rằng đợt mở rộng quy mô lớn nhất của BRICS đã diễn ra chỉ một năm trước khi ông tuyên thệ nhậm chức. Bất chấp những động thái đó, Ấn Độ vẫn tiếp tục thúc đẩy công tác chuẩn bị để đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh BRICS tiếp theo tại Ấn Độ vào năm 2026. Những lời đe dọa của Trump khó có khả năng làm đình trệ các hoạt động của BRICS hay chấm dứt sự tồn tại của nhóm như một tập hợp lực lượng, song chúng sẽ khiến nhiều thành viên trở nên thận trọng hơn trong việc rời xa đồng đô la. Về phía Ấn Độ, nước này không phải là bên cổ xúy cho tiến trình phi đô la hóa, khác biệt với lập trường của Nga hay Trung Quốc. Ấn Độ cũng khẳng định rất rõ ràng rằng BRICS không phải là một khối chính trị, càng không phải là một liên minh quân sự nhằm chống lại Hoa Kỳ. Ấn Độ nắm giữ những lợi ích to lớn trong việc bảo vệ mối quan hệ với Hoa Kỳ và sẽ không đánh đổi điều đó vì những lợi ích chưa thực sự chắc chắn.

> **"Ấn Độ đã tiếp quản cương vị Chủ tịch BRICS năm 2026. Theo nhận định của Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ, Tiến sĩ S. Jaishankar, BRICS đã 'phát triển thành một diễn đàn quan trọng cho sự hợp tác giữa các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển'. Ấn Độ tiếp cận nhiệm kỳ Chủ tịch BRICS với phương châm 'đặt nhân loại lên hàng đầu' và cách tiếp cận 'lấy con người làm trung tâm'. Chủ đề của Ấn Độ - 'Xây dựng vì Khả năng chống chịu, Đổi mới sáng tạo, Hợp tác và Tính bền vững' - nhấn mạnh tầm quan trọng của việc củng cố các năng lực nội sinh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm phát triển bền vững vì lợi ích của tất cả các bên."**

BRICS cho phép Ấn Độ can dự với các cường quốc lớn phi phương Tây mà không cần bước vào các liên minh chính thức. Bằng việc duy trì tư thế phi phương Tây thay vì bài phương Tây trong BRICS, Ấn Độ có thể đồng thời làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác với các nước phương Tây trong khi vẫn kiên định với chính sách đa liên kết của mình. Những thách thức chiến lược quy mô rộng lớn hơn với Trung Quốc đặt ra những giới hạn đối với mức độ hợp tác khả dĩ trong khuôn khổ BRICS. Bất chấp nhiều mâu thuẫn nội tại, BRICS sẽ tiếp tục là một cấu phần sống còn trong chính sách đối ngoại và việc thực thi quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ. Xét theo ý nghĩa đó, đây là một ví dụ điển hình về việc Ấn Độ thực thi thế cân bằng trong các mối quan hệ đa dạng khi quốc gia này vươn mình trở thành một cường quốc trong những năm tới.